SSI

2019
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ĐẬM DẤU ẤN VỮNG TƯƠNG LAI



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 4

ĐẬM DẤU ẤN

TỔNG QUAN 10
Dấu ấn SSI – Hành trình 20 năm
Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
Thông tin doanh nghiệp
Lịch sử phát triển
Ngành nghề kinh doanh
Giải thưởng tiêu biểu
Tóm lược về Công ty và Bộ máy tổ chức

DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2019 30
Sự kiện tiêu biểu 2019
Môi trường kinh doanh 2019
Báo cáo kết quả hoạt động 2019

TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG – XÃ HỘI 52

VỮNG TƯƠNG LAI

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 62
Môi trường kinh doanh 2020
Chiến lược phát triển trung – dài hạn
Kế hoạch hành động 2020

YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG 76
Công nghệ Thông tin
Quản trị Nguồn nhân lực
Văn hóa doanh nghiệp

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG 90
Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị
Báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát
Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
Quản trị rủi ro
Thông tin cổ phiếu và Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
Đánh giá quản trị công ty tại SSI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2019 122

THÔNG TIN KHÁC 202



THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông,

Việt Nam trải qua năm 2019 là năm thứ 2 liên tiếp có tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 7%, thuộc nhóm cao nhất châu Á. Mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát đều được giữ vững. Cơ cấu kinh tế có sự dịch chuyển rõ nét với sự vươn lên của khối kinh tế tư nhân, góp phần rất lớn vào bình ổn các cân đối vĩ mô quan trọng. Cán cân thanh toán đạt thặng dư lớn, tạo nguồn cung ngoại tệ dồi dào cho dự trữ ngoại hối và gián tiếp tăng nguồn cung tiền cho thanh khoản của hệ thống ngân hàng, lãi suất vì vậy được giữ ở mức thấp. Ngược lại với diễn biến vĩ mô tích cực, Thị trường Chứng khoán Việt Nam lại đối mặt với một thời kỳ khó khăn trước sự e ngại của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thanh khoản, giá trị giao dịch toàn thị trường và tổng giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài đều giảm đáng kể so với năm 2018. VN-Index mất đà tăng trong 9 tháng cuối năm do lo ngại trước rủi ro từ bất ổn chính trị toàn cầu cùng với sự thiếu hụt các yếu tố xúc tác mới cho thị trường trong nước khiến nhà đầu tư trong và ngoài nước đều chủ động rút vốn khỏi các tài sản rủi ro như cổ phiếu.

Bối cảnh thị trường tạo nên nhiều thách thức trong hoạt động kinh doanh cho SSI năm 2019. Mặc dù vậy, bằng kỷ luật kinh doanh trung thành với chiến lược bền vững, thích ứng với biến động của thị trường, SSI tiếp tục ghi nhận những kết quả tốt từ các lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Đối với mảng **Dịch vụ Chứng khoán,** năm 2019 đánh dấu năm thứ 6 liên tiếp SSI đứng đầu thị phần môi giới cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ trên toàn thị trường, đạt 13,31%. Quy mô khách hàng tăng trưởng lên trên 166 nghìn tài khoản, tăng 10% so với năm 2019.

Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đóng góp vai trò lớn trong việc quản lý hiệu quả nguồn vốn của Công ty, hỗ trợ Khách hàng quản lý an toàn vốn kinh doanh, thanh toán linh hoạt và nhanh chóng, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các Ngân hàng Thương mại có thương hiệu mạnh, đi tiên phong trong việc triển khai các sản phẩm dịch vụ mới.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư tập trung đẩy mạnh dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp với những giao dịch lớn khi thị trường cổ phiếu không thật sự thuận lợi cho các hoạt động huy động vốn cổ phần.

Đầu tư SSI tích cực thoái vốn các khoản đầu tư đã đạt lợi nhuận kỳ vọng và gia tăng trạng thái các cổ phiếu tốt khi thị trường điều chỉnh. Nhờ vậy, lợi nhuận của toàn danh mục vẫn vượt trội so với VN30SSI cũng là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên phát hành và làm nghiệp vụ tạo lập thị trường thành công cho sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm.

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) quản lý 4.591 tỷ VNĐ tài sản nhà đầu tư cuối năm 2019, hoàn thành vượt 12% kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Để đạt được những kết quả đó, không thể không kể đến những nỗ lực của **Khối Quản trị** luôn đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ cao nhất, cũng như hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro trong hoạt động của Công ty. **Khối Hỗ trợ** đã phối hợp các chức năng một cách nhuần nhuyễn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Công ty về nâng cao chất lượng nền tảng công nghệ & bảo mật an toàn thông tin, xây dựng và củng cố môi trường làm việc hấp dẫn cũng như là cầu nối Công ty với công chúng để mọi hoạt động của Công ty được phản ánh trung thực, hiệu quả.

Bước sang năm 2020, đại dịch toàn cầu viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (COVID-19) đã khiến triển vọng kinh tế toàn cầu trở nên u ám, nhiều nền kinh tế lớn có thể rơi vào suy thoái. Sự gián đoạn của chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng với việc hạn chế đi lại, giao thương tạo ra áp lực không nhỏ đối với Việt Nam khi còn phụ thuộc vào bên ngoài về cả thị trường đầu vào và đầu ra. Nếu dịch bệnh tiếp tục kéo dài và không được kiểm soát, việc một số doanh nghiệp phải đóng cửa là một thực tế không thể tránh khỏi. Thị trường Chứng khoán cũng phản ánh bối cảnh chung qua những tháng đầu năm với diễn biến tiêu cực. VNIndex giảm 31% trong quý 1.2020 - mức giảm lớn nhất kể từ sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, mức bán ròng của khối ngoại cũng đạt con số kỷ lục, lên tới 8.700 tỷ VNĐ. Đại dịch COVID-19 được dự đoán có thể tạo nên một cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất trong lịch sử, làm thay đổi trật tự thế giới, có thể định hình lại mô hình kinh doanh và cách thức vận hành doanh nghiệp.

Trải qua 20 năm thăng trầm cùng thị trường chứng khoán, chúng ta nhận định 2020 thực sự là một thời điểm khó khăn, nhưng cũng chính là cơ hội để SSI rà soát mô hình kinh doanh, thực hiện tinh lọc bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng nhân sự cũng như hiệu quả làm việc, và đặc biệt là thời cơ quan trọng để thực hiện quyết liệt chuyển đổi số trong doanh nghiệp, sẵn sàng ứng phó với các yếu tố khó đoán định trong tương lai, vững vàng thích nghi với hoàn cảnh mới. Đối với hoạt động kinh doanh, SSI sẽ tiếp tục chiến lược phát triển bền vững, lấy nguyên lý thành công cho tất cả các đối tượng tham gia làm nguyên tắc, lấy sự minh bạch làm phương châm hoạt động.

Xin chân thành cám ơn các quý Khách hàng, các Đối tác kinh doanh đã đồng hành cùng SSI, cám ơn Cổ đông đã tin tưởng Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo phê chuẩn các kế hoạch đưa ra tại Đại hội đồng Cổ đông, cám ơn các thành viên Hội đồng Quản trị đã cùng xây dựng các chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hợp lý. Và xin đặc biệt cám ơn toàn thể Cán bộ, Nhân viên đã đồng cam cộng khổ cùng tôi kiến tạo nên những dấu ấn sâu sắc của SSI 20 năm qua, cùng nhau vững vàng bước vào tương lai đưa công ty chúng ta lên một tầm cao mới. Với sự hợp tác của quý vị năm 2020 chúng ta sẽ tiếp tục gặt hái những thành công vượt trội.

Xin kính chúc các Quý vị sức khoẻ và thành công!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2020

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc



Nguyễn Duy Hưng

ĐẬM DẤU ẤN



1

TỔNG QUAN

DẤU ẤN SSI
HÀNH TRÌNH 20 NĂM

10 tỷ USD

số tiền SSI đã huy động cho Thị trường Chứng khoán Việt Nam qua 20 năm hoạt động

100 tỷ VNĐ

con số ngân sách mà SSI đã dành cho các hoạt động cộng đồng trong gần 20 năm

166.000

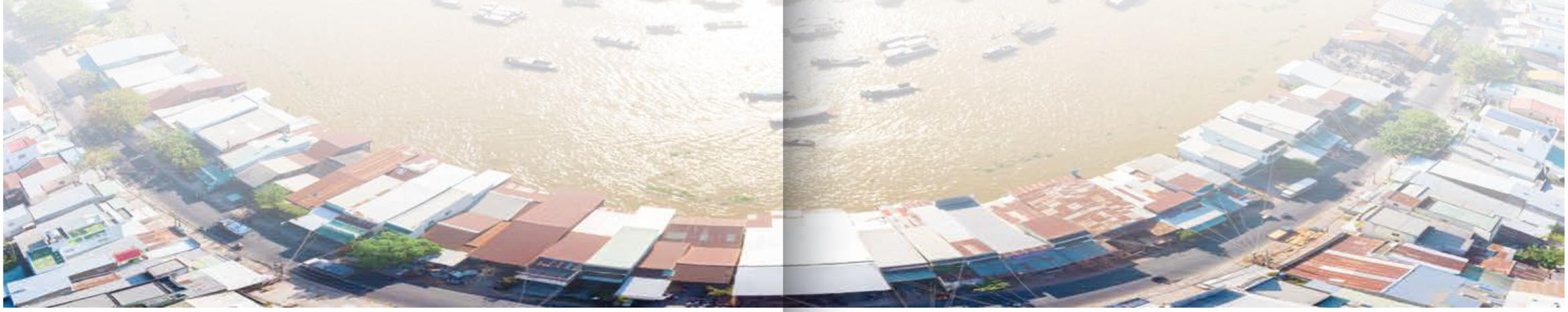
số tài khoản khách hàng SSI quản lý tính đến cuối năm 2019, chiếm 7% tổng số tài khoản trên cả nước

16

số lượng Chi nhánh/ Phòng Giao dịch của SSI, Công ty Chứng khoán có mạng lưới hoạt động lớn nhất cả nước nhằm đưa đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng

100%

SSI là công ty đầu tiên chính thức nới room ngoại lên 100%, tạo điều kiện và môi trường đầu tư bình đẳng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đưa công ty phát triển lên một tầm cao mới trong thời gian tới



1,35 tỷ USD

tổng giá trị giao dịch của thương vụ tư vấn bán thứ cấp 267,8 triệu cổ phần Vinhomes cho các Nhà đầu tư nước ngoài do SSI tư vấn, thương vụ chào bán cổ phần lớn nhất lịch sử Thị trường Chứng khoán Đông Nam Á

Top 50

Công ty nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - thể hiện vai trò "tiên phong" trong việc đóng góp vào ngân sách quốc gia cũng như thúc đẩy sự phát triển chung của toàn thị trường

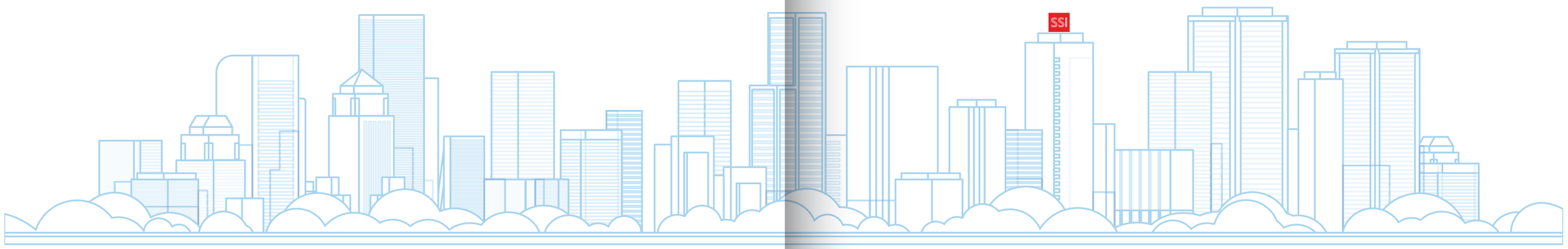
32,3 triệu USD

giá trị thương hiệu SSI được Forbes công bố vào tháng 7/2019 vừa qua, đưa SSI trở thành Top 50 Thương hiệu dẫn đầu do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn

364

tổng số giải thưởng mà SSI đã giành được sau 20 năm hoạt động. Là một trong những Công ty hoạt động lâu đời nhất tại Thị trường Chứng khoán Việt Nam, SSI luôn là cái tên tiêu biểu của Việt Nam tại các giải thưởng về tài chính danh giá trong nước và thế giới

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI) hoạt động dựa trên tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công".

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho Khách hàng, Cộng sự, Đối tác, Cổ đông và Cộng đồng. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

SỨ MỆNH

KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Sứ mệnh gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sẵn sàng giải pháp: Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

Sâu sát chuyên môn: Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kĩ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kì vọng ở SSI.

In dấu sáng tạo: Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.

THÔNG TIN **DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI – HOSE) được thành lập vào tháng 12 năm 1999, là một trong những Công ty hoạt động lâu đời nhất tại Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Sau 20 năm vận hành theo cơ chế thị trường, Công ty đã phát triển trở thành một định chế tài chính lớn nhất trên thị trường, có tốc độ phát triển nhanh nhất với mức vốn điều lệ tăng hơn 800 lần. Bằng tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đội ngũ nhân sự hùng hậu và chuyên nghiệp, SSI luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ vượt trội và toàn diện, đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông. Hiện nay, Công ty có mạng lưới hoạt động rộng rãi tại những thành phố lớn trên cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nha Trang, Vũng Tàu.

Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
	(Tên cũ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn)
Tên tiếng Anh:	SSI Securities Corporation
Đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc
Ngày thành lập:	30/12/1999
Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2019):	5.100.636.840.000 VNĐ
Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2019):	9.401.059.780.205 VNĐ
Trụ sở chính:	72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Website:	http://www.ssi.com.vn/
Điện thoại:	+84 28 38242897
Fax:	+84 28 38242997
Tổng số nhân viên (tại ngày 31/12/2019):	966 nhân viên trong đó có 531 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán

LỊCH SỬ **PHÁT TRIỂN**

30/12/1999

SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ.

1998

Thị trường Chứng khoán Việt Nam ra đời ngày 11/07/1998;

Cùng ngày, Thủ tướng Chính phủ cũng ký quyết định thành lập Trung tâm Giao dịch Chứng khoán trực thuộc Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, bao gồm Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2000

Phiên giao dịch đầu tiên đã chính thức được tổ chức tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/07/2000.

2001

07/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán.

2002

07/2002: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.

2005

06/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán, và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán.

2006

12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội);

Một năm sau đó SSI chuyển niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

2005

Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội khai trương hoạt động ngày 08/03/2005;
Cũng trong năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán độc lập duy nhất, hỗ trợ cho hoạt động của cả thị trường chứng khoán;
Tổng giá trị vốn hóa thị trường tương đương 1% GDP.

2008

04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ;

06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI.

2007

Luật Chứng khoán bắt đầu có hiệu lực;
Tổng giá trị vốn hóa thị trường tương đương 43% GDP.

20 NĂM ĐỒNG HÀNH VÀ TRƯỞNG THÀNH CÙNG TTCKVN, NHỮNG DẤU ẤN PHÁT TRIỂN CỦA SSI LUÔN GẮN LIỀN VỚI MỖI BƯỚC TIẾN QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG

2009

07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài.

2010

05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ.

2013

03/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ.

2015

SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ.

2017

01/2017: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ;

04/2017: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp vào tháng 01/2017 và tháng 04/2017 với tổng giá trị mỗi đợt đạt 300 tỷ VNĐ;

05/2017: SSI được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh.

2018

02/2018: SSI phát hành thành công 1.150 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 4%/năm;

12/2018: SSI kỷ niệm 18 năm thành lập và chính thức đổi tên công ty thành "Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI", thống nhất tên gọi công ty với tên viết tắt và mã chứng khoán phát hành trên thị trường.

2019

SSI chính thức nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm.

2020

01/2020: SSI tăng vốn điều lệ lên 5.200.636.840.000 VNĐ.

2009

Thị trường giao dịch cổ phiếu công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) chính thức được vận hành tại HNX ngày 24/06/2009.

2017

Thị trường Chứng khoán Phái sinh ra đời sau hơn 17 năm kể từ khi có thị trường cơ sở, góp phần hoàn thiện cấu trúc Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

2019

Khai trương giao dịch Chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
Tổng giá trị vốn hóa thị trường tương đương 100% GDP.

NGÀNH NGHỀ **KINH DOANH**

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết như: Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; Bán chứng chỉ quỹ mở; Bán chứng chỉ ETF; Bán chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp; Đại lý đấu giá IPO và chứng quyền có bảo đảm; Giao dịch chứng quyền có bảo đảm;

Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh như: Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền;

Sản phẩm Dịch vụ Tài chính: Giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;

Sản phẩm Dịch vụ Giao dịch Điện tử: Web Trading, Pro Trading, Mobile Trading, Smart Trading, Contact Center và SMS;

Sản phẩm Tư vấn Đầu tư: Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;

Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp: Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, Kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;

Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, Bảo lãnh phát hành trái phiếu;

Dịch vụ thiết kế, xây dựng, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, cấu trúc … để đáp ứng các nhu cầu của Công ty và Khách hàng.

ĐẦU TƯ

Đầu tư Cổ phiếu, Trái phiếu chuyển đổi, Chứng chỉ quỹ, Chứng khoán phái sinh;

Tạo lập thị trường;

Phát hành Chứng quyền có bảo đảm.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;

Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A);

Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước: Tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước;

Quản lý danh mục đầu tư, bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, Quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn;

Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.

GIẢI THƯỞNG **NỔI BẬT**

ASIAMONEY

Liên tục giành nhiều giải thưởng tại các cuộc Bình chọn Asiamoney Brokers Poll trong 7 năm liên tiếp.
Trong năm 2019, SSI đạt tổng cộng 28 hạng mục giải thưởng, gồm 3 hạng mục giải thưởng chung cho dịch vụ môi giới và 25 hạng mục giải thưởng cho nhiều cá nhân trong 2 nhóm về phân tích và bán hàng:
3 hạng mục giải thưởng cho dịch vụ môi giới
"Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam"
"Công ty tốt nhất Việt Nam về Phân tích và nghiên cứu thị trường"
"Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ môi giới"
19 giải thưởng cá nhân cho các chuyên gia phân tích của SSI trong các lĩnh vực nghiên cứu và phân tích thị trường
6 giải thưởng cá nhân cho các môi giới xuất sắc của SSI

Giải thưởng khác do Tạp chí Asiamoney trao tặng
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư tốt nhất" năm 2019
"Nhà Môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam" năm 2019

THE ASSET

Giải thưởng do The Asset trao tặng
Nhà Tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp" năm 2019

FINANCE ASIA

Giải thưởng do FinanceAsia trao tặng
"Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam" trong các năm 2008 - 2009 - 2010 - 2011 - 2014 - 2015 - 2016 - 2019
"Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam" trong các năm 2008 - 2009 - 2010 - 2012 - 2016 - 2019
"Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam" năm 2010 - 2011 - 2014 - 2016 - 2018 - 2019

ALPHA SOUTHEAST ASIA

Giải thưởng do Tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng
Nhà Môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam" năm 2017 - 2018 - 2019

FORBES

Giải thưởng do Tạp chí Forbes trao tặng
Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2014 - 2015 - 2016 - 2017 - 2018 - 2019
Top 50 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2016 - 2017 - 2018 - 2019

BÁO ĐẦU TƯ & AVM

Giải thưởng do Báo đầu tư và AVM trao tặng
M&A tiêu biểu Việt Nam năm 2018 - 2019 hạng mục công ty chứng khoán

VCCI

Giải thưởng do VCCI trao tặng
Top Doanh nghiệp có năng lực quản trị tốt trên sàn chứng khoán Việt Nam

ANPHABE

Giải thưởng do Anphabe trao tặng
Top 50 Doanh nghiệp có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất 2017 - 2018

HOSE/ HNX / VSD

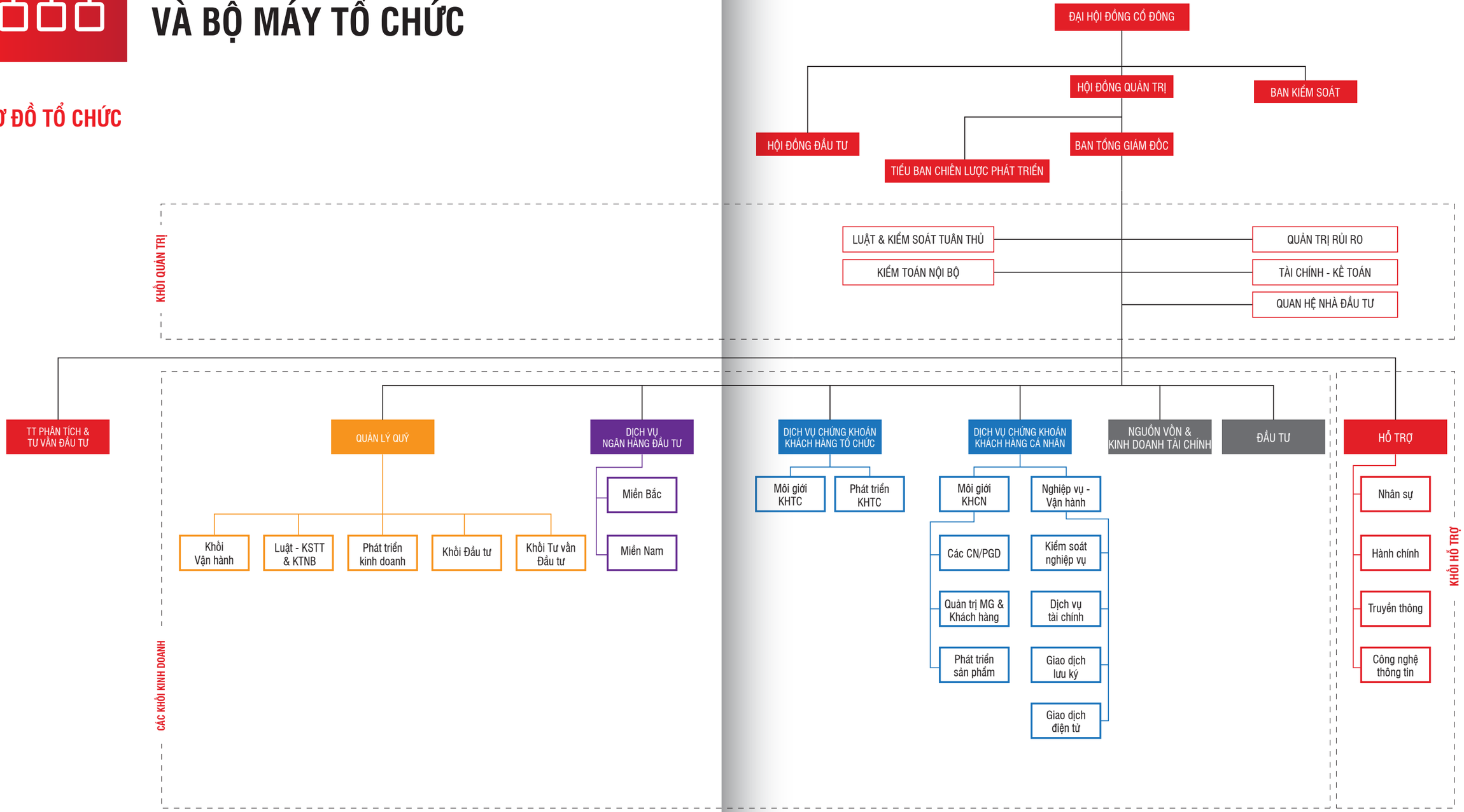
Top 10 Công ty Chứng khoán tiêu biểu tại SGD Chứng khoán Hà Nội và SGD Chứng khoán TP. HCM
Giải thưởng vinh danh của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
Top 10 Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2018 - 2019
Top 10 Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2018 - 2019
Top 05 Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh năm 2018 - 2019

CÁC GIẢI THƯỞNG KHÁC

Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) trong 12 năm liên tiếp (2008 -2019)
Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500) trong 4 năm liên tiếp (2016 - 2017 - 2018 - 2019)
Top 500 Doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500) năm 2018 - 2019
Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) trong 8 năm liên tiếp và nằm trop Top 50 doanh nghiệp đứng đầu

TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY
VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc

Ông Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) - Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao.



Ông Nguyễn Hồng Nam

Thành Viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc; Người được ủy quyền công bố thông tin

Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.



Ông Ngô Văn Điểm

Thành Viên HĐQT

Ông Điểm có kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ.

Ông Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.



Ông Nguyễn Duy Khánh

Thành Viên HĐQT

Ông Khánh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính, Đại học The George Washington, Hoa Kỳ.

Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người giúp sáng lập SSI International Corp. và có đóng góp nhiều vào những thành công của SSI International Corp. Ông đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).



Ông Hironori Oka

Thành Viên HĐQT

Ông Hironori Oka đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán với nhiều vị trí tại các quốc gia như Nhật Bản, Hồng Kông, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại Tập đoàn Daiwa và bắt đầu đảm nhiệm các nhiệm vụ, trọng trách là người đứng đầu từ năm 1994. Hiện nay, ông Oka giữ vị trí Giám đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng giám đốc Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.



Ông Phạm Viết Muôn

Thành Viên HĐQT

Ông Muôn đồng thời là Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE). Trước đó, ông nguyên là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp. Ông là người có hiểu biết sâu rộng và kinh nghiệm trên 15 năm trong việc tái cấu trúc và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Ông Muôn có bằng Tiến sĩ Kinh tế.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Khải

Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông Khải tham gia vào Ban Kiểm soát (BKS) SSI từ năm 1999 và liên tục được tín nhiệm bầu là Trưởng BKS qua các nhiệm kỳ.

Ông Khải là người có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp. Ông là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An (LAF – HOSE) và Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (ABT – HOSE).

Ông Khải có bằng Thạc sỹ Quản lý công nghệ.



Ông Đặng Phong Lưu

Thành viên Ban Kiểm Soát

Ông Lưu trở thành thành viên BKS SSI từ năm 2005. Ông đã từng giữ chức vụ Giám Đốc Chi Nhánh Tân Bình - Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB). Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ông tốt nghiệp Đại Học Ngân Hàng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông hiện điều hành doanh nghiệp do mình thành lập là Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Bảo với chức danh Chủ tịch Hội đồng Thành viên.



Bà Lê Cẩm Bình

Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Bình có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tư vấn. Bà giữ chức vụ Giám đốc Kiểm toán Nội bộ từ tháng 05/2017. Trước đó, bà từng có thời gian làm việc tại Công ty kiểm toán và tư vấn A&C, phụ trách quản lý các hợp đồng kiểm toán doanh nghiệp bảo hiểm, tài chính.

Bà Bình tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Kế toán - Trường Đại học Thăng Long. Bà được Bộ Tài chính cấp chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (CPA) năm 2005 và được ICAEW cấp chứng chỉ IFRS tháng 02 năm 2017.

ĐẬM DẤU ẤN/ TỔNG QUAN

CÁN BỘ CHỦ CHỐT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Hồng Nam
Phó Tổng Giám Đốc

TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Ông Diệp Thế Anh
Giám Đốc Nghiên cứu và Phát triển

KHỐI QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật & Kiểm soát Tuân thủ



Bà Lê Cẩm Bình
Giám Đốc Kiểm toán Nội bộ



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám Đốc Tài chính



Bà Hoàng Thị Minh Thuỷ
Kế toán Trưởng



Ông Đặng Mạnh Cường
Giám Đốc Quản trị Rủi ro



Bà Bùi Thị Hồng Nhung
Trưởng Phòng Quan hệ Nhà Đầu tư

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ



Bà Hoàng Việt Phương
Giám đốc

QUẢN LÝ QUỸ



Bà Lê Thị Lệ Hằng
Tổng Giám Đốc



Bà Tô Thuỳ Linh
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Phan Dũng
Phó Tổng Giám Đốc

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Bà Nguyễn Ngọc Anh
Giám Đốc Khối

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC



Ông Mai Hoàng Khánh Minh
Giám Đốc Khối - MG KHTC



Bà Ngô Thu Nga
Giám Đốc MG KHTC

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN



Ông Nguyễn Anh Đức
Giám Đốc Khối - PT KHTC



Ông Bùi Thế Tân
Giám Đốc Khối



Bà Cao Thị Ngọc Quỳnh
Giám Đốc PT KHTC



Bà Đỗ Thị Thanh Thuý
Phó Giám Đốc Khối



Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo
Giám Đốc Nghiệp Vụ-Vận Hành



Bà Lê Thị Thanh Tâm
Giám Đốc Phát Triển Sản Phẩm

NGUỒN VỐN & KD TÀI CHÍNH



Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương
Giám Đốc Khối

ĐẦU TƯ

CÁC KHỐI KINH DOANH

KHỐI HỖ TRỢ



Bà Đoàn Ngọc Ly Ly
Giám Đốc Vận Hành



Bà Đỗ Thị Quỳnh
Giám Đốc Nhân Sự



Ông Yam Wai On (Steve Yam)
Giám Đốc Hệ Thống CNTT



Bà Lương Lan My
Giám Đốc Truyền Thông



Bà Vũ Thị Thu Trang
Trưởng Phòng Hành Chính



2

DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2019

4

SỰ KIỆN **TIÊU BIỂU 2019**

Năm thứ 6 liên tiếp SSI dẫn đầu thị phần môi giới

cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ trên toàn thị trường.

Là một trong những Công ty Chứng khoán đầu tiên được cấp phép phát hành chứng quyền (CW), năm 2019

SSI đã phát hành 24 triệu CW, tương đương 44% tổng giá trị phát hành toàn thị trường

với giá trị giao dịch hàng ngày chiếm 65% giá trị giao dịch CW trên toàn thị trường tại thời điểm cuối năm.

SSI ra mắt

sản phẩm đầu tư trái phiếu S-Bond với lợi suất hấp dẫn – 10,5%/ năm

nhằm giúp khách hàng đa dạng hóa danh mục đầu tư, tối ưu lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro. Các trái phiếu thuộc S-Bond đều được SSI thẩm định kỹ lưỡng và SSI hàng ngày đứng ra tạo lập thị trường để tăng thanh khoản cho trái phiếu.

Bảng giá SSI iBoard

được xây dựng trên nền tảng công nghệ thông minh, cho phép khách hàng vừa theo dõi thị trường, vừa đặt lệnh giao dịch nhanh chóng trên cùng 1 nền tảng đối với cả hai loại sản phẩm chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) công bố

Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Quỹ ETF đầu tiên mô phỏng chỉ số ngành tại Việt Nam, kỳ vọng sẽ thu hút dòng vốn ETF mới cho Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

SSI ra mắt sản phẩm

iWin – nền tảng giao dịch chứng khoán giả lập tiên phong trên thị trường

là môi trường hoàn hảo để nhà đầu tư thử nghiệm chiến lược và làm quen với thị trường chứng khoán. SSI cũng tổ chức cuộc thi "Chứng sĩ tranh tài" trên iWin với tổng giá trị giải thưởng lên tới 1 tỷ VNĐ.

Những thành tựu của SSI được ghi nhận bằng các giải thưởng nổi bật trong và ngoài nước năm 2019

ASIAMONEY BROKER POLL

"Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam" năm thứ 7 liên tiếp

ALPHA SOUTHEAST ASIA

"Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam" năm thứ 2 liên tiếp

THE ASSET TRIPLE A COUNTRY AWARDS 2019

"Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp" năm thứ 2 liên tiếp

FORBES

Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm thứ 6 liên tiếp

Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm thứ 4 liên tiếp



MÔI TRƯỜNG **KINH DOANH 2019**

Kinh tế Vĩ mô 2019

Kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực năm 2019. Mục tiêu ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát được giữ vững, chỉ số lạm phát bình quân tăng 2,79%, thấp hơn so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm là 4%. Năm thứ 2 liên tiếp Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 7%, thuộc nhóm tăng trưởng cao nhất Châu Á.

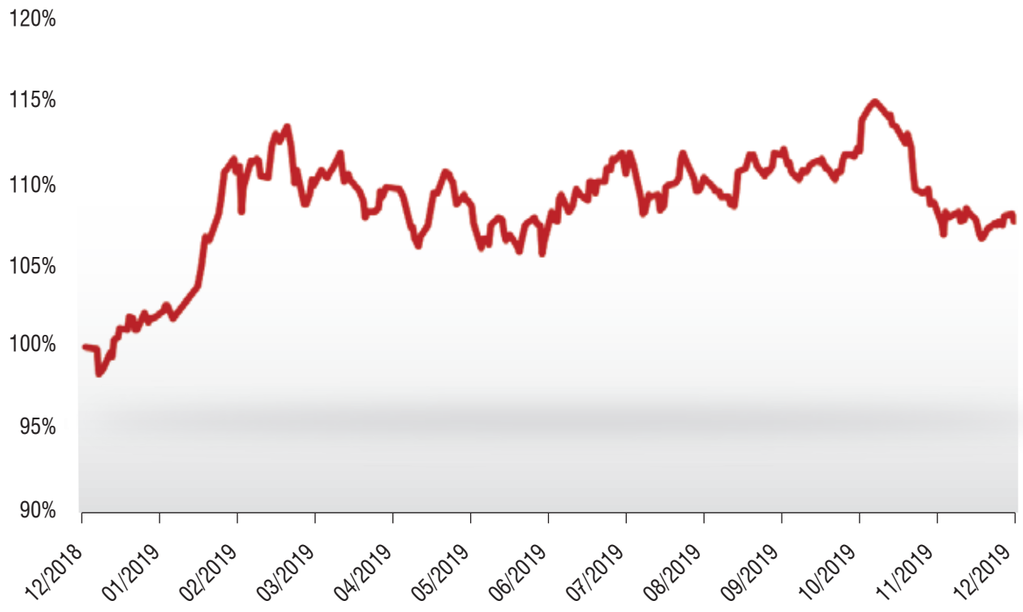
Cơ cấu kinh tế có sự dịch chuyển rõ nét với sự vươn lên của khối kinh tế tư nhân, góp phần rất lớn vào việc bình ổn các cân đối vĩ mô quan trọng. Trong khi xuất khẩu khối đầu tư nước ngoài tăng rất thấp, chỉ đạt 4%, thì khối trong nước duy trì được tốc độ tăng trưởng ở mức 18%. Nhiều mặt hàng công nghiệp, công nghệ như điện thoại, điện tử, máy móc thiết bị, ô tô v.v… do các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất đã được xuất khẩu với giá trị lớn.

Ngành du lịch tiếp tục tăng trưởng cao với lượng khách quốc tế tăng 16% và xuất khẩu du lịch tăng 17%. Nhờ sự gia tăng xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của khối trong nước, năm 2019 xuất siêu hàng hóa dịch vụ đạt 7,9 tỷ USD – tăng hơn gấp đôi so với năm 2018. Cán cân thanh toán tổng thể vì vậy đạt thặng dư lớn, xấp xỉ 20 tỷ USD, tạo nguồn cung ngoại tệ dồi dào cho dự trữ ngoại hối và gián tiếp tăng nguồn cung tiền cho thanh khoản của hệ thống ngân hàng. Lãi suất vì vậy được giữ ở mức thấp và giảm nhẹ vào cuối năm.

Thị trường Chứng khoán 2019

Trái lại với diễn biến tích cực của kinh tế vĩ mô, năm 2019 được đánh giá là một năm đầy khó khăn của Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam.

Biến động của chỉ số VN–Index năm 2019



Nguồn: Bloomberg

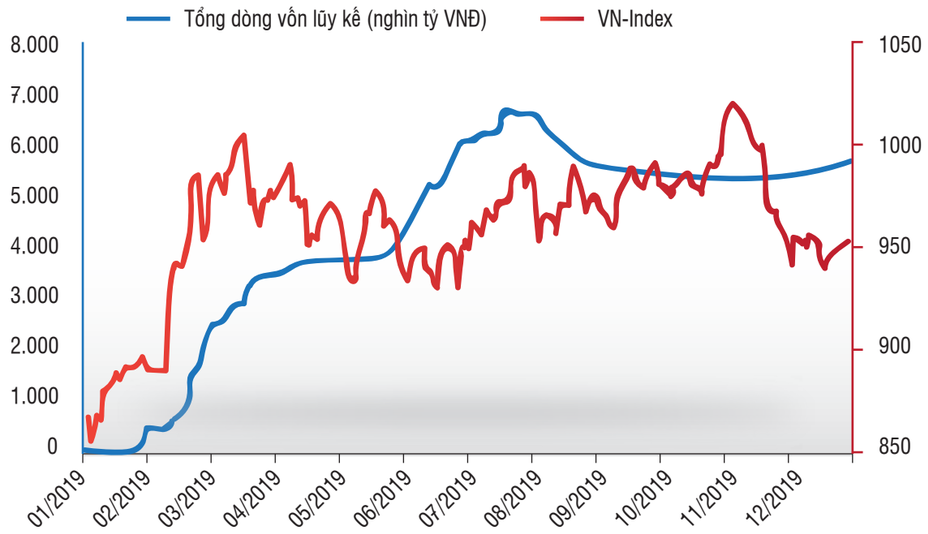


	12/2019	12/2018	+/- %
Thị trường cơ sở			
VN-Index	961	893	7,7%
HNX-Index	103	104	-1,6%
UPCom	57	53	7,2%
Giá trị giao dịch ngày (tỷ VNĐ)	5.224	5.347	-2,3%
Mua/ bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài (tỷ VNĐ)	(978)	706	-238,5%
Thị trường phái sinh			
Số lượng hợp đồng	79.731	127.824	-37,6%
Tổng giá trị giao dịch (tỷ VNĐ)	7.002	11.434	-38,8%

Nguồn: Bloomberg, Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư SSI

Chỉ số VN-Index kết thúc năm 2019 ở mức 960,99 điểm, tăng 68,45 điểm (+7,67%) so với mức cuối năm 2018. Thị trường đã tăng mạnh trong 3 tháng đầu năm nhờ dòng vốn nước ngoài vào mạnh mẽ (đặc biệt là thông qua các quỹ ETF chuyên mô phỏng thị trường Việt Nam). Tuy nhiên, VN-Index mất đà tăng trong những tháng tiếp theo của năm (trừ tháng 7 và tháng 9) do gia tăng rủi ro từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, đường cong lợi suất đảo ngược, và căng thẳng địa chính trị v.v…, tạo áp lực cho dòng vốn nước ngoài rút ra khỏi thị trường. Bất ổn toàn cầu cùng với sự thiếu hụt các yếu tố xúc tác mới như các đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) hay thoái vốn nhà nước lớn, vấn đề tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thông tin chưa tích cực về khả năng nâng hạng thị trường khiến nhà đầu tư cá nhân (chiếm 86% tổng giá trị giao dịch) trở nên thận trọng hơn, chủ động rút bớt khỏi thị trường hoặc chuyển sang các công cụ đầu tư an toàn hơn như trái phiếu doanh nghiệp, vàng. Giá trị giao dịch trung bình ngày thông qua giao dịch khớp lệnh (trên 3 sàn) đã giảm 34% trong năm 2019 xuống còn 149 triệu USD. Tổng giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài chỉ đạt 206 triệu USD trong năm 2019, thông qua giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận, thấp hơn nhiều so với con số 1,84 tỷ USD trong năm 2018. Dòng vốn nước ngoài mới đổ vào Việt Nam vẫn chủ yếu thông qua các quỹ hoán đổi danh mục (ETF), do khả năng tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn nhiều hạn chế. Tổng giá trị ròng dòng vốn vào (inflow) từ các quỹ ETF đạt khoảng 220 triệu USD. Tất cả 5 quỹ ETF mô phỏng thị trường Việt Nam đều ghi nhận dòng vốn đổ vào tích cực trong năm qua, nhất là hai quỹ VFMVN30 ETF và VanEck Vectors Vietnam ETF. Triển khai vào tháng 7/2019, quỹ Premia Vietnam ETF là quỹ mới nhất gia nhập thị trường và mới đóng góp khá khiêm tốn khi bắt đầu, ở mức 24 triệu USD. Quỹ SSIAM VNX50 ETF và DWS FTSE Vietnam Swap UCITS ETF thu hút giá trị ròng dòng vốn vào tương ứng 2,5 triệu USD và 14,9 triệu USD.

Tổng giá trị dòng vốn lũy kế vào từ các Quỹ ETF năm 2019



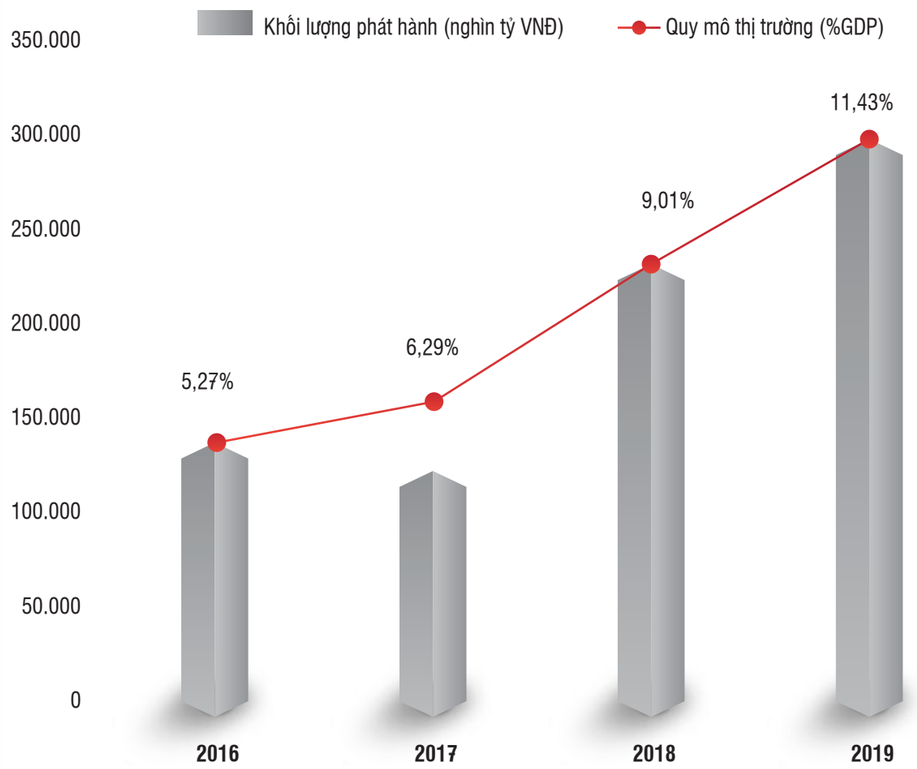
Nguồn: Bloomberg, Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

Điều kiện thị trường không thực sự thuận lợi cũng khiến hoạt động huy động vốn của nhiều doanh nghiệp chịu ảnh hưởng. Khác hẳn với không khí sôi động nửa đầu 2018 với hàng loạt thương vụ "bom tấn", năm 2019, các hoạt động IPO khá hạn chế, chỉ có một vài doanh nghiệp nhỏ tiến hành đấu giá cổ phần ra công chúng. Tương tự, hoạt động huy động vốn cổ phần cũng khá im ắng.

Đối với TTCK phái sinh, mặc dù mới chính thức đi vào hoạt động được hai năm nhưng thị trường đã có những bước tăng trưởng tích cực. Trên thị trường phái sinh hiện có hai sản phẩm là hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kì hạn 5 năm. Tính đến cuối năm 2019, theo báo cáo của UBCKNN, thị trường đã đạt trên 90 nghìn tài khoản, tăng 58% so với cuối năm 2018. Hệ thống thành viên giao dịch và bù trừ của TTCK phái sinh đã có 19 công ty chứng khoán được cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ. Bên cạnh đó, ngày 28/6/2019, sản phẩm mới là chứng quyền có bảo đảm (Covered Warrant - CW) đã chính thức được giao dịch, việc ra đời sản phẩm này góp phần hỗ trợ nhà đầu tư phòng ngừa những biến động trên thị trường cổ phiếu.

Năm 2019 không thể không kể đến sự bùng nổ của thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Theo thống kê công bố từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và từ các doanh nghiệp, trong năm 2019, có 211 doanh nghiệp thực hiện chào bán tổng cộng 300.588 tỷ VNĐ trái phiếu, chia làm 807 đợt phát hành trong đó có 12 đợt phát hành không thành công. Tổng số trái phiếu phát hành cả năm là 280.141 tỷ VNĐ, tương đương 93,2% giá trị chào bán và tăng 25% so với năm 2018. Lượng phát hành lớn trong năm đã khiến quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp tăng mạnh từ 9,01% GDP (2018) lên khoảng 11,3% GDP (2019), tổng lượng trái phiếu doanh nghiệp lưu hành đạt gần 670 nghìn tỷ VNĐ.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam



Nguồn: Bộ Tài chính, SSI tổng hợp

Thị trường trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp, mở rộng là xu hướng tất yếu và phù hợp để tạo sự cân bằng và nâng cao chất lượng thị trường tài chính. Tuy nhiên, hiện nay trái phiếu doanh nghiệp vẫn là kênh đầu tư khá mới mẻ tại Việt Nam, sự phát triển nhanh giai đoạn vừa qua có tiềm ẩn những rủi ro nhất định cần được nhận diện và điều chỉnh bởi cơ quan quản lý để đảm bảo sự phát triển lành mạnh và bền vững của thị trường.



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2019

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2019

Năm 2019, tổng tài sản SSI tiếp tục có mức tăng trưởng ổn định, đạt trên 27 nghìn tỷ VNĐ tại ngày 31.12.2019 – tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước.

Bảng cân đối tài sản giai đoạn 2017 – 2019 (triệu VNĐ)

Chỉ tiêu	2017	2018	2019
Tài sản ngắn hạn	**17.227.983**	**22.270.357**	**22.290.867**
Tài sản tài chính	17.092.445	22.237.874	22.255.950
Tiền và các khoản tương đương tiền	*345.986*	*612.880*	*1.040.783*
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	*1.431.143*	*2.039.986*	*4.315.245*
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	*7.882.154*	*12.326.240*	*10.721.931*
Các khoản cho vay	*5.764.072*	*5.966.651*	*5.359.342*
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	*1.534.864*	*1.265.085*	*760.042*
Tài sản tài chính khác	*134.227*	*27.032*	*58.607*
Tài sản ngắn hạn khác	*135.538*	*32.483*	*34.917*
Tài sản dài hạn	**1.536.392**	**1.555.270**	**4.753.248**
Các khoản đầu tư dài hạn	943.370	1.065.903	4.238.856
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	*130.424*	*301.622*	*3.444.541*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	*812.945*	*764.281*	*794.315*
Tài sản cố định	161.101	118.743	147.013
Bất động sản đầu tư	218.231	214.562	205.777
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	47.154	4.923	29.450
Tài sản dài hạn khác	166.536	151.139	132.153
TỔNG TÀI SẢN	**18.764.375**	**23.825.627**	**27.044.115**
Nợ phải trả ngắn hạn	**9.354.274**	**13.469.410**	**16.409.541**
Vay ngắn hạn	8.503.888	11.193.159	15.550.226
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	199.872	255.000	0
Nợ phải trả ngắn hạn khác	650.515	2.021.252	859.315
Nợ phải trả dài hạn	**793.851**	**1.200.552**	**1.233.515**
Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	0	1.068.320	1.105.938
Trái phiếu phát hành dài hạn	569.300	0	0
Nợ phải trả dài hạn khác	224.551	132.232	127.577
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**10.148.125**	**14.669.962**	**17.643.055**
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**8.616.250**	**9.155.665**	**9.401.060**

Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn chiếm 82% tổng tài sản Công ty, trong số đó các loại tài sản an toàn như tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng chiếm 3,9%, những khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Held-to-maturity/HTM) bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi với thời gian nắm giữ đến ngày đáo hạn dưới một năm chiếm 39,7%.

Tổng số dư tiền gửi tại ngân hàng của SSI ở mức 11.762 tỷ VNĐ cuối năm 2019, giảm 9% so với mức cuối năm 2018. Tài sản này hoàn toàn được tài trợ bằng nguồn vốn vay từ các Ngân hàng Thương mại. Mức chênh lệch lãi suất bình quân giữa lãi suất vay và lãi suất tiền gửi quanh mức 1,5%. Hoạt động kinh doanh nguồn vốn không chỉ đem lại 1 phần doanh thu cho Công ty, mà những con số ấn tượng này còn thể hiện tín nhiệm cao của SSI, tính chất chuyên nghiệp và năng động trong quan hệ kinh doanh với các ngân hàng thương mại. Không những vậy, hoạt động tích cực này còn đem lại những lợi ích khác như xây dựng được quan hệ thanh toán chi phí thấp, nhanh chóng và hiệu quả trong dịch vụ thanh toán cho nhà đầu tư. Công tác quản lý rủi ro đối với hoạt động kinh doanh nguồn vốn cũng rất chặt chẽ, các ngân hàng đối tác cho vay và nhận tiền gửi đều là những ngân hàng lớn có tín nhiệm cao, thanh khoản được bảo đảm tuyệt đối thông suốt. Trong năm 2019 Công ty không phát sinh chậm trễ thanh toán hay tranh chấp nào liên quan đến các hợp đồng vay và gửi.

Trước những biến động khó đoán định của thị trường cổ phiếu trong năm 2018 – 2019 và nhằm phục vụ nhu cầu của các sản phẩm dịch vụ mới, tài sản SSI được phân bổ một cách linh hoạt. Công ty cũng chuyển dần một phần tài sản đầu tư từ cổ phiếu sang trái phiếu & chứng chỉ tiền gửi. Cụ thể, năm 2019, các khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) giảm 40%, trong khi tài sản tài chính ghi nhận ở giá trị hợp lý thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) tăng hơn 2 lần chủ yếu do các khoản đầu tư mới vào chứng chỉ tiền gửi. Ngoài ra, một phần 3% danh mục FVTPL là các chứng khoán nắm giữ để phòng ngừa rủi ro (hedging) cho các chứng quyền có bảo đảm mà SSI phát hành trong năm.

Số dư nợ cho vay ký quỹ của SSI có xu hướng giảm nhẹ, cuối năm 2019 ở mức 5.286 tỷ VNĐ, trong bối cảnh các công ty chứng khoán nước ngoài gia nhập thị trường và bước đầu đưa ra mức lãi suất cho vay rất thấp tới khách hàng. Tuy nhiên, thay vì chủ trương cạnh tranh không bền vững bằng lãi suất thấp, Công ty chọn giải pháp tiếp tục tập trung vào cải thiện chất lượng dịch vụ cung cấp tới các nhà đầu tư, kết hợp đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính, đồng thời duy trì chính sách cho vay thận trọng trước những biến động khó đoán định của thị trường. Hoạt động cho vay ký quỹ của SSI hoàn toàn nằm trong phạm vi kiểm soát rủi ro chặt chẽ nhờ sự phối hợp kiểm tra kiểm soát nhiều vòng của các bộ phận Kiểm soát Nghiệp vụ, Dịch vụ Tài chính, Quản trị Rủi ro và rà soát hậu kiểm định kỳ của Kiểm toán Nội bộ cùng Kiểm soát Nội bộ. Quy trình quản trị rủi ro đối với hoạt động cho vay ký quỹ được thực hiện toàn diện, từ xây dựng hệ thống chấm điểm cổ phiếu được phép vay ký quỹ, xác định các tỷ lệ hạn mức hợp lý, giám sát biến động rủi ro tiềm tàng hàng ngày, đến tuân thủ kỷ luật quản lý rủi ro khi phát sinh các khoản vay chạm ngưỡng cảnh báo. Công tác quản lý rủi ro chặt chẽ vừa hỗ trợ Khách hàng thực hiện giao dịch đầu tư linh hoạt, an toàn vừa đảm bảo bảo toàn vốn cho Công ty, năm 2019 SSI không phát sinh nợ xấu. Hoạt động cho vay được đánh giá khá hiệu quả vì trải qua nhiều thăng trầm, dư nợ cho vay có lúc lên mức gần 6.200 tỷ VNĐ hay xuống dưới 5.000 tỷ VNĐ, nhưng không phát sinh rủi ro. Mức lãi suất cho vay bình quân 12% trên tổng dư nợ cho vay đã đóng góp nguồn doanh thu đáng kể chiếm hơn 20% trong tổng doanh thu hoạt động của Công ty.

Tương ứng với tăng trưởng về tài sản là tăng trưởng về nguồn vốn của Công ty. Nguồn vốn chủ sở hữu đạt 9.401 tỷ VNĐ năm 2019, tăng từ 9.156 tỷ VNĐ cuối 2018. Nguồn còn lại bao gồm chủ yếu là vay ngân hàng với số dư nợ vay ngắn hạn từ ngân hàng cuối 2019 là 16.409,5 tỷ VNĐ, số dư trái phiếu chuyển đổi của SSI là 1.106 tỷ VNĐ. Mặc dù nguồn vốn vay và phát hành trái phiếu tăng trưởng ở quy mô lớn nhưng SSI luôn bảo đảm thanh khoản ở mức cao nhất, năm 2019 cũng như trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty chưa bao giờ phát sinh sự cố rủi ro về thanh khoản, không để phát sinh nợ xấu. Hoạt động huy động vốn chủ yếu thực hiện bằng tiền VNĐ, một phần nhỏ các khoản vay bằng ngoại tệ từ ngân hàng nước ngoài đều được bảo đảm rủi ro tỷ giá bằng hợp đồng hoán đổi ngoại tệ. Như trên đã trình bày, nguồn vốn vay của Công ty chủ yếu để đáp ứng các giao dịch tăng trưởng tài sản là tiền gửi ngân hàng nên có thể coi như không tiềm tàng rủi ro tín dụng. Hoạt động tiền gửi hết sức linh hoạt, được hỗ trợ thanh khoản bằng hạn mức vay thấu chi, cùng với dự đoán chuẩn xác về biến động lãi suất nên công ty không gặp rủi ro về lãi suất vay.



ĐẬM DẤU ẤN/ DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2019

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Kết quả kinh doanh	2015	2016	2017	2018	2019
Doanh thu thuần (VNĐ)	1.802.941.289.604	2.540.929.472.830	3.043.190.092.433	3.938.662.332.650	3.301.484.401.084
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (VNĐ)	104.875.956.159.609	1.141.560.999.946	1.392.314.526.117	1.567.029.926.018	1.098.616.647.855
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	1.053.797.641.057	1.144.062.998.942	1.405.021.409.033	1.623.213.463.955	1.105.523.561.457
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	839.860.081.125	94.466.423.550.041	1.161.104.595.823	1.302.937.242.558	907.096.976.031
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (VNĐ)	841.566.556.381	946.703.413.703	1.161.852.985.813	1.304.930.180.565	909.201.424.728

Bảng cân đối tài sản	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng tài sản (VNĐ)	12.153.431.597.528	14.006.830.388.635	18.764.375.171.848	23.825.626.725.361	27.044.115.024.913
Vốn điều lệ (VNĐ)	4.800.636.840.000	4.900.636.840.000	5.000.636.840.000	5.100.636.840.000	5.100.636.840.000
Tổng số lượng cp bình quân gia quyền	471.713.404	480.436.945	490.089.282	499.834.406	508.772.958
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	6.727.609.014.290	7.906.811.867.993	8.616.249.695.902	9.155.664.527.633	9.401.059.780.205

Các chỉ tiêu khác

Cơ cấu tài sản	2015	2016	2017	2018	2019
TS ngắn hạn/ Tổng tài sản	90,3%	90,41%	91,81%	93,47%	82,42%
TS dài hạn/ Tổng tài sản	9,7%	9,59%	8,19%	6,53%	17,58%

Cơ cấu nguồn vốn	2015	2016	2017	2018	2019
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	44,64%	43,55%	54,08%	61,57%	65,24%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	55,36%	56,45%	45,92%	38,43%	34,76%

Tỷ suất lợi nhuận	2015	2016	2017	2018	2019
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	6,91%	6,74%	6,19%	5,47%	3,35%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	12,6%	12,1%	13,6%	14,3%	9,72%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	17,49%	19,28%	23,22%	25,54%	17,78%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	46,58%	37,18%	38,15%	33,08%	27,48%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VNĐ)	1.658	1.843	2.208	2.428	1.663

Khả năng thanh toán	2015	2016	2017	2018	2019
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	2,33	2,17	1,84	1,65	1,36
Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn] / Nợ ngắn hạn)	2,28	2,13	1,81	1,65	1,35

KẾT QUẢ KINH DOANH 2019

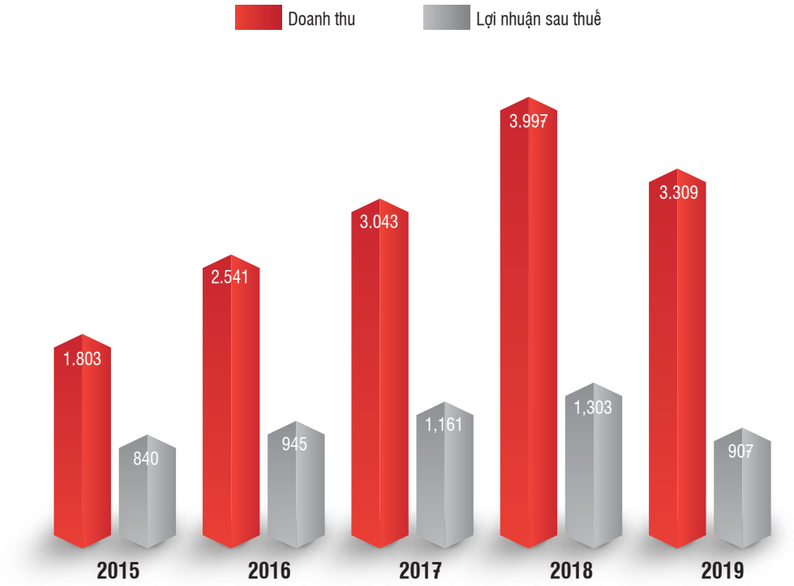
Năm 2019 là một năm kinh doanh đầy khó khăn với SSI nói riêng và các công ty chứng khoán nói chung do sự sụt giảm mạnh của thanh khoản thị trường. Tại HOSE, khối lượng giao dịch bình quân phiên trong năm chỉ đạt 189,2 triệu chứng khoán, tương ứng với giá trị 3.765 tỷ VNĐ/ngày, so với cùng kỳ 2018 đã sụt giảm lần lượt 17,8% về khối lượng và 26,8% về giá trị giao dịch. Giá trị giao dịch trung bình ngày thông qua giao dịch khớp lệnh trên 3 sàn cũng đã giảm 34% trong năm 2019 xuống còn 149 triệu USD. Tổng giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài chỉ đạt 206 triệu USD trong năm 2019, giảm 89% so với năm 2018. Điều kiện thị trường không thuận lợi cũng khiến các hoạt động huy động vốn cổ phần, chào bán ra công chúng của nhiều doanh nghiệp chịu ảnh hưởng tiêu cực, không xuất hiện những thương vụ có giá trị cao kỷ lục như năm trước đó. Điều này gây bất lợi cho các hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán, đặc biệt những mảng phụ thuộc nhiều vào thanh khoản và giá trị giao dịch thị trường như môi giới chứng khoán.

Bên cạnh đó, thông tư 128/2018/TT-BTC được ban hành và có hiệu lực từ ngày 15/02/2019, gỡ bỏ mức giá sàn dịch vụ mua, bán chứng khoán 0,15%. Quy định này đã tạo ra một cuộc cạnh tranh mạnh mẽ về phí môi giới. Nhiều Công ty Chứng khoán ngay lập tức giảm phí giao dịch xuống mức rất thấp, thậm chí áp dụng các chương trình giảm giá 0 đồng, miễn phí giao dịch trọn đời v.v… Đồng thời, từ nửa cuối 2018, thị trường đã đón nhận ngày càng nhiều hơn sự tham gia của các đối thủ cạnh tranh nước ngoài, với thế mạnh về nguồn vốn giá rẻ, rất tích cực mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ (margin), cung cấp ra thị trường những gói vay margin với mức giá hấp dẫn.

Trải qua gần 20 năm thăng trầm cùng thị trường chứng khoán, SSI nhận định đây là thời điểm khó khăn nhưng cũng chính là cơ hội. Công ty kiên định đi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thuộc các mảng kinh doanh chính bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư), Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, và Quản lý Quỹ, nhằm cung cấp cho Khách hàng trọn gói dịch vụ, giúp cho Khách hàng có thể tối ưu hóa vốn đầu tư và linh hoạt kinh doanh. Đồng thời, năm 2019, Công ty dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin song song với nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm sẵn sàng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của Khách hàng trong thời kỳ mới.

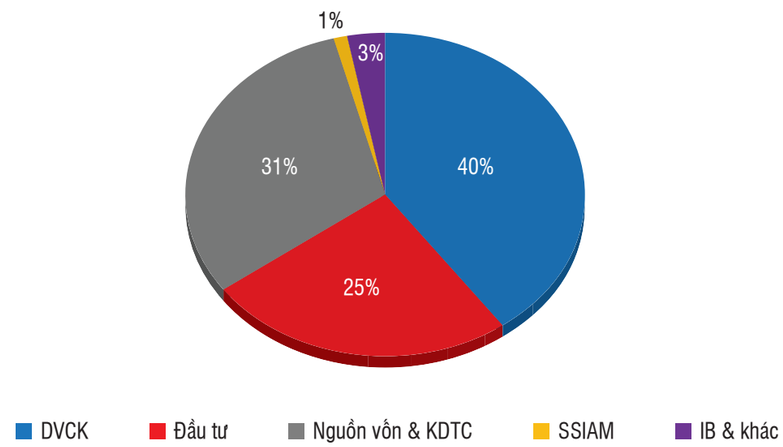
Sau khi đánh giá tình hình thị trường 9 tháng đầu năm có nhiều ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động kinh doanh của Công ty, tháng 10/2019, căn cứ ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT SSI đã quyết định điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 với một số chỉ tiêu: lợi nhuận trước thuế 2019 về mức 1.100 tỷ VNĐ, doanh thu về mức 2.950 tỷ VNĐ, tương đương với mức giảm 35,3% và 21,9% so với kế hoạch kinh doanh đề ra đầu năm. Kết thúc năm 2019, Công ty ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 3.308,6 tỷ VNĐ, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.105,5 tỷ VNĐ – đạt kế hoạch kinh doanh đã điều chỉnh, với chi phí hoạt động giữ ổn định so với cùng kỳ năm ngoái.

Kết quả Kinh doanh giai đoạn 2015 – 2019 (Tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2019



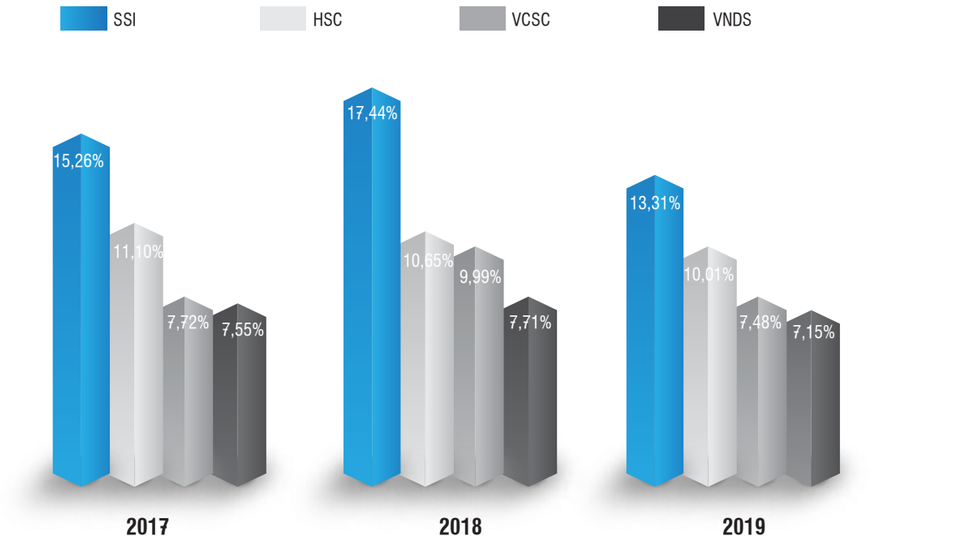
Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Chi tiết từng mảng kinh doanh sẽ được trình bày dưới đây.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

6 năm liên tục dẫn đầu thị phần môi giới

Thị phần trên toàn thị trường



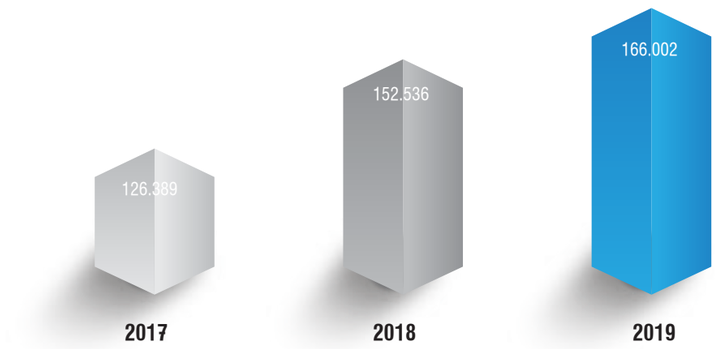
Nguồn: HNX, HOSE, SSI tổng hợp

Năm 2019 đánh dấu năm thứ 6 liên tiếp SSI đứng đầu về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (CCQ). Cụ thể, thị phần đạt 13,96% tại HOSE và 9,7% tại HNX. Tính chung trên 2 Sở Giao dịch Chứng khoán, thị phần SSI năm 2019 đạt 13,31%. Riêng thị phần đối với mảng môi giới cá nhân đạt 9,61% năm 2019, chiếm 72,2% thị phần chung của SSI.

Tăng trưởng số lượng tài khoản quản lý

Số lượng tài khoản mở mới được duy trì ở mức cao, đạt 14.417 tài khoản cuối năm 2019, nâng tổng số tài khoản quản lý lên trên 166.000 tài khoản, tăng trưởng 10% so với năm 2018.

Số lượng tài khoản

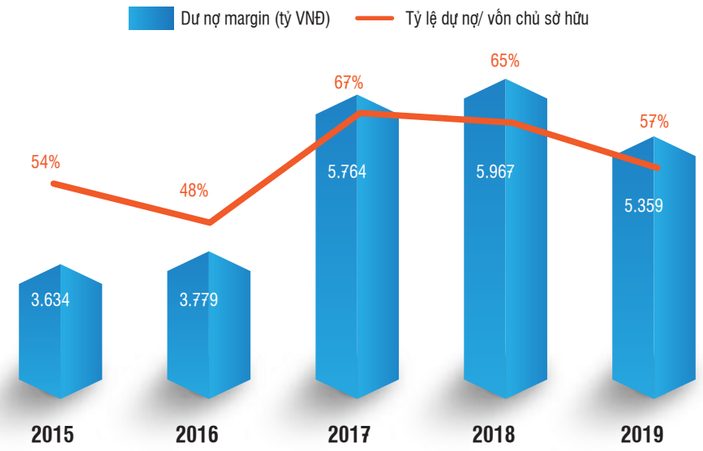


Nguồn: SSI

Dư nợ margin được duy trì ổn định so với giá trị giao dịch thị trường

Nếu như năm 2018 giá trị giao dịch thị trường đạt mức cao trên 6.500 tỷ VNĐ/phiên thì sang năm 2019, thị trường đã giảm mạnh chỉ còn quanh mức 4.600 tỷ VNĐ/phiên, giảm hơn 30%. SSI vẫn duy trì được mức dư nợ mức cao, đạt 5.359 tỷ VNĐ tại thời điểm cuối năm 2019, hỗ trợ tài chính hiệu quả tới nhà đầu tư, đồng thời có đóng góp không nhỏ vào doanh thu của Công ty trong năm.

Dư nợ ký quỹ bình quân tại SSI



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Số dư nợ cho vay ký quỹ của Công ty có giảm nhẹ so với thời điểm cuối năm 2018 một phần do sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các công ty chứng khoán nước ngoài mới gia nhập thị trường, có lợi thế về nguồn vốn giá rẻ, bước đầu đưa ra mức lãi suất cho vay rất thấp. Tuy nhiên, thay vì cạnh tranh bằng lãi suất thấp không bền vững, SSI kiên định với chiến lược tập trung vào chất lượng dịch vụ, đồng thời duy trì chính sách cho vay thận trọng trước những biến động khó đoán định của thị trường, giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và Khách hàng.



Đa dạng các sản phẩm cho nhà đầu tư

Dấu ấn tích cực trong năm 2019 chính là việc đưa sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm (CW) đi vào hoạt động giúp nhà đầu tư có thêm lựa chọn, thúc đẩy hoạt động giao dịch trên thị trường cổ phiếu. SSI là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được cấp phép phát hành chứng quyền, đồng thời cũng là 1 trong 2 công ty triển khai IPO chứng quyền qua công cụ giao dịch trực tuyến. Công ty đã phát hành 24 triệu chứng quyền – tương đương 44% toàn thị trường về tổng giá trị phát hành, với giá trị giao dịch hàng ngày chiếm 65% giá trị giao dịch chứng quyền toàn thị trường tại thời điểm cuối năm 2019.

Trong điều kiện thị trường cơ sở không được thuận lợi, SSI chủ động tiên phong trong việc cung cấp các sản phẩm mới, mở rộng cơ hội đầu tư cho khách hàng bên cạnh kênh đầu tư truyền thống là cổ phiếu. Năm 2019 đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ trong việc bán đa dạng nhiều sản phẩm, trong đó bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, các sản phẩm bán chéo với Công ty Quản lý Quỹ SSIAM như chứng chỉ quỹ, ủy thác danh mục v.v… Nổi bật là hoạt động phân phối thành công trái phiếu doanh nghiệp như trái phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (HOSE - GEC), Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (HOSE – AST), Công ty Cổ phần Con Cưng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (HOSE - DXG), Công ty Cổ phần Đạt Phương (HOSE – DPG), thu hút sự quan tâm của nhiều khách hàng tiềm năng trên thị trường. Bên cạnh phân phối trái phiếu sơ cấp, trong quý 3/2019, thông qua sản phẩm đầu tư trái phiếu S-Bond, SSI đã cung cấp dịch vụ thu xếp các giao dịch mua, bán trái phiếu doanh nghiệp thứ cấp, hỗ trợ cải thiện đáng kể thanh khoản cho các trái phiếu doanh nghiệp như Công ty Cổ phần Eurowindow Holding, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (HOSE – AST), Công ty Cổ phần Con Cưng, bước đầu tạo ra một nơi giao dịch an toàn chủ động về trái phiếu doanh nghiệp cho các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trên thị trường.

SSI cũng tiếp tục nghiên cứu, phát triển và đưa ra các sản phẩm, dịch vụ mới, cập nhật và nhiều tiện ích hỗ trợ trên các sản phẩm và công cụ giao dịch hiện có như:

Bảng giá thông minh iBoard: cho phép khách hàng vừa theo dõi thị trường, vừa đặt lệnh giao dịch, đồng thời tích hợp nhiều sản phẩm như cổ phiếu, phái sinh, chứng quyền, chứng chỉ quỹ, giúp khách hàng dễ dàng theo dõi và đặt lệnh giao dịch các sản phẩm này trên cùng 1 màn hình. Nhiều cơ chế đặt lệnh khác nhau cũng được phát triển. Thông tin hiển thị đa tầng, tùy biến danh mục theo dõi và đặc biệt là có chức năng quản lý cảnh báo giúp khách hàng không bỏ lỡ cơ hội bán ra – mua vào.

Hệ thống giao dịch Online Web Trading - Chức năng đặt lệnh 1 Click Phái sinh: cho phép khách hàng "ghi" lại thao tác thiết lập lệnh mua/bán các hợp đồng 1 lần duy nhất, sau đó có thể sao chép lại các thiết lập này cho các lệnh tiếp theo, cắt giảm hết các khâu xác nhận trung gian giúp khách hàng tận dụng tối đa thời gian khớp lệnh – yếu tố quan trọng đối với sự thành công của mỗi giao dịch trên thị trường phái sinh.

Nền tảng giao dịch chứng khoán giả lập tiên phong trên thị trường iWin: môi trường hoàn hảo để nhà đầu tư thử nghiệm chiến lược và làm quen với TTCK. iWin sử dụng dữ liệu thị trường thật đồng nhất với thực tế (realtime), lệnh đặt sẽ khớp cùng với mức giá và khối lượng thị trường thật đang khớp. Việc tích hợp cả chứng khoán cơ sở và phái sinh cũng là cách giúp nhà đầu tư lựa chọn và thử sản phẩm phù hợp với khẩu vị đầu tư của mình. Một điểm nổi bật khác của iWin đó là cho phép nhà đầu tư "theo dõi" chiến lược giao dịch của người khác, từ đó có thể học hỏi phương pháp đầu tư, tích lũy kiến thức cũng như kinh nghiệm giao dịch. Khi đã thử nghiệm phương pháp giao dịch thành công và tự tin với TTCK, iWin cũng cho phép nhà đầu tư chuyển đổi dễ dàng sang tài khoản chứng khoán thật, bắt đầu quá trình đầu tư thực sự. SSI cũng hướng tới việc xây dựng iWin trở thành một cộng đồng uy tín, để kết nối, chia sẻ kiến thức cũng như kinh nghiệm giữa các nhà đầu tư.

Đối với mảng Khách hàng Tổ chức, SSI tiếp tục tăng cường mở rộng mạng lưới đối tác toàn cầu thông qua các công ty chứng khoán và ngân hàng quốc tế để cung cấp thông tin về thị trường, cũng như giới thiệu nhiều cơ hội đầu tư cho Khách hàng quốc tế. Chỉ riêng trong năm 2019, SSI đã tổ chức trên 500 cuộc gặp gỡ giữa Nhà đầu tư và Doanh nghiệp, 7 hội thảo đầu tư (roadshows) trong và ngoài nước (trong đó có hai hội thảo lớn là C-Suite Investor Forum 2019, hợp tác với Citi Group Singapore và Vietnam Corporate Day 2019, hợp tác với Goldman Sachs Singapore), 6 chuyến thăm quan doanh nghiệp theo chủ đề: Dầu khí & Năng lượng, Bất động sản & Khu công nghiệp, Doanh nghiệp có vốn hóa vừa & nhỏ, Ngân hàng, Nông nghiệp & Hải sản, Cảng biển & Vận tải.

Năm 2019, đứng trước những diễn biến tiêu cực từ thị trường chung cùng môi trường cạnh tranh khốc liệt, Dịch vụ Chứng khoán SSI, mảng kinh doanh phụ thuộc nhiều vào khối lượng giao dịch và thanh khoản thị trường, ghi nhận doanh thu giảm sau nhiều năm tăng trưởng cao và ổn định. Doanh thu từ Dịch vụ Chứng khoán SSI năm 2019 đạt 1.317,2 tỷ VNĐ, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2018 và chiếm xấp xỉ 40% tổng doanh thu toàn Công ty. Trong đó, doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán đạt 582 tỷ VNĐ, chiếm 44,2%; doanh thu từ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt 677,9 tỷ VNĐ, chiếm 51,5% doanh thu Dịch vụ Chứng khoán.

Cũng trong năm này, HĐQT quyết định tách Bộ phận Phân tích và Tư vấn đầu tư Khách hàng tổ chức và Khách hàng cá nhân thành một Trung tâm Phân tích và Tư vấn đầu tư riêng biệt, hướng tới chuyên môn hóa bộ máy nhằm đem đến những sản phẩm dịch vụ chất lượng nhất cho khách hàng.

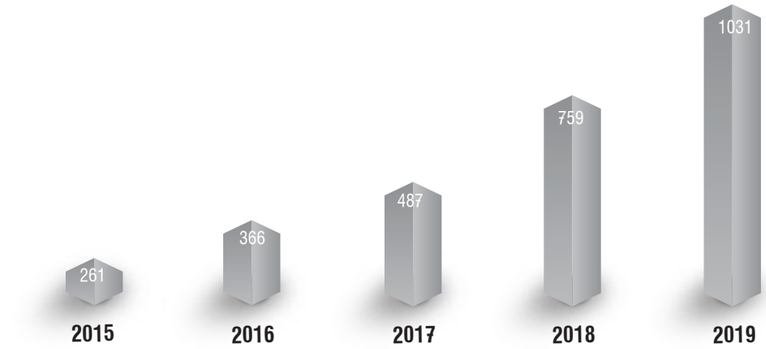


NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh duy trì ổn định trong bối cảnh suy giảm của Thị trường Chứng khoán Việt Nam

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô Việt Nam có mức tăng trưởng ấn tượng so với tình hình chung của kinh tế thế giới, môi trường đầu tư, kinh doanh được đảm bảo nhờ các chính sách tài khóa, tiền tệ ổn định và hợp lý. Lãi suất trên cả hai thị trường vốn và tiền tệ có xu hướng giảm, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng cao, lạm phát được duy trì ở mức hợp lý, thanh khoản cả tiền đồng và ngoại tệ đều rất tốt. Những yếu tố kể trên đã có tác động một cách tích cực đến hoạt động của Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI, ghi nhận kết quả ấn tượng so với tình hình chung của Công ty. Năm 2019, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI giữ vững tốc độ tăng trưởng ổn định về tổng tài sản, đạt trên 13,5% - tương đương 27.044 tỷ VNĐ tổng tài sản. Cùng với đó, doanh thu của Khối ghi nhận 1.031,3 tỷ VNĐ, tăng trưởng 36% so với cùng kỳ 2018. Để đạt được kết quả này là cả một quá trình xây dựng và duy trì chính sách kinh doanh bền vững và quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đi đôi với việc không ngừng tư duy, sáng tạo, tìm kiếm và đánh giá các cơ hội đầu tư mới trên thị trường và hoạt động quản trị rủi ro hiệu quả mang lại.

Doanh thu Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Luôn luôn đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống

Bằng việc tiếp tục duy trì tỷ trọng cao các tài sản tài chính ngắn hạn và thanh khoản trên tổng tài sản trong những năm vừa qua, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI luôn xây dựng chiến lược kinh doanh trên nền tảng an toàn thanh khoản được đặt lên hàng đầu, năm 2019 cũng không ngoại lệ. Thanh khoản của toàn Công ty và an toàn tiền gửi của Nhà đầu tư được đảm bảo, lượng vốn huy động dồi dào và ổn định tạo nền tảng cho các hoạt động kinh doanh khác của công ty.

Bên cạch đó, việc mở rộng các quan hệ tín dụng với các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước giúp SSI có thể tiếp cận với các nguồn vốn đa dạng, giá hợp lý, duy trì tính ổn định, hiệu quả trong việc kinh doanh nguồn vốn.

Đẩy mạnh đầu tư thông qua các sản phẩm giao dịch phái sinh và cấu trúc

Dựa trên nền tảng được xây dựng cơ bản và vững chắc từ năm 2018, năm 2019 là một bước phát triển vượt bậc và ấn tượng của Bộ phận Sản phẩm Cấu trúc SSI, đóng góp đáng kể và hiệu quả vào kết quả kinh doanh chung trong năm 2019. SSI đã trở thành một đối tác lớn trên thị trường phái sinh Việt Nam thông qua hàng loạt các giao dịch phái sinh có giá trị và doanh số lớn trên thị trường.

Bên cạnh đó, xác định các sản phẩm có lợi suất cố định là sản phẩm chiến lược trong thời gian sắp tới, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI đã tích cực phối hợp cùng các Khối liên quan thiết kế và xây dựng sản phẩm S-Bond nhằm giúp nhà đầu tư đa dạng hóa danh mục đồng thời tạo kênh huy động vốn cho các doanh nghiệp mà SSI thẩm định, đánh giá có chất lượng tín dụng tốt. Sản phẩm được nhà đầu tư chào đón rộng rãi và tạo được mức thanh khoản cao trên thị trường thứ cấp.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2019 là một năm khá trầm lắng của TTCK Việt Nam với mức tăng trưởng thấp của VN-Index cũng như sự sụt giảm mạnh của giá trị giao dịch. Điều kiện thị trường không thực sự thuận lợi khiến hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp chịu nhiều ảnh hưởng, thiếu vắng những thương vụ lớn, hoạt động IPO và huy động vốn cổ phần rất hạn chế. Điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI. Doanh thu ghi nhận năm 2019 đạt 99,3 tỷ VNĐ, giảm 46,5% so với cùng kỳ năm 2018 – thời điểm SSI đã thực hiện nhiều thương vụ có giá trị kỷ lục trên thị trường. Chi phí vận hành được kiểm soát chặt chẽ, dưới con số kế hoạch.

Trong bối cảnh kinh doanh khó khăn, SSI vẫn thực hiện tư vấn thành công thương vụ chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HOSE - HBC) cho Hyundai Elevator với mức giá thặng dư hơn 50% so với giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán. Thương vụ hợp tác chiến lược này có ý nghĩa quan trọng, giúp phát huy năng lực tối đa của hai Công ty. Việc hợp tác với Hyundai Elevator vừa giúp HBC có thêm nguồn vốn để tài trợ cho các dự án đang triển khai, vừa tạo thêm một số cơ hội mới cho HBC trong việc cung cấp các sản phẩm của Huyndai Elevator cho các khách hàng của mình với mức giá cạnh tranh nhất.

Ngược lại với thị trường vốn cổ phần, sự sôi động của thị trường vốn nợ đã đóng góp không nhỏ vào kết quả hoạt động của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI, cụ thể là Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp với những giao dịch lớn trong năm như Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Bất động sản TNR Holdings Việt Nam, Công ty Cổ phần Eurowindow Holding, Công ty Cổ phần Con Cưng v.v… với khối lượng thành công gần 13.000 tỷ VNĐ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE – HDB) với khối lượng 2.460 tỷ VNĐ v.v...

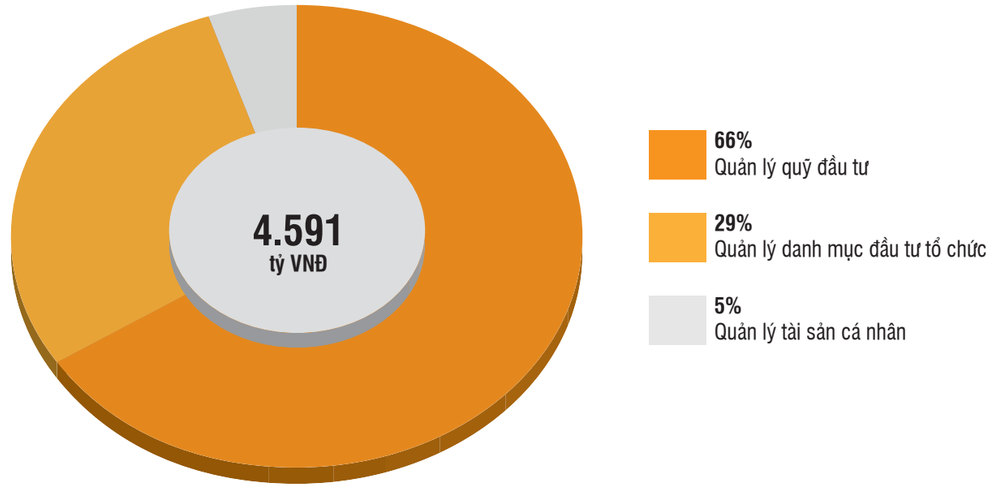
SSI cũng là cái tên gắn bó mật thiết với nhiều thương vụ M&A đình đám tại Việt Nam trong năm qua. Điển hình là thương vụ M&A giữa nhà đầu tư đến từ Nhật Bản - Taisho và Công ty CP Dược Hậu Giang (HOSE - DHG) do SSI và Daiwa Securities Co., Ltd. là tư vấn bên mua. Thương vụ được thực hiện trong vòng 3 năm (từ năm 2016 đến 2019) với tổng giá trị lên đến gần 350 triệu USD. Trải qua hai lần chào mua công khai và các giao dịch thỏa thuận, hiện Taisho đã tăng tỷ lệ sở hữu tại DHG lên 51,01%. Thương vụ này đem lại sự hài hòa lợi ích của các cổ đông và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của DHG hậu M&A. Sau 3 năm hợp tác với Taisho, DHG có nhiều đổi mới toàn diện trên mọi góc độ. Trong đó, chiến lược hội nhập để phát triển không chỉ giúp DHG và Taisho cùng nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế, mà người tiêu dùng trong nước cũng được hưởng nhiều lợi ích gia tăng.

Kết quả hoạt động tích cực của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI trong bối cảnh khó khăn đến từ khả năng phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa nhân sự hai miền, kiên định với chiến lược "lấy khách hàng là yếu tố trọng tâm, lấy hiệu quả làm thước đo trong mọi hoạt động". SSI tiếp tục chiến lược phát triển dài hạn hướng đến việc cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ hàng đầu tới khách hàng. Cơ cấu bộ phận chuyên nghiệp và nhân sự chất lượng đang từng bước được định hình và phát triển, hứa hẹn sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai với quyết tâm sớm trở thành vị trí số 1 về thị phần.



QUẢN LÝ QUỸ (SSIAM)

Trong năm 2019, SSIAM cung cấp 3 mảng dịch vụ chính cho Nhà đầu tư là Quản lý Quỹ đầu tư, Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Tổ chức, và Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Cá nhân. Tổng tài sản quản lý chia theo các dịch vụ cung cấp như sau:



Nguồn: SSIAM

Dịch vụ Quản lý Quỹ đầu tư

SSIAM quản lý hơn 3.000 tỷ VNĐ tài sản tại các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài tại thời điểm cuối năm 2019, giảm 20% so với năm 2018. Tâm lý lo lắng của các nhà đầu tư Châu Âu về thị trường tài chính ở các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam, đã khiến họ rút ròng khá nhiều từ hai quỹ SSIAM SIF - Vietnam Active Value Portfolio và SSIAM UCITS - Vietnam Value Income and Growth Fund trong những tháng cuối năm. Tâm lý của các nhà đầu tư trong nước cũng không nhiều tích cực và họ đã cân nhắc lựa chọn những kênh đầu tư thận trọng hơn như trái phiếu hoặc tiết kiệm ngân hàng.

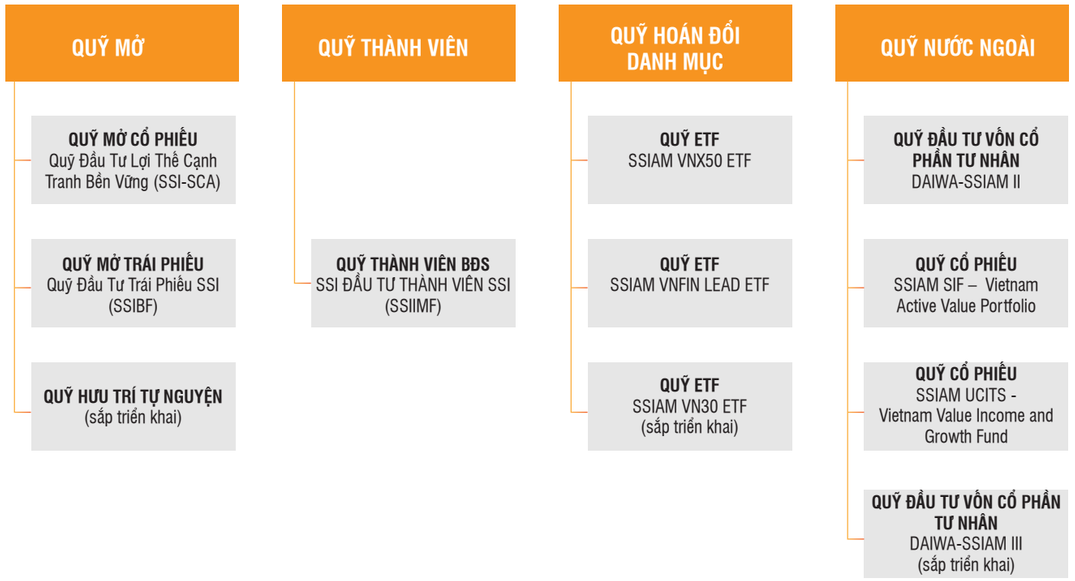
Với Quỹ đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI (SSI-SCA), SSIAM trong năm qua đã có thành quả huy động mới cho Quỹ này khi giới thiệu thành công tới các nhà đầu tư nước ngoài ưa chuộng trường phái đầu tư giá trị, và kết quả là Quỹ chỉ bị rút ròng 13,2 tỷ VNĐ trong năm 2019 – mức rất nhỏ so với tổng mức rút ròng hơn 2.100 tỷ VNĐ của các quỹ mở cổ phiếu nội địa trên toàn thị trường. Quỹ ETF SSIAM VNX50 cũng nâng được quy mô quỹ lên gần 180 tỷ VNĐ nhờ huy động mới 57,2 tỷ VNĐ trong năm. Đây là kết quả của hoạt động tích cực tìm kiếm các kênh phân phối, đối tượng khách hàng mới cho sản phẩm hiện có, tạo tiền đề cho phát triển sản phẩm mới trong tương lai.

Năm 2019 không chỉ là năm của những thách thức mà còn là năm tiền đề cho những cơ hội kinh doanh mới đầy tiềm năng mà SSIAM đang hướng tới. Nắm bắt được nhu cầu của nhà đầu tư mong muốn đầu tư vào chỉ số thị trường và chỉ số ngành, SSIAM đã phối hợp với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM xây dựng bộ chỉ số dẫn đầu ngành tài chính Việt Nam (VNFIN LEAD). Trong nửa cuối năm 2019, Công ty cũng nỗ lực chuẩn bị để triển khai quỹ ETF mô phỏng chỉ số mới này (Quỹ SSIAM VNFIN LEAD). Song song với đó, để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, SSIAM cũng chuẩn bị thành lập quỹ ETF SSIAM VN30 mô phỏng chỉ số VN30. Theo kế hoạch, hai quỹ ETF sẽ đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 2020 với quy mô dự kiến trên 2.000 tỷ VNĐ.

Ngoài ra, tiếp theo thành công của hai quỹ PE (Private Equity – quỹ đầu tư vào các công ty chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán) mà SSIAM đồng quản lý với Daiwa Securities, cổ đông chiến lược của SSI, SSIAM và Daiwa sẽ tiếp tục huy động quỹ PE thứ 3. Vòng đóng quỹ đầu tiên của quỹ Daiwa - SSIAM III sẽ diễn ra vào tháng 6.2020 với quy mô dự kiến gần 1.000 tỷ VNĐ. SSIAM đặt kế hoạch sẽ huy động tổng cộng hơn 2.000 tỷ VNĐ cho quỹ Daiwa-SSIAM III.

Những năm qua, SSIAM dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, làm việc với các đối tác trên thị trường để chuẩn bị cho sự ra đời của Qũy hưu trí tự nguyên – sản phẩm tiềm năng trong tương lai. Đầu năm 2020, SSIAM đã chính thức được Bộ Tài Chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quỹ hưu trí tự nguyện. Đây là tiền đề để công ty đưa sản phẩm này ra thị trường khi điều kiện thị trường phù hợp.

CÁC QUỸ ĐẦU TƯ SSIAM ĐANG QUẢN LÝ



Nguồn: SSIAM

Dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng tổ chức

Năm 2019, SSIAM duy trì ổn định mảng khách hàng tổ chức. Khách hàng của Công ty chủ yếu bao gồm một số Công ty bảo hiểm lớn và các tổ chức khác có nhu cầu ủy thác vốn. Tổng quy mô tài sản quản lý cho khách hàng tổ chức đạt 1.333 tỷ VNĐ, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước.

Dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng cá nhân

Quy mô tài sản quản lý cho khách hàng cá nhân đạt 231 tỷ VNĐ cuối năm 2019, giảm 38,3% so với năm 2018. Số lượng khách hàng cá nhân rút khỏi dịch vụ ủy thác đang có xu hướng tăng trong năm qua, do tâm lý lo sợ rủi ro đầu tư, khi có nhiều sự kiện kinh tế, chính trị trên thế giới diễn ra phức tạp, ảnh hưởng lên biến động của TTCK. Do mảng này chỉ chiếm 5% tổng tài sản Công ty đang quản lý, nên ảnh hưởng lên doanh thu, lợi nhuận của Công ty không đáng kể. SSIAM tin rằng, dòng vốn từ nhà đầu tư cá nhân vẫn đang trong trạng thái chờ những thông tin tích cực như: việc nâng hạng thị trường, các chính sách bảo vệ và hỗ trợ nhà đầu tư, giao dịch T+0, mở room nước ngoài cho các ngành nghề hạn chế v.v… để quay trở lại trong thời gian tới.

Kết thúc năm 2019 - một trong những năm khó khăn nhất kể từ khi thành lập, SSIAM hoàn thành vượt 12% kế hoạch lợi nhuận đặt ra từ đầu năm. Tuy nhiên tiêu chí về tổng giá trị tài sản quản lý và doanh thu từ phí quản lý chưa đạt kế hoạch. Để đạt được những mục tiêu kinh doanh thách thức hơn của năm 2020, SSIAM sẽ cần nỗ lực nhiều hơn nữa để tận dụng các cơ hội phát triển trong thời gian tới.



ĐẦU TƯ

Trong năm 2019, Khối Đầu tư SSI đã tích cực thoái vốn các khoản đầu tư đã đạt lợi nhuận kỳ vọng và gia tăng trạng thái các cổ phiếu tốt khi thị trường điều chỉnh. Nhờ vậy, lợi nhuận của toàn danh mục vẫn vượt trội so với VN30 (7,7% so với 3%). SSI cũng tận dụng những cơ hội chênh lệch giá giữa thị trường phái sinh và thị trường cơ sở để tìm kiếm lợi nhuận phi rủi ro và hoàn thiện việc tự động hóa các chiến thuật giao dịch, chủ yếu bước đầu tập trung cho một số chiến thuật rủi ro thấp nhưng cần đặt lệnh nhanh và tự động. Khi có tín hiệu từ thị trường, lệnh sẽ được tự động đặt bởi robot, do đó có thể thực hiện nhiều thao tác trong thời gian ngắn.

Sau khi sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm chính thức ra đời, SSI là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên phát hành và làm nghiệp vụ tạo lập thị trường thành công cho sản phẩm này. Tại thời điểm tháng 12 năm 2019, giá trị chứng quyền phát hành của SSI đạt hơn 40% giá trị thị trường và thanh khoản của các chứng quyền này đạt khoảng 40 - 60% tổng thanh khoản mỗi ngày.

Trong chiến lược đầu tư chủ động, SSI tiếp tục giữ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) *(công ty liên kết duy nhất hiện tại)* và duy trì việc cử người tham gia vào Hội đồng Quản trị và làm việc sâu sát cùng Ban Lãnh đạo doanh nghiệp.

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên, Địa chỉ và Logo công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	Kết quả kinh doanh 2019	Thành viên (SSI) trong HĐQT/BKS
THE PAN GROUP **Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN** **(PAN – HOSE)** Lô A1-9, Đường VL3, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Nông nghiệp Thực phẩm (lĩnh vực bánh kẹo, thủy sản, nước mắm và chế biến thực phẩm)	1.731.011.410.000 VNĐ	20,01%	Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2019 lần lượt đạt 7.784 tỷ VNĐ (-0,5%) và 451 tỷ VNĐ (-20% YoY). Nếu tách khoản lợi nhuận từ hợp nhất FMC năm 2018 (khoảng 175 tỷ VNĐ) thì chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh lõi năm 2019 tăng trưởng 15%. Biên lợi nhuận gộp hợp nhất được cải thiện, từ 18% năm 2018 lên 21% năm 2019.	2 thành viên HĐQT



5

TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG – XÃ HỘI

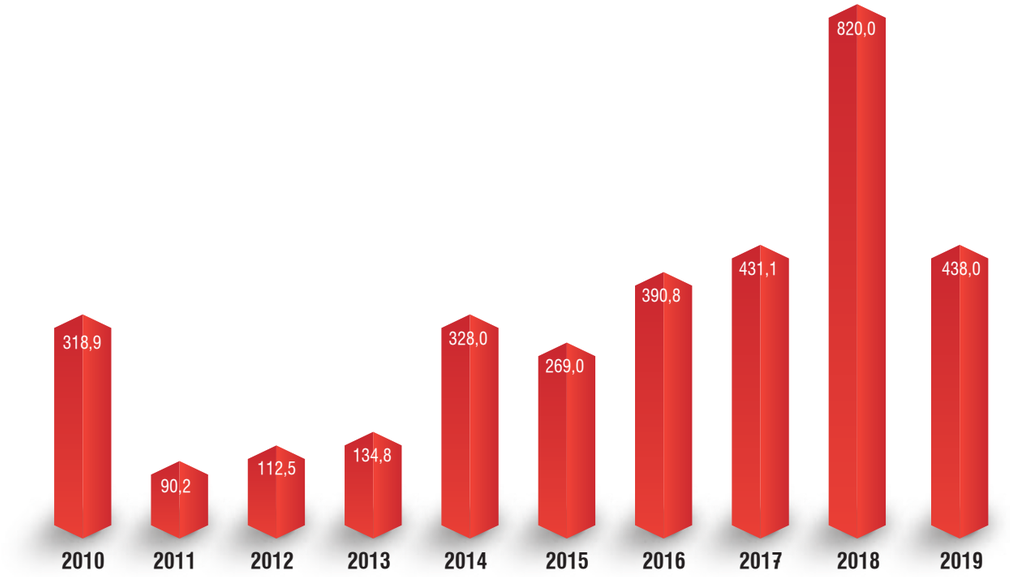
Hoạt động dựa trên tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công", SSI hiểu rằng một doanh nghiệp không thể tồn tại nếu chỉ tập trung vào những mục tiêu phát triển đơn lẻ, ngắn hạn mà thiếu đi sự quan tâm tới tăng trưởng dài hạn đặt trong mối quan hệ với nền kinh tế, môi trường và xã hội. SSI luôn coi việc đem lại hiệu quả tối ưu, chia sẻ những cơ hội và lợi ích tốt nhất cho Khách hàng, Đối tác, Cộng sự, Cổ đông và Cộng đồng chính là thành công của Công ty. Đó chính là yếu tố quan trọng giúp Công ty hoàn thành được chiến lược đã đặt ra, mang lại sự phát triển bền vững cho SSI và các bên liên quan. Chính bởi vậy, bên cạnh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, hài hòa lợi ích Cổ đông, Đối tác, Khách hàng, SSI còn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, thiện nguyện, đây là một nét đẹp văn hóa mà Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty khởi xướng ngay từ những ngày đầu thành lập và lan tỏa cho tới hôm nay.

ĐÓNG GÓP CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC **VÀ XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Kể từ khi thành lập, SSI luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước. Trong nhiều năm trở lại đây, Công ty thường xuyên thuộc nhóm các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đồng thời luôn là Công ty dẫn đầu trong ngành chứng khoán.

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) trong 8 năm liên tiếp và năm 2019 nằm trong Top 50 doanh nghiệp đứng đầu

Thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất kiểm toán SSI

Hoạt động với sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", SSI luôn nỗ lực giúp các doanh nghiệp huy động vốn qua TTCK, góp phần hình thành kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn theo cơ chế thị trường cho nền kinh tế, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy kinh tế phát triển. Trong 20 năm hoạt động, SSI đã huy động được khoảng 10 tỷ USD cho thị trường Việt Nam, với hàng loạt các thương vụ giá trị cao, hình thức giao dịch đa dạng, thậm chí có những thương vụ đã trở thành kinh điển tại Việt Nam và khu vực. Tuy năm 2019 không phải là một năm thuận lợi cho việc huy động vốn cổ phần, SSI vẫn thực hiện tư vấn thành công thương vụ chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HOSE - HBC) cho Hyundai Elevator với mức giá thặng dư hơn 50% so với giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán. Bên cạnh đó là thương vụ nâng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư Nhật Bản – Taiso tại Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (HOSE - DHG) lên 51,01%, với tổng giá trị thương vụ lên tới gần 350 triệu USD.

Đối với các hoạt động xây dựng thị trường, trong nhiều năm qua, SSI không chỉ dừng ở việc chấp hành nghiêm và đầy đủ các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh và các quy định khác có liên quan, mà còn chủ động trong việc đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TTCK, nâng cao tính thực tiễn và chất lượng cho các văn bản của Cơ quan Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường, có thể kể đến như góp ý dự thảo Luật Chứng khoán 2019, dự thảo Luật sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư, tham gia soạn thảo Bộ Quy tắc Đạo đức Nghề nghiệp do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán chủ trì v.v... SSI đồng thời là thành viên tích cực của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán, Ban Công tác Thị trường Vốn, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, Câu lạc bộ Quản lý Qũy Việt Nam, Hiệp hội Kinh doanh Trái phiếu, và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM **TRONG MỌI HÀNH ĐỘNG**

Trong suốt 20 năm qua, SSI luôn kiên định với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, tuân thủ pháp luật, để không chỉ kinh doanh có lãi mà còn bảo vệ được nhà đầu tư không bị thất thoát tài sản, xây dựng một TTCK minh bạch. SSI đã quản lý tài sản cho Nhà đầu tư trong nước và quốc tế hiệu quả, góp phần giữ trọn niềm tin của các nhà đầu tư thị trường, xây dựng một nền kinh tế ổn định. Tính đến cuối năm nay, SSI đang quản lý trên 166 nghìn tài khoản của khách hàng một cách an toàn và bảo mật, không xảy ra bất cứ một sự cố nào liên quan đến thông tin tài khoản khách hàng. Năm 2019, thị trường có nhiều biến động, một số mã cổ phiếu giảm sàn liên tục, thậm chí mất thanh khoản. Thông qua việc áp dụng chính sách cho vay ký quỹ chặt chẽ, quy trình quản trị rủi ro toàn diện, được giám sát hàng ngày, tăng cường cho vay các cổ phiếu tốt đầu ngành và có thanh khoản cao, Công ty vừa duy trì được mức dư nợ cho vay ở nhóm cao nhất thị trường (trung bình ngày đạt 5.613 tỷ VNĐ) nhằm hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư, vừa là chốt chặn giữ an toàn một phần cho tài khoản khách hàng, đồng thời bảo toàn vốn Công ty, trong năm không phát sinh nợ xấu.

SSI tập trung tìm cách mang đến sự hài lòng cho Khách hàng bằng sự chuyên nghiệp, tận tâm trong việc thiết kế những sản phẩm dịch vụ phục vụ nhu cầu riêng biệt của từng đối tượng khách hàng; song song với đó là việc không ngừng tìm cách đổi mới, cải tiến và nâng cao chất lượng của sản phẩm/ dịch vụ. Trong nhiều năm SSI luôn là đơn vị tiên phong trong việc giới thiệu các sản phẩm mới như chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ v.v…, đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư, giúp khách hàng có nhiều lựa chọn, đồng thời hạn chế rủi ro trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động khó đoán định. Các sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại cũng liên tục được phát triển và ra mắt khách hàng, năm 2019 có thể kể đến Bảng giá thông minh iBoard, nền tảng giao dịch chứng khoán giả lập iWin v.v…

Với nguyên tắc bảo vệ khách hàng, tránh thất thoát tài sản, SSI liên tục tổ chức các chuỗi hội thảo phi lợi nhuận, song song với tích cực chia sẻ thông tin thị trường qua các kênh truyền thông. Năm 2019, Sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm (CW) chính thức được đưa vào hoạt động, giúp nhà đầu tư có thêm lựa chọn mới, thúc đẩy giao dịch trên thị trường cổ phiếu. Là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được cấp phép phát hành CW, SSI tổ chức chuỗi hội thảo "Chứng quyền có bảo đảm - Đón đầu cơ hội mới" tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, giúp mang đến một bức tranh toàn diện về sản phẩm mới này, đồng thời giúp các Nhà đầu tư có được thông tin đầy đủ nhất về triển vọng tăng trưởng của các mã chứng khoán cơ sở do SSI phát hành chứng quyền. Bên cạnh đó, Công ty cũng triển khai chuyên mục "Tổng đài SSI: Hỏi – đáp chứng quyền", trực tiếp trên Fanpage Facebook Chứng khoán SSI diễn ra liên tục từ 15h30 đến 16h30 chiều thứ 6 hàng tuần trong 3 tháng liên tiếp khi mới đưa vào vận hành sản phẩm mới này. Chuyên mục với sự đồng hành của các chuyên gia kinh tế - tài chính uy tín hàng đầu, cung cấp kiến thức và trả lời các thắc mắc của nhà đầu tư, đồng thời đưa ra các nhận định về thị trường, những lời khuyên đầu tư tài chính hữu ích và thực tế nhất, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tiếp cận các sản phẩm mới CW.

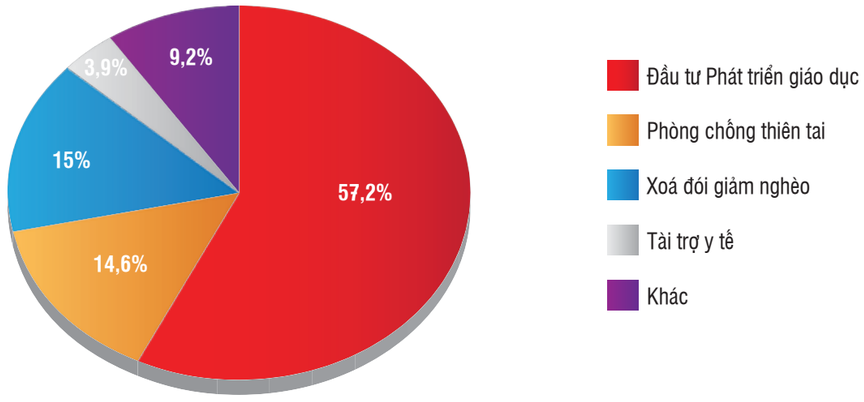
Bên cạnh các hoạt động đào tạo trực tiếp, với vai trò là CTCK số 1 trên thị trường, SSI đã và đang tiếp tục đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với hơn 40 cơ quan báo chí và truyền thông trong và ngoài nước để tăng cường nhận thức của Cộng đồng về các vấn đề liên quan đến thị trường, đóng góp sự phát triển bền vững của TTCK Việt Nam. Công ty luôn chủ động liên hệ cùng các cơ quan báo chí để kịp thời chia sẻ các báo cáo vĩ mô, báo cáo thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ, báo cáo ngành do đội ngũ Chuyên gia Phân tích SSI thực hiện. Bên cạnh đó, công ty cũng định kỳ tham gia vào các bản tin tài chính của các cơ quan truyền thông lớn như VTV1, Thời báo tài chính, Truyền hình Quốc hội v.v… nhằm kịp thời đưa tin, xây dựng lòng tin cho Nhà đầu tư vào thị trường, đặc biệt là vào những giai đoạn thị trường có nhiều biến động nhạy cảm trong năm. Năm 2019, SSI thực hiện hơn 30 chiến dịch truyền thông chủ động, cùng hơn 600 bài có liên quan đến SSI trên báo chí chính thống.



HOẠT ĐỘNG **VÌ CỘNG ĐỒNG**

Công ty đã dành ngân sách gần 100 tỷ VNĐ trong 20 năm cho các hoạt động cộng đồng – với hơn 57% cho tài trợ phát triển giáo dục, bởi SSI hiểu rằng, đầu tư cho thế hệ kế cận chính là góp phần giúp đất nước phát triển vững bền.

Tỉ lệ phân bổ chi phí hoạt động xã hội của SSI từ 2006 - 2019

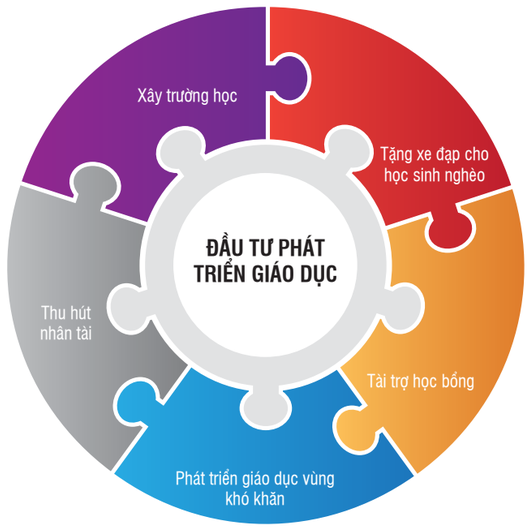


Nguồn: SSI

Đầu tư phát triển giáo dục

Đây là ưu tiên hàng đầu của SSI trong tôn chỉ Hoạt động vì cộng đồng. SSI tin rằng ươm mầm giáo dục chính là bước đi đúng đắn nhất để Việt Nam có những thế hệ kế cận vững chắc cho tương lai đất nước.

Chính vì vậy, hỗ trợ đầu tư phát triển giáo dục được SSI thực hiện qua nhiều hoạt động phong phú và hiệu quả.



Các dự án xây trường

Tính từ năm 2007 tới nay, SSI đã xây được 10 trường học tại khu vực phía Bắc và Bắc Trung Bộ để giúp phát triển giáo dục tại các vùng này. Các địa điểm xây trường của SSI đều là những điểm trọng yếu của khu vực, nơi học sinh cần có nhiều hỗ trợ để đến trường thêm thuận tiện.

Hàng năm SSI đều thăm hỏi và có những tài trợ kịp thời cho các trường để tiếp tục mở rộng, tiếp tục sẽ là những mái trường mang đến nhiều tương lai cho đất nước.

Tính riêng về Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà, sau khi đưa vào khánh thành từ năm 2010, số học sinh tại trường đã tăng và giữ ở mức ổn định, tiếp tục đóng góp vào việc phát triển giáo dục cho địa phương, đặc biệt là đối tượng học sinh dân tộc thiểu số, vốn thiếu thốn các điều kiện học tập hơn so với các khu vực khác.

Kể từ ngày thành lập, Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà đã có những từng bước hoàn thiện sứ mệnh giáo dục của mình và là ngôi nhà lớn thứ 2 của tỉnh Lào Cai dành cho học sinh dân tộc thiểu số sinh sống và học tập cấp THCS, THPT. Tại đây rất nhiều học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện (Dao, Giáy, Hmông, La Chi, Nùng, Phù Lá, Tày, Thái, Bố Y), các em kiên trì theo học đến hết cấp, số lượng học sinh giữa các khối đồng đều và nhiều em đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, nghề chuyên nghiệp, một số em còn tham gia chương trình vừa học vừa làm tại Nhật. Không chỉ là cánh cửa mở ra tương lai đối với từng em học sinh, đây còn là những bước đi nền tảng đầu tiên cho việc đem lại nguồn nhân lực được đào tạo bài bản cho địa phương trong tương lai.

Dự án tài trợ học bổng thông qua Quỹ học bổng NDH

Với nhận thức phát triển xã hội luôn phải đi kèm với phát triển giáo dục, và một nền kinh tế muốn phát triển phải đặt giáo dục hàng đầu. Trong nhiều năm qua, việc ươm mầm cho các ước mơ đến trường còn được SSI kết hợp cùng Quỹ học bổng NDH thông qua việc trao học bổng cho các sinh viên nghèo và học giỏi. Khởi đầu từ năm 2016, đây là năm thứ 4, 30 sinh viên được lựa chọn của 6 trường đại học lớn tại Hà nội tiếp tục được tài trợ học bổng để các em có thể yên tâm tiếp tục học tập, rèn luyện, sẽ có thể đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng tri thức của mình, cũng như tiếp tục hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn như mình trong tương lai để tinh thần bác ái được lan tỏa rộng rãi cho thế hệ mai sau.

Tổng giá trị học bổng: Gần 1,3 tỷ VNĐ



Phát triển thu hút nhân tài

Với phương châm dành nhiều quan tâm đến những thế hệ nguồn nhân lực kế cận của đất nước, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, SSI trong nhiều năm đã đồng hành cùng Hội Thanh niên – Sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ nhằm hỗ trợ, đinh hướng nghề nghiệp và chung tay phát triển những ý tưởng kinh doanh táo bạo của các bạn sinh viên để có thể áp dụng vào thực tế. Trong 3 năm liên tiếp từ 2017 đến 2019, SSI là nhà tài trợ cho Cuộc thi VietChallenge để ủng hộ sứ mệnh nuôi dưỡng và phát triển các công ty khởi nghiệp có tính đột phá, cạnh tranh cao, góp phần giải quyết các thách thức của nền kinh tế Việt Nam và thế giới.

Từ năm 2015 đến 2019, SSI đồng hành cùng Chương trình "Vòng tay nước Mỹ" – Hội thảo nghề nghiệp thường niên của Hội Thanh niên - Sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ. Không chỉ tài trợ chi phí để các em có thể tổ chức các chương trình giao lưu, gắn kết trong cộng đồng, SSI còn có đại diện lãnh đạo cao cấp tham gia các buổi nói chuyện về định hướng nghề nghiệp để thế hệ nhân sự tương lai này có cái nhìn đúng đắn về các lựa chọn nghề nghiệp của mình.

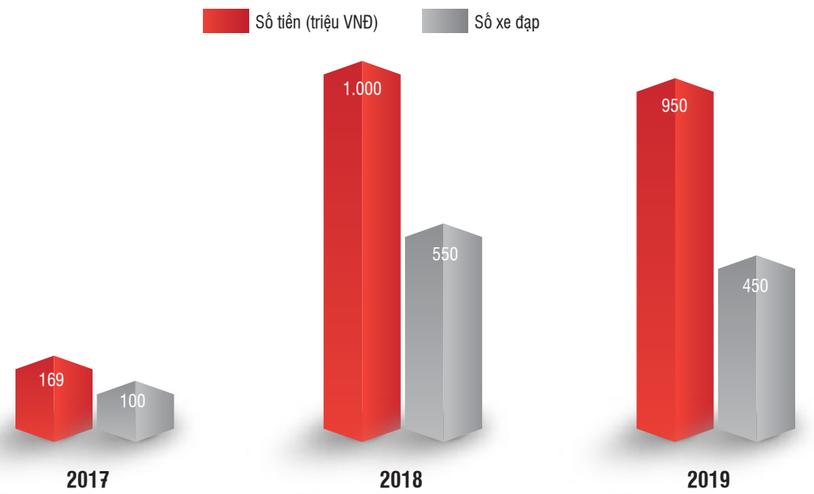
Các hoạt động này không chỉ thể hiện được trách nhiệm của SSI với thế hệ doanh nghiệp trẻ mà còn là hành động trực tiếp đóng góp vào lời kêu gọi xây dựng Quốc gia khởi nghiệp của Chính phủ Việt Nam. Từ những bước đi nhỏ bé, Công ty tiếp tục có những kế hoạch hỗ trợ, đầu tư trong những năm tới để hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam.

Các chương trình tài trợ giáo dục cho các khu vực khó khăn

Đối với hoạt động phát triển giáo dục ở các khu vực khó khăn, đặc biệt đối với những trường học ở các tỉnh vùng cao phía Bắc – địa bàn gặp nhiều bất lợi do địa hình và khí hậu khắc nghiệt, SSI thường xuyên quan tâm bằng những chương trình thiết thực, phần nào giúp học sinh và thầy cô giáo khắc phục những khó khăn trong học tập, giảng dạy và cuộc sống như tài trợ áo ấm, chăn đệm, thực phẩm cho học sinh và giáo viên trường PTDT Bán trú THCS xã Dương Hưu, huyện Sơn Động ,tỉnh Bắc Giang; Tài trợ kinh phí xây nhà ăn bán trú cho trường Trường tiểu học Gia Phú 5, thôn Nậm Trà, xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai…

Một trong những hoạt động được SSI tham gia trong nhiều năm chính là đồng hành cùng với Báo Công an Nhân dân tặng xe đạp cho các em thiếu nhi vùng sâu vùng xa, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo hiếu học trên địa bàn cả nước. Với điều kiện sinh hoạt, học tập còn thiếu thốn, nhiều em học sinh phải đi bộ những quãng đường hơn mười cây số với ước mơ tiếp cận được con chữ. Thấu hiểu được những khó khăn đó, chỉ tính riêng trong năm, 2019, SSI đã tài trợ 950 triệu VNĐ, nâng tổng con số từ 2017 đến nay lên hơn 2,1 tỷ VNĐ tương đương với hơn 1100 em nhỏ được nhận xe đạp, giúp cho hành trình tiếp cận tri thức của các em được thuận tiện hơn.

Số lượng xe đạp SSI đã tặng qua các năm



Nguồn: SSI

Phòng chống thiên tai

Việt Nam có địa hình biển đổi phức tạp từ Bắc vào Nam, từ Đông sang Tây, trải dài bên thềm lục địa biển Đông nên thường xuyên đối mặt với những thách thức thiên tai. Hoạt động phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai luôn là ưu tiên của Đảng và Chính phủ trong công cuộc xây dựng đất nước.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phòng chống thiên tai, SSI luôn đi đầu triển khai các hoạt động tài trợ phòng chống thiên tai tại nhiều địa phương trên cả nước. Một dự án nổi bật được SSI bắt đầu thực hiện là Chương trình Hỗ trợ xây dựng nhà ở an toàn phòng chống thiên tai và Tài trợ trang thiết bị cho Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của 9 tỉnh duyên hải miền Trung.

Những chương trình tài trợ từ SSI là sự ủng hộ thiết thực đối với các địa phương, giúp người dân và cơ quan chức năng trên địa bàn kịp thời ứng phó trước những thách thức thiên tai thường xuyên rình rập.

Hỗ trợ xây dựng nhà ở an toàn phòng chống thiên tai cho khoảng 30 hộ dân

- Tỉnh Thanh Hóa
- Tỉnh Quảng Bình
- Tỉnh Thừa Thiên - Huế

Tài trợ trang thiết bị cho Văn phòng BCH Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

- Tỉnh Thanh Hóa
- Tỉnh Nghệ An
- Tỉnh Hà Tĩnh
- Tỉnh Quảng Bình
- Tỉnh Quảng Trị
- Tỉnh Thừa Thiên - Huế
- Tỉnh Quảng Nam
- Tỉnh Quảng Ngãi
- Tỉnh Bình Định

Trong năm 2019, thực hiện phong trào "Cả nước chung tay vì người nghèo – không để ai bị bỏ lại phía sau" do Thủ tướng Chính phủ phát động và lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Đăk Lăk và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Giang về việc vận động ủng hộ xây dựng nhà ở cho người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, SSI đã tham gia tài trợ tỉnh Đăk Lăk 1 tỷ VNĐ và tài trợ tỉnh Hà Giang gần 7 tỷ VNĐ; góp phần giúp bà con có được một ngôi nhà kiên cố, phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc; chống chọi lại khí hậu khắc nghiệt của vùng cao biên giới. Trong năm 2020, sau 116 căn nhà vừa được triển khai, SSI cũng sẽ tiếp tục thực hiện dự án này tại Hà Giang, nâng tổng mức tài trợ tỉnh này lên 10 tỷ VNĐ, tạo điều kiện và động lực để người dân vươn lên thoát nghèo và cùng với chính quyền xây dựng một khối đại đoàn kết dân tộc ngày một vững mạnh, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc.

Xóa đói giảm nghèo, chung tay khắc phục các khó khăn

Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, SSI luôn quan tâm đến các vấn đề hỗ trợ cộng đồng nhằm giúp cho người dân có thêm kiến thức và cải tạo môi trường lao động, sản xuất kinh tế. Cũng chính vì vậy mà trong nhiều năm liền, các hoạt động Xóa đói giảm nghèo luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của SSI.

Trong năm 2019, SSI đã tài trợ 1,5 tỷ VNĐ cho tỉnh Bình Định để hỗ trợ ngư dân trên địa bàn tỉnh trang thiết bị giám sát hành trình khi hành nghề trên biển. Với lợi thế tỉnh Bình Định có chiều dài bờ biển 134km, diện vùng nội thủy 1.440km, vùng lãnh hải hơn 40.000km và vùng đặc quyền kinh tế là hơn 1 trệu km2, Bình Định là tỉnh phát triển nghề cá hàng đầu cả nước, đặc biệt là các nghề đánh bắt xa bờ. Toàn tỉnh Bình Định hiện nay có hơn 6.100 tàu cá với hơn 43.000 lao động đang làm nghề biển; và hoạt động chủ yếu tại các vùng biển miền Trung, Hoàng Sa, Trường Sa, nhà giàn ĐK1 với các nghề câu cá ngừ, lưới vây, lưới rê, câu mực. Trong đó có 3.118 tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định. Tuy nhiên hầu hết ngư dân đều chưa có điều kiện lắp đặt thiết bị này. Điều đáng quan ngại này dẫn đến nhiều tàu cá của tỉnh không thể truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác, dẫn đến vướng " thẻ vàng" EU khi xuất khẩu thủy sản, chưa kể một số tàu cá còn bị lực lượng chấp pháp các nước bắt giữ khi đang đánh bắt tại các vùng biển chồng lấn và ngay cả khi đang đánh bắt trên vùng biển Việt Nam nhưng do chưa lắp đặt thiết bị nên ngành chức năng không thể xác định tọa độ nhằm đấu tranh pháp lý với các nước cho ngư dân. Chính vì vậy việc SSI hỗ trợ dự án này là cánh cửa mở ra rất nhiều cơ hội cho ngành đánh bắt thủy sản tại địa phương, không chỉ góp phần để phục vụ tốt việc thông tin liên lạc giữa tàu cá và đất liền khi đánh bắt tại các vùng biển ngoài khơi xa, truy xuất được nguồn gốc xuất xứ phục vụ cho việc xuất khẩu mà còn giúp bà con ngư dân an tâm bám biển sản xuất, đặc biệt còn góp phần đảm bảo an ninh chủ quyền biển đảo của tổ quốc. Không dừng lại ở đó, SSI còn kêu gọi các nhà tài trợ khác trao tổng mức tài trợ đợt 1 là 15 tỷ VNĐ và cùng với các nhà tài trợ khác cam kết nhân đôi số tiền ủng hộ từ 15 tỷ VNĐ lên 30 tỷ VNĐ trong giai đoạn tiếp theo.

Không chỉ giúp người dân các địa phương xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, SSI còn dành sự quan tâm đặc biệt đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Hằng năm, SSI đều phối hợp với Trung tâm phát huy Bình An thuộc tổ chức Bạn trẻ em đường phố (FFSC) tặng quà và tổ chức tiệc vui trung thu cho các em kém may mắn ở TP. HCM do Trung tâm bảo trợ. Năm 2019, thông qua Trung tâm, SSI đã ủng hộ cho các em hơn 2000 phần quà bánh, gần 200 phần gạo và nước mắm, góp phần mang đến cho các em ở xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh một mùa Trung thu rộn ràng niềm vui.

Tài trợ y tế

Những chương trình ủng hộ bệnh nhân và các cơ sở y tế cũng được SSI đều đặn thực hiện trong nhiều năm qua. Trong năm 2019, SSI đã tặng 2 máy truyền dịch tự động cho Bệnh viện Nhi Trung ương, tặng quà và hỗ trợ chi phí khám bệnh, chi phí thuốc, các bữa ăn miễn phí và chi phí tàu xe về quê cho bệnh nhân của Bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng; đồng thời hỗ trợ cho một số bệnh nhân thông qua quỹ từ thiện của các báo và bệnh viện.

Vượt lên trên ý nghĩa nhường cơm sẻ áo thông thường, việc SSI thực hiện trách nhiệm cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện còn hướng đến mục đích góp phần thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách quan trọng như xây dựng nông thôn mới, nghĩa tình biên giới, hải đảo, bảo vệ chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh trên biển cũng như trên đất liền…, tiếp tục đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của xã hội, thực hiện đúng tôn chỉ "Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng" được SSI cam kết từ khi thành lập đến nay.





VỮNG TƯƠNG LAI



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

4

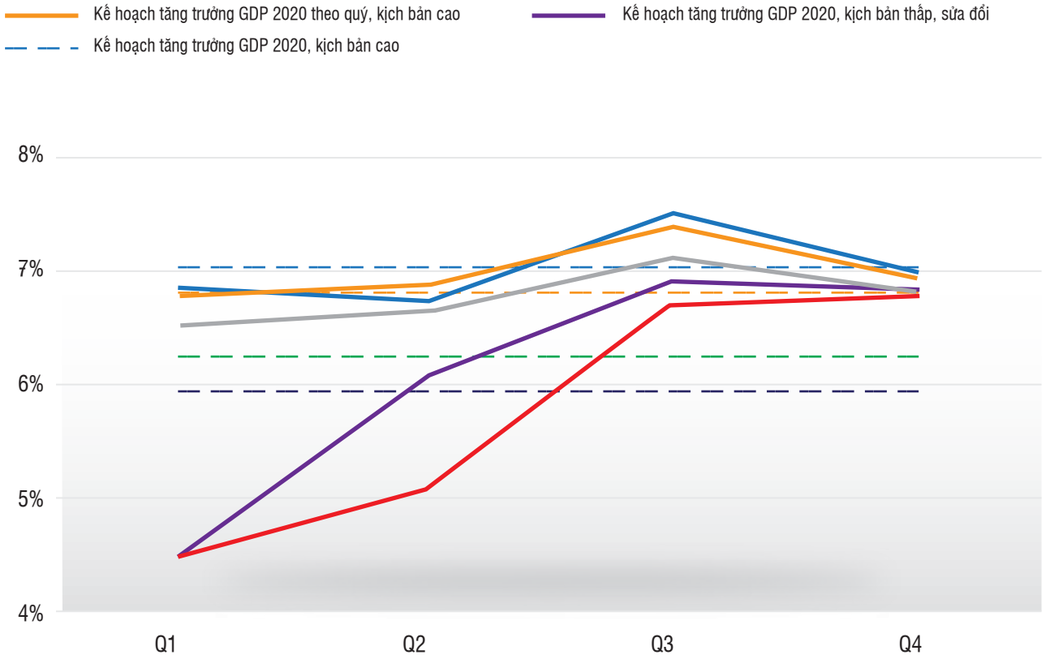
MÔI TRƯỜNG
KINH DOANH 2020

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ 2020

Kinh tế Việt Nam bước vào năm 2020 với không nhiều áp lực do đã hầu như hoàn thành kế hoạch tăng trưởng 5 năm 2016 - 2020, chỉ cần GDP năm 2020 tăng 5,4% thì đã có thể đạt tăng trưởng trung bình ở mức cận dưới của kế hoạch 6,5 - 7%.

Tuy nhiên, đại dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (COVID-19) trong quý 1 đã khiến triển vọng kinh tế toàn cầu trở nên u ám, với nhiều nền kinh tế lớn có thể rơi vào suy thoái. Điểm đặc biệt là đại dịch không những ảnh hưởng về phía cung (với sự gián đoạn của chuỗi cung ứng toàn cầu) mà còn phía cầu (khi các lệnh hạn chế đi lại và tập trung đông người được áp đặt) tạo ra áp lực không nhỏ đối với Việt Nam khi vẫn phụ thuộc vào bên ngoài về cả thị trường đầu vào và đầu ra.

Trước mắt, mặc dù Chính phủ chưa điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng 2020, nhưng các ước tính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gần đây cũng cho thấy khả năng tăng trưởng có thể giảm khoảng 0,8% so với mục tiêu ban đầu (xuống mức 5,96 - 6,25%). Tuy nhiên với những biến động tiêu cực trong kinh tế, thương mại, tiêu dùng, và rủi ro suy thoái trên thế giới, SSI cho rằng ngay cả tăng trưởng GDP chỉ ở mức 5 - 6% cũng là tích cực đối với Việt Nam.



Nguồn: Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đối với năm 2020, khi một số động lực chính của tăng trưởng gặp khó khăn (như Ngành Chế biến Chế tạo, Xuất khẩu, Dịch vụ - đặc biệt là Dịch vụ Du lịch, Tiêu dùng v.v…) thì Chính phủ Việt Nam có thể phải đẩy mạnh đầu tư công cho các dự án cơ sở hạ tầng (ví dụ thông qua việc chuyển các dự án đối tác công tư – PPP – sang hình thức đầu tư công) để hỗ trợ tăng trưởng. Các chính sách hỗ trợ tăng trưởng (cả về tiền tệ và tài khóa) cũng sẽ được triển khai mạnh mẽ, đặc biệt sau khi đại dịch COVID-19 được khống chế.

Cụ thể, về chính sách tiền tệ, lãi suất sẽ tiếp tục được cắt giảm đi kèm với các gói tín dụng ưu đãi để hỗ trợ nền kinh tế ngay cả khi lạm phát vẫn duy trì ở mức cao trong nửa đầu năm (tuy nhiên áp lực lạm phát sẽ giảm dần khi giá thịt lợn được kiểm chế, giá cả hàng hóa cơ bản ở xu hướng giảm…). Tỷ giá có thể có nhiều biến động hơn do đồng USD tăng giá trong thời gian vừa qua, nhưng sức ép lên đồng VNĐ sẽ ở mức hạn chế do dự trữ ngoại hối ở mức cao, thặng dư thương mại được duy trì và dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam vẫn tiếp tục ổn định.

Về chính sách tài khóa, đầu tư công được kỳ vọng là một trong những động lực chính của tăng trưởng, đặc biệt trong năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020. Trong khi đó việc tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước có lẽ chưa có nhiều triển biển mạnh mẽ trong năm, với không nhiều các đợt cổ phần hóa/thoái vốn.

Về rủi ro, bên cạnh tác động tiêu cực từ đại dịch COVID-19 có thể kéo dài, bất ổn của thị trường bất động sản có thể là nhân tố ảnh hưởng tới nền kinh tế. Các rào cản phát triển thị trường bất động sản được hy vọng sẽ được giải quyết một phần đáng kể trong năm 2020, để thu hút được nguồn lực đầu tư phát triển từ khu vực kinh tế tư nhân.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2020

Trong các yếu tố có khả năng thúc đẩy thị trường, năm 2020 sẽ tiếp tục có các quỹ ETF mới gia nhập thị trường, trong đó nổi bật có Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF của Công ty Quản lý Quỹ SSI được niêm yết ngày 18/03/2020 và Quỹ VFMVN DIAMOND ETF đã được UBCKNN phê duyệt. Nhiều quỹ ETF khác đang trong quá trình chuẩn bị ra mắt sớm và có thể là động lực tiềm năng cho dòng tiền đầu tư trong năm nay.

Năm 2020, một số luật và quy định mới quan trọng về TTCK sẽ được phê duyệt. Trong đó, SSI kì vọng Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư sẽ có các hướng dẫn mới về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (có thể chấp thuận cho việc áp dụng Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết - NVDR). Một nội dung quan trọng khác là Nghị định 32 về thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước, giúp thúc đẩy hoạt động thoái vốn, ít nhất đối với Doanh nghiệp Nhà nước có quy mô nhỏ.

Về nguồn cung mới cho thị trường vào năm 2020, việc thoái vốn của Doanh nghiệp Nhà nước có thể sẽ có tiến triển. Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động IPO trên thực tế có thể sẽ vẫn trầm lắng trong năm 2020, vì cần có thời gian để các Doanh nghiệp Nhà nước lớn hoàn tất quá trình định giá. Với những thông tin kể trên, khả năng cao thị trường Việt Nam sẽ chưa thể được nâng hạng lên thị trường mới nổi cho đến năm 2022.

Đại dịch COVID-19 kéo dài trong quý 1 sẽ ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp cũng như tăng trưởng vĩ mô của cả năm. Tuy còn quá sớm để đánh giá mức độ giảm tăng trưởng của doanh nghiệp, nhưng có thể thấy rõ các ngành như Vận tải, Dầu khí, Du lịch, và Tiêu dùng bên ngoài (out-of-home) sẽ bị ảnh hưởng ngay, trong khi một số ngành sẽ bị ảnh hưởng chậm hơn do tác động dây chuyền từ sản xuất đến thu nhập và tiêu dùng kéo dài chậm hơn. Mặc dù khó khăn hơn, nhưng các chính sách kinh tế của Việt Nam và các quốc gia khác cũng được kỳ vọng sẽ theo sát và hỗ trợ tăng trưởng. Các chính sách tài khóa và tiền tệ đã được áp dụng và sẽ được cân nhắc bao gồm giảm lãi suất, gia hạn nộp thuế cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch, tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội và đẩy mạnh hoạt động đầu tư công vào các dự án cơ sở hạ tầng.

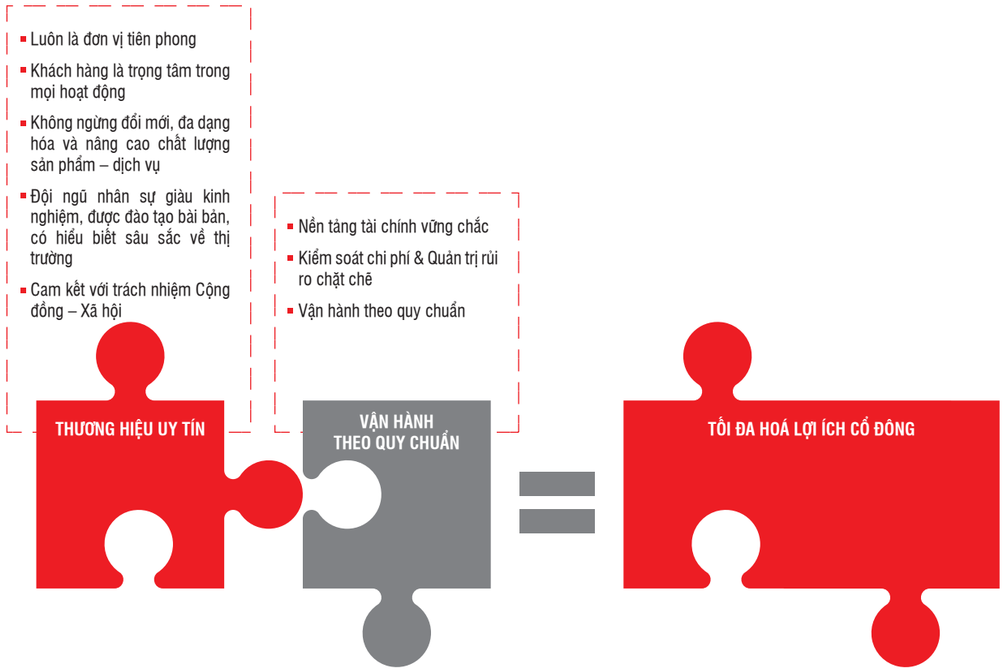
Trong ngắn hạn, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và tăng trưởng của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực. Các doanh nghiệp thuộc phạm vi nghiên cứu của Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI ước tính sẽ ko có tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2020 - một mức giảm lớn so với mức tăng trưởng 18,6% đạt được trong năm 2019. Nếu không bao gồm nhóm Ngân hàng, tăng trưởng lợi nhuận ước tính là -9,4%, với mức giảm mạnh nhất ở các ngành: Hàng không, Dầu khí, Công nghiệp v.v… Ngược lại với tình hình cùng kỳ các năm trước, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng liên tục trong tháng 2 và tháng 3 năm 2020, với tổng lượng bán ròng lên đến 350 triệu USD vào cuối tháng 3 do tâm lý lo ngại trên toàn cầu. Tính từ đầu năm đến 23/03/2020, VN-Index đã giảm 31% xuống 666,6 điểm, mức thấp nhất kể từ tháng 12 năm 2016.

Trong dài hạn, các quy định mới liên quan tới TTCK kỳ vọng sẽ đều chính thức được áp dụng vào nửa cuối năm 2021 theo đó sẽ tác động tích cực lên tâm lý của nhà đầu tư trong nước và thúc đẩy tâm lý thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung. Đối với một số vấn đề trong các lĩnh vực quan trọng như đầu tư công vào cơ sở hạ tầng, cổ phần hóa hay cơ cấu TTCK, Việt Nam cần giải quyết cấp bách những nút thắt một cách nhanh chóng nhằm tối đa hóa đà tăng trưởng và tối ưu hóa giai đoạn dân số vàng, xác định và xây dựng tầm nhìn cho nền kinh tế trước khi dân số Việt Nam bắt đầu già đi nhanh chóng trong 7 - 10 năm tới.

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRUNG - DÀI HẠN

Ngay từ những ngày đầu thành lập, SSI đã luôn đặt ra và giữ vững **mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam và dần vươn ra thị trường quốc tế, thực hiện sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", trong đó Khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động của Công ty.** Kiên định với mục tiêu nhưng chiến lược hoạt động được điều chỉnh linh hoạt, nhạy bén theo từng giai đoạn phát triển của thị trường đã giúp Công ty trụ vững trước nhiều thăng trầm của thị trường, khẳng định vị thế Công ty Chứng khoán số 1.

SSI tin rằng việc kết hợp giữa xây dựng một thương hiệu uy tín và vận hành theo quy chuẩn sẽ giúp tối đa hóa lợi ích Cổ đông:



Đi cùng với mỗi chiến lược phát triển 5 năm luôn là một kế hoạch hành động 3 năm nhằm làm rõ mục tiêu, nhiệm vụ và từng bước đi cụ thể, đối với từng mảng kinh doanh được đặt ra như sau:

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân SSI đặt mục tiêu đứng vị trí số 1 về thị phần môi giới, số 1 về sự đa dạng và chất lượng sản phẩm dịch vụ, số 1 về hiệu quả nhân sự và môi trường làm việc tạo động lực, thông qua:

Tăng số lượng khách hàng và đa dạng nhiều phân khúc khách hàng

Bên cạnh việc phát triển mạnh các nhóm khách hàng truyền thống là "high value trade" và "high net-worth value" - hai nhóm khách đóng góp tỷ trọng chính vào thị phần, SSI sẽ mở rộng thêm các nhóm khách hàng mới bắt đầu tham gia thị trường, những khách hàng chuyển đổi từ kênh đầu tư khác sang (như nhóm khách gửi tiền ngân hàng, đầu tư bất động sản v.v…). Việc phát triển và mở rộng đa dạng các nhóm khách hàng sẽ được thực hiện đồng bộ qua nhiều kênh, như đội ngũ tư vấn (kênh chủ lực), các kênh giao dịch online, hệ thống giả lập, mạng xã hội v.v…

Đa dạng sản phẩm, chất lượng sản phẩm và ứng dụng công nghệ trong các sản phẩm

Chiến lược phát triển về sản phẩm dịch vụ đặt trọng tâm vào 3 yếu tố bao gồm: phát triển đa dạng; chú trọng chất lượng; và ứng dụng công nghệ trong việc xây dựng các sản phẩm nhằm gia tăng tối đa tiện ích cho khách hàng.

Về sự đa dạng của các sản phẩm dịch vụ, bên cạnh cải thiện các sản phẩm truyền thống như tư vấn đầu tư, báo cáo phân tích, sản phẩm cho vay ký quỹ, chứng chỉ quỹ đóng/ quỹ mở, quản lý danh mục, phái sinh v.v…, SSI đẩy mạnh các sản phẩm rủi ro thấp, có lợi suất cố định như trái phiếu doanh nghiệp. Đây là sản phẩm chiến lược trong việc cạnh tranh với ngân hàng nhằm thu hút và mở rộng nhóm khách hàng mới. Công ty tiếp tục đồng hành cùng với các cơ quan quản lý nghiên cứu xây dựng sản phẩm mới theo lộ trình triển khai của UBCKNN là như phái sinh trên cổ phiếu, các hợp đồng quyền chọn v.v…

Về chất lượng sản phẩm dịch vụ, SSI tiếp tục xây dựng từng nhóm sản phẩm phù hợp theo từng khẩu vị đầu tư của khách hàng, dựa trên mức độ chấp nhận rủi ro, mục tiêu đầu tư và thời gian đầu tư của từng nhóm. Cụ thể, đối với dịch vụ tư vấn đầu tư, một số danh mục mẫu như danh mục đầu tư dài hạn, danh mục cơ bản 3 – 6 tháng, danh mục tăng trưởng, hay danh mục giao dịch ngắn hạn theo dòng tiền v.v…sẽ được xây dựng cho từng nhóm khách hàng dựa trên mức độ chấp nhận rủi ro và thời gian đầu tư của từng nhóm. Ngoài ra, các quy trình cung cấp dịch vụ cũng được chuẩn hóa và nâng cấp theo tiêu chuẩn cao để nâng cao hơn sự hài lòng của khách hàng trong hành trình trải nghiệm.

Đối với việc *ứng dụng công nghệ* trong quá trình triển khai các sản phẩm, thấu hiểu được nhu cầu của khách hàng và xu hướng phát triển của công nghệ, SSI đã và sẽ chú trọng nghiên cứu, phát triển và đưa ra nhiều nền tảng công nghệ hiện đại, thuận tiện trong giao dịch, an toàn và đảm bảo tính bảo mật cao.

Hành trình nâng chất đội ngũ từ "tư vấn đầu tư" (investment advisor) thành "tư vấn tài chính" (financial advisor)

Đội ngũ SSI đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ trong suốt thời gian qua, xuất phát từ những "môi giới chứng khoán" với khả năng tư vấn thấp, chủ yếu dừng lại ở cung cấp thông tin, sau đó chuyển mình thành những chuyên viên "tư vấn đầu tư" với hàm lượng tư vấn cao, có phương pháp đầu tư rõ ràng và đồng hành với khách hàng trong quá trình đầu tư, luôn được đánh giá rất cao trên thị trường. Trong bối cảnh kinh doanh mới, cạnh tranh mãnh liệt xuất phát từ sự gia tăng nhu cầu khách hàng, bên cạnh chất lượng và sự đa dạng sản phẩm dịch vụ tài chính, chất lượng đội ngũ tư vấn cần phải tiếp tục phát triển theo chiều sâu hơn nữa. Khách hàng cần người tư vấn hiểu khẩu vị đầu tư của riêng mình, vì vậy chuyên viên tư vấn cần phải xây dựng được danh mục phù hợp với từng khách hàng. Không chỉ dừng ở tư vấn, xây dựng danh mục phù hợp, chuyên viên tư vấn còn cần hướng đến theo dõi, cơ cấu danh mục, định kỳ đánh giá danh mục để so sánh đối chiếu với mục tiêu ban đầu. Bên cạnh đó, chuyên viên tư vấn cần am hiểu nhiều sản phẩm tài chính bên cạnh sản phẩm truyền thống là cổ phiếu, để xây dựng được danh mục đa dạng hơn, phòng ngừa rủi ro tốt hơn. Như vậy, trong bối cảnh mới, chiến lược xây dựng đội ngũ của SSI sẽ là nâng tầm đội ngũ từ "tư vấn đầu tư", hướng tới "tư vấn tài chính".

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Về khách hàng

SSI tiếp tục đẩy mạnh cung cấp sản phẩm, dịch vụ toàn diện phù hợp với từng đối tượng khách hàng trên phạm vi toàn cầu, bao gồm các thị trường truyền thống như Mỹ, Hong Kong, Nhật Bản, Singapore, Anh… đến những thị trường mới và tiềm năng khác, mở rộng cơ hội đầu tư tại Việt Nam cho các Nhà đầu tư nước ngoài. Với tiềm năng Việt Nam được nâng hạng vào nhóm các thị trường mới nổi, đòi hỏi SSI có chính sách phát triển khách hàng phù hợp nhằm hướng tới những tệp khách hàng lớn hơn về quy mô và đòi hỏi khắt khe hơn về chuẩn mực dịch vụ. Mỗi nhóm khách hàng tổ chức hoặc thị trường có định hướng đầu tư khác nhau, do đó SSI liên tục cải tiến quy trình phục vụ, đưa ra những giải pháp mới để tối ưu hóa quá trình phục vụ khách hàng cũng như đề xuất những nhóm sản phẩm mới phù hợp với từng loại khách hàng qua từng thời kỳ. Chiến lược phát triển thị trường dựa vào đối tác tin cậy vẫn luôn được đề cao đối với những thị trường có yêu cầu riêng biệt.

Về sản phẩm

Chính sách sản phẩm, dịch vụ luôn được xây dựng và điều chỉnh sao cho phù hợp với từng đối tượng khách hàng tổ chức khác nhau.

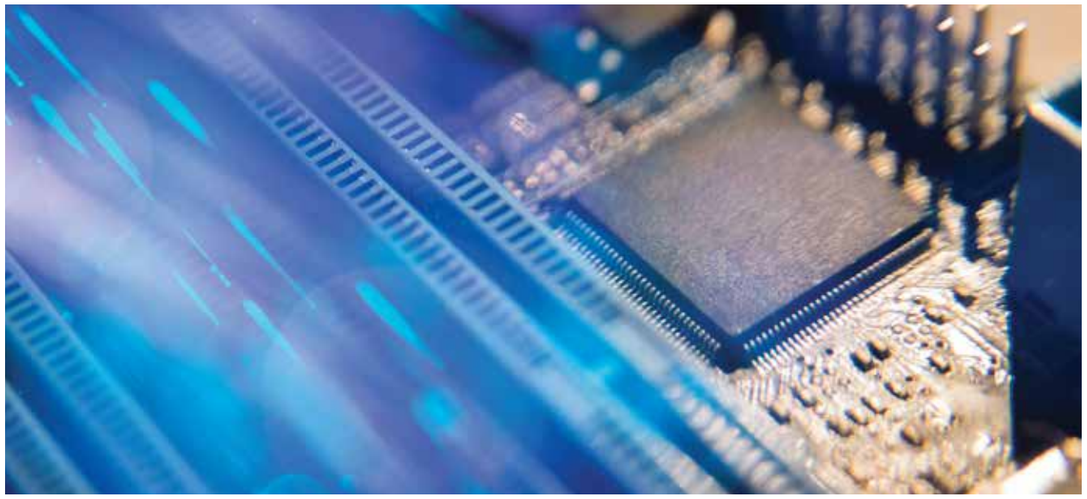
Trong thời gian tới, việc thực hiện các sản phẩm bán chéo vẫn là ưu tiên lớn đối với Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức SSI để đón đầu xu hướng của các thương vụ IPO lớn hơn, cũng như làn sóng cổ phần hóa được Nhà nước tiếp tục thực hiện, phát hành riêng lẻ của các doanh nghiệp. Khi thị trường Việt Nam trở nên phức tạp hơn, danh mục đầu tư phong phú và chất lượng dịch vụ là hai yếu tố tiên quyết để thu hút và giữ chân khách hàng. Bên cạnh các cơ hội trên thị trường cổ phiếu, SSI cũng đa dạng hóa danh mục sản phẩm với ETF, trái phiếu doanh nghiệp, sản phẩm phái sinh hợp đồng tương lai (futures) và chứng quyền có bảo đảm (CW).

Về nhân sự

Nhân sự luôn là nhân tố quyết định đến thành công, đặc biệt trong ngành kinh doanh dịch vụ tài chính. Chính sách đầu tư chiều sâu và phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, am hiểu thị trường, luôn hướng tới lợi ích của khách hàng trên cơ sở cung cấp hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ chất lượng luôn được đề cao.

Về hệ thống

Tối ưu hóa hệ thống giao dịch và đặt lệnh là ưu tiên hàng đầu để duy trì sự ổn định của bộ máy vận hành và đảm bảo quyền lợi của khách hàng. SSI tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao dịch hiện có cho các giao dịch cổ phiếu và giao dịch phái sinh, đồng thời, phát triển các kênh đặt lệnh mới và kết nối nhanh chóng hơn với hệ thống giao dịch của các khách hàng quốc tế. Hệ thống giao dịch của SSI hướng tới là hệ thống ưu việt nhất thị trường nhằm trở thành chỗ dựa vững chắc để các bộ phận có liên quan đẩy mạnh phát triển kế hoạch kinh doanh của mình. Bên cạnh đó, SSI cũng liên tục quảng bá kênh đặt lệnh giá rẻ (DMA) cho các đối tượng khách hàng phù hợp, cũng như đưa vào thử nghiệm hệ thống giao dịch theo thuật toán.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI đặt mục tiêu giữ vững vị thế dẫn đầu trong mảng ngân hàng đầu tư trên TTCK thông qua:

- Cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện tới khách hàng;
- Thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các Tổ chức Tài chính lớn trên thế giới;
- Chuyên môn hóa đội ngũ nhân sự.



NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Khẳng định vị trí Công ty Chứng khoán có uy tín và tiềm lực tài chính số 1 trên thị trường thông qua:

- Đảm bảo chất lượng quản lý nguồn vốn;
- Tổng tài sản tăng trưởng ổn định hàng năm;
- Cung cấp sản phẩm cấu trúc đa dạng, hiệu quả.

ĐẦU TƯ

Hoạt động đầu tư tiếp tục sẽ có đóng góp lớn trong tỷ trọng doanh thu toàn Công ty dựa vào hai mảng chính: Đầu tư Cổ phiếu và Đầu tư Chứng khoán Phái sinh.

Đầu tư Cổ phiếu

- Phân bổ tỷ trọng hợp lý của từng chiến lược đầu tư trong danh mục: giữa danh mục dài hạn và ngắn hạn; giữa danh mục tăng trưởng, giá trị và phòng thủ; giữa danh mục cổ phiếu niêm yết và IPO/OTC. Tỷ trọng của từng chiến lược đầu tư được thay đổi tùy từng thời kỳ phụ thuộc vào tình hình kinh tế vĩ mô cũng như nền tảng kinh doanh của từng nhóm ngành, doanh nghiệp;
- Đầu tư vào những công ty có định giá hợp lý và mô hình quản trị công ty tốt.

Đầu tư Chứng khoán Phái sinh

- Xác định đầu tư linh hoạt, tập trung vào tạo lập thị trường giúp khách hàng có thể tiếp cận được các sản phẩm phái sinh (chứng quyền, quyền chọn v.v ...);
- Tập trung xây dựng các chiến thuật giao dịch định lượng và mua/bán tự động, tránh các yếu tố rủi ro chủ quan con người;

  Đẩy mạnh mảng ETF, tham gia trở thành thành viên thành lập quỹ và nhà tạo lập thị trường cho các quỹ ETF trên thị trường.



QUẢN LÝ QUỸ

Mục tiêu trung, dài hạn của SSIAM là quản lý hiệu quả nguồn vốn ủy thác của nhà đầu tư, và tăng trưởng tổng tài sản quản lý một cách bền vững, thông qua:

- Tập trung nâng cao năng lực quản lý đầu tư, quản trị rủi ro và chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Duy trì tiếp xúc liên tục với Nhà đầu tư để hiểu nhu cầu, cũng như xu hướng đầu tư trong tương lai để phát triển dòng sản phẩm phù hợp;
- Phát triển kênh phân phối để sản phẩm có thể tiếp cận được với đông đảo khách hàng.

KẾ HOẠCH **HÀNH ĐỘNG 2020**

Để đạt được mục tiêu trung – dài hạn, các nhóm giải pháp cho từng mảng kinh doanh đã được xác lập cụ thể dựa trên tầm nhìn chiến lược và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững cho Công ty: chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển nguồn nhân lực và phát triển hệ thống. Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động.

Kế hoạch hành động 2020 đối với từng mảng kinh doanh được trình bày như dưới đây.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Phân loại khách hàng hiện hữu hiệu quả

SSI tập trung phân loại khách hàng dựa trên nhu cầu đầu tư, đặc tính đầu tư v.v…, từ đó cung cấp sản phẩm theo nhu cầu. Bên cạnh đó, Công ty tận dụng và khai thác hiệu quả tập khách hàng hiện hữu, bổ sung nhiều sản phẩm mới để đủ khả năng xây dựng danh mục phù hợp với khẩu vị đầu tư của nhiều nhóm khách hàng.

Chú trọng chất lượng đội ngũ và bước đầu xây dựng Tư vấn tài chính

SSI đánh giá lại nhân sự, không phát triển đại trà nhân sự mới, tiến hành phân loại và rà soát nhân sự hiện hữu theo hướng tập trung vào chất lượng; đánh giá định kỳ để loại bỏ nhân sự không phù hợp đồng thời giữ nhân sự tốt và có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với những nhân sự đóng góp tích cực.

Hoàn thiện hệ thống đào tạo nội bộ

Công ty tiếp tục hoàn thiện và bổ sung nội dung các chương trình đào tạo nội bộ theo lộ trình xây dựng đội ngũ "tư vấn đầu tư" trở thành "tư vấn tài chính". Các nội dung sẽ bao gồm các khía cạnh từ định hướng phát triển, đào tạo về sản phẩm tài chính, quy trình bán hàng và chăm sóc khách hàng, đào tạo về chuyên môn các phương pháp đầu tư, quy trình đầu tư, phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật, xây dựng và duy trì mối quan hệ, marketing v.v…giúp đội ngũ có thể phát triển toàn diện các kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong bối cảnh mới.

Hoàn thiện hệ thống KPI và bổ sung chính sách phù hợp với định hướng mới

Xây dựng bổ sung hệ thống KPI (chỉ số đo lường hiệu quả công việc), phân loại nhân sự theo định hướng mới cũng là một kế hoạch sẽ được triển khai trong năm 2020. Đồng thời, chính sách phục vụ cho chiến lược xây dựng đội ngũ cũng sẽ được sửa đổi trong năm để phù hợp với định hướng mới.

Tập trung phát triển các sản phẩm tài chính và sản phẩm công nghệ

Bên cạnh việc phát triển đa dạng các sản phẩm tài chính, đặc biệt là sản phẩm trái phiếu để thu hút nhóm khách hàng có tiền gửi ngân hàng, SSI tiếp tục đầu tư mạnh cho các sản phẩm công nghệ bao gồm các nhóm sản phẩm công nghệ dành cho khách hàng trẻ, nhà đầu tư giao dịch thường xuyên, sản phẩm công nghệ nội bộ trong việc phân loại khách hàng, theo dõi và đánh giá hiệu quả công việc.



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Trước dự báo có nhiều khó khăn trong năm 2020 cả về chủ quan và khách quan, đối với mảng Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức, năm 2020 được SSI xác định là năm bản lề để xây dựng và củng cố đội ngũ, sản phẩm, dịch vụ cũng như hệ thống để chuẩn bị cho những bước tiến tăng tốc mạnh mẽ hơn cho những năm sau.

Do đó, cụ thể **về khách hàng**, SSI tập trung củng cố các thị trường truyền thống, phát triển thêm khách hàng mới ở các thị trường này, đặc biệt nhóm khách hàng có dòng tiền mới vào Việt Nam. Tìm kiếm các đối tác phù hợp và xứng tầm ở các thị trường trọng điểm như Mỹ, Châu Âu. Việc phát triển thêm các thị trường mới sẽ được triển khai nếu có cơ hội.

Về sản phẩm, đầu tư chiều sâu vào bộ sản phẩm, dịch vụ toàn diện, đồng thời cá biệt hóa cho từng đối tượng khách hàng. Đảm bảo ổn định tần suất và chất lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng.

Về nhân sự, tuyển thêm một số nhân sự phát triển khách hàng tổ chức chất lượng, phù hợp với tiêu chí phát triển của Công ty.

Về hệ thống, nhanh chóng hoàn thành và đưa vào sử dụng hiệu quả hệ thống OMS mới phục vụ Khách hàng Tổ chức.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2020, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI sẽ chuyên môn hóa đội ngũ để nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung vào mảng công việc tư vấn như sau:

Mảng Thị trường Vốn: dự đoán và tìm kiếm cơ hội trên thị trường vốn, tập trung vào các hoạt động tư vấn chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, tư vấn huy động vốn thông qua phát hành riêng lẻ niêm yết, chào bán cho các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa v.v…

Mảng Thị trường Nợ: Dự đoán tiềm năng và cập nhật thông tin thị trường, tìm kiếm cơ hội tư vấn huy động vốn trên thị trường nợ cho khách hàng thông qua phát hành trái phiếu, tư vấn các khoản vay hợp vốn phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Duy trì tốc độ tăng trưởng tổng tài sản, tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động

Tăng trưởng tổng tài sản là mục tiêu đầu tiên của Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI, nhằm duy trì lợi thế công ty chứng khoán có tiềm lực tài chính mạnh nhất và có tổng tài sản lớn nhất trên thị trường. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng nhu cầu về vốn với chi phí hợp lý nhất, SSI sẽ tiếp tục đẩy mạnh mở rộng quan hệ tín dụng với các định chế trong và ngoài nước, tận dụng các cơ hội thị trường, tiếp cận các nguồn vốn giá rẻ. Bên cạnh đó, tăng cường giám sát và quản lý nguồn vốn, quản trị rủi ro về kì hạn và chất lượng các tài sản đầu tư cũng được ưu tiên nhằm đảm bảo an toàn thanh khoản và hiệu quả tài chính trong hoạt động kinh doanh của Khối.

Đẩy mạnh sản phẩm tài chính mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng

Tiếp tục thành công của sản phẩm S-Bond của năm 2019, cùng với định hướng phát triển mảng quản lý tài sản cao cấp (Private Wealth Management) và lợi thế của Công ty chứng khoán đứng số 1 về thị phần môi giới, bộ phận Sản phẩm Cấu trúc SSI sẽ phối hợp cùng các bộ phận liên quan thiết kế các gói sản phẩm tài chính một cách đa dạng đáp ứng nhằm phục vụ cả mục đích đầu tư và phòng ngừa rủi ro tài chính của khách hàng.

ĐẦU TƯ

Đối với mảng đầu tư cổ phiếu, SSI tiếp tục đẩy mạnh thoái vốn ở các khoản đầu tư đã đạt mức lợi nhuận kỳ vọng và không nằm trong chiến lược đầu tư của công ty. Công ty giải ngân trên cơ sở bám sát diễn biến thị trường, phụ thuộc vào các tín hiệu kinh tế vĩ mô từng giai đoạn trong nước và thế giới *(các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, rủi ro khủng hoảng, lạm phát, thiên tai, dịch bệnh).* Trong các giai đoạn thị trường có biến động mạnh, tỷ trọng danh mục đầu tư ngắn hạn sẽ được sử dụng linh hoạt nhằm nắm bắt các cơ hội, tối đa hoá lợi nhuận, giảm thiểu chi phí vốn cho Công ty.

Trong việc lựa chọn cổ phiếu, SSI tập trung vào các nhóm cổ phiếu có vốn hóa trung bình - lớn, thanh khoản cao, mô hình quản trị công ty tốt và có tăng trưởng bền vững, tập trung ở các nhóm ngành như Hàng không, Sản xuất, Bán lẻ, Viễn Thông. Việc phân bổ tỷ trọng giữa từng cổ phiếu phụ thuộc vào định giá doanh nghiệp từng thời điểm, độ thanh khoản của cổ phiếu cũng như tình hình hoạt động và triển vọng của mỗi ngành từng giai đoạn.

Ngoài ra, Đầu tư SSI cũng tích cực kết hợp với các Bộ phận nội khối, cũng như các khối khác trong Công ty để có thể tối ưu hóa lợi nhuận, hạn chế rủi ro như: đầu tư cổ phiếu kết hợp cùng đầu tư chứng khoán phái sinh trong việc cấu trúc sản phẩm (hợp đồng tương lai, chứng quyền có bảo đảm v.v…), phối hợp với Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và SSIAM trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới.

Đối với đầu tư chứng khoán phái sinh, SSI sẽ tiếp tục triển khai nhiều mảng mới như ETF, chứng quyền, giao dịch định lượng v.v... Tập trung kết hợp với Công nghệ Thông tin SSI nhằm xây dựng hệ thống và chiến lược để tự động hóa các chiến lược giao dịch.

Với mảng chứng quyền, năm 2020, SSI tiếp tục phát hành các mã chứng quyền hấp dẫn và định giá hợp lý giúp nhà đầu tư có thể kiếm lời qua việc mua bán chứng quyền có bảo đảm. Công ty xác định vai trò là đơn vị cung cấp dịch vụ trong mảng sản phẩm này nên sẽ cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho Nhà đầu tư tiếp cận được sản phẩm qua việc định giá và làm tạo lập thị trường tốt.

Với mảng sản phẩm ETF, Khối Đầu tư cũng tham gia làm thành viên thành lập Quỹ, giúp phục vụ được khách hàng SSI một cách tốt nhất và tối ưu hóa được danh mục kho cho ETF và chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

QUẢN LÝ QUỸ

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản phẩm mới

Năm 2020, SSIAM dự kiến sẽ thành lập và niêm yết 2 quỹ ETF là ETF SSIAM VNFIN LEAD và ETF SSIAM VN30, cũng như đóng quỹ đầu tư cổ phần tư nhân DAIWA-SSIAM III để bắt đầu đầu tư. Với một số quỹ khác đang trong giai đoạn chuẩn bị, SSIAM tiếp tục làm việc với các đối tác để xem xét khả năng triển khai các quỹ này.

Phát triển kênh phân phối

SSIAM hiểu rõ tầm quan trọng của kênh phân phối trong việc đưa sản phẩm tới khách hàng một cách hiệu quả. Hiện nay kênh phân phối sản phẩm chứng chỉ quỹ ở Việt Nam còn nhiều hạn chế do chỉ có một số rất ít các Ngân hàng Thương mại được cấp giấy phép phân phối chứng chỉ quỹ mở, trong khi đó tại nhiều quốc gia khác trên thế giới, ngân hàng thương mại là kênh phân phối chính. Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các kênh phân phối khác có tiềm năng, kỳ vọng sẽ đưa sản phẩm đến nhà đầu tư tốt hơn.

Nâng cấp hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ và cải thiện quy trình, hệ thống vận hành khác trong công ty

Cuối năm 2018 SSIAM đã triển khai hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mở SSIAM, theo đó nhà đầu tư có thể đặt lệnh mua bán chứng chỉ quỹ cũng như theo dõi biến động giá trị tài khoản của mình. Năm 2020, Công ty tiếp tục nâng cấp hệ thống này để cung cấp thêm một số tiện ích cho nhà đầu tư.

Một số hệ thống vận hành khác cũng sẽ được cải thiện để tăng tự động hóa, từ đó giảm thiểu rủi ro vận hành cho lỗi tác nghiệp của nhân viên. Công ty cũng tiến hành rà soát các quy trình nghiệp vụ, chỉnh sửa nếu cần thiết, để đảm bảo mang lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.





VỮNG NỘI LỰC
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN

YẾU TỐ
THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Chuyển đổi số đã được cho là xu hướng toàn cầu, mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như sử dụng hiệu quả nguồn lực, tiết kiệm chi phí vận hành, tiếp cận khách hàng mới và giữ chân khách hàng hiện tại, giúp lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng, chính xác nhờ hệ thống báo cáo thông suốt, kịp thời, nhờ vậy mà hoạt động và tính cạnh tranh của tổ chức được nâng cao. Không nằm ngoài xu thế chung đó, năm 2019, chuyển đổi số là một chủ đề trọng điểm được tập trung nhiều nguồn lực tại SSI, nhiều hoạt động được triển khai trên toàn bộ hệ thống và bước đầu đã gặt hái thành quả đáng ghi nhận.



Cùng với các hoạt động để duy trì và nâng cao hiệu năng của hệ thống công nghệ thông tin, SSI tập trung nguồn lực vào phát triển các nền tảng công nghệ mới, hiện đại, có thể kể đến một số sản phẩm đã được giới thiệu ra thị trường dưới đây:

Cổng thông tin: ra mắt cuối năm 2019, bảng giá thông minh **iBoard** là công cụ đắc lực để hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định kịp thời nhất nhờ giao diện thân thiện, hệ thống thông tin đa tầng và các tính năng đặt lệnh nhanh. Là một trong những bảng giá hiện đại, có tốc độ nhanh nhất trên thị trường, iBoard đáp ứng được đa dạng nhu cầu của khách hàng đối với cả hai loại sản phẩm chứng khoán cơ sở và phái sinh; đồng thời cũng là bảng giá duy nhất tại Việt Nam có thể cập nhật thông tin chứng quyền sát với giao dịch thực tế.

Giao dịch trực tuyến: Nền tảng giao dịch trực tuyến thế hệ mới **(NGOT)** đã được chuẩn bị ở giai đoạn cuối cùng trước khi ra mắt thị trường vào nửa đầu 2020. Cùng với **iBoard** đã được tích hợp việc đặt lệnh nhanh trên nền tảng web, iOS, và Android; khách hàng giờ đây có thể cập nhật thông tin, đưa ra phân tích và ra quyết định đầu tư nhanh chóng tại một nơi duy nhất đối với cả thị trường chứng khoán cơ sở và phái sinh. Bên cạnh đó, các kênh giao dịch khác cũng được SSI phát triển và ra mắt trong nửa đầu 2020.

Các kênh thu hút khách hàng: **iChat** (chatbot) giai đoạn 1 phiên bản tiếng Việt đã được ra mắt, hỗ trợ khách hàng một cách tích cực, nhanh chóng đối với yêu cầu liên quan đến thông tin chung và sản phẩm, dịch vụ của SSI. Giai đoạn 2, iChat hướng đến việc chăm sóc khách hàng một cách tốt hơn thông qua hỗ trợ thông tin thị trường, đặt lệnh giao dịch…vv.

iWin – nền tảng giao dịch giả lập mô phỏng cả thị trường chứng khoán cơ sở và phái sinh, là môi trường lí tưởng để nhà đầu tư làm quen với thị trường chứng khoán, cũng như thử nghiệm các chiến lược đầu tư của mình. Năm 2020, iWin sẽ tiếp tục được nâng cấp với nhiều tính năng sống động và mang tính xã hội hơn.

Chăm sóc khách hàng: Quản lý quan hệ khách hàng **(CRM)** đã được triển khai đối với nhóm Khách hàng Tổ chức. Việc tái cấu trúc dữ liệu Khách hàng Cá nhân và hệ thống quản lý bán hàng cũng được hoàn thành. Các giải pháp cụ thể tương ứng sẽ được áp dụng trong năm tiếp theo. Bên cạnh đó, Trung tâm Liên lạc **(Contact Center)** cũng đang được xây dựng mới và sẽ sớm ra mắt trong năm 2020.

Phát triển sản phẩm: **hệ thống "core" giao dịch** luôn được mở rộng & phát triển để đáp ứng với những nhu cầu về sản phẩm mới của thị trường. Năm 2019, về mặt hệ thống, SSI đã thực hiện thành công giao dịch, niêm yết, thanh toán và tạo lập thị trường cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm (coverred warrant). Giao dịch trái phiếu cũng đã được triển khai trong năm này.

Hỗ trợ vận hành doanh nghiệp: bên cạnh các hoạt động hỗ trợ kinh doanh, năm 2019, SSI cũng cho ra mắt hệ thống **E-Learning, website** mới của công ty, song song với việc triển khai nhiều dự án hỗ trợ vận hành quan trọng, góp phần làm tăng hiệu suất của nhân sự, giảm chi phí vận hành, cũng như nâng cao tính hiệu quả của hệ thống quản trị.

Để đạt được những kết quả nói trên không thể không kể đến sự phát triển mạnh mẽ của đội ngũ chuyên gia công nghệ thông tin trong năm 2019. Hiện nay, Công nghệ Thông tin SSI có trên 30 nhân sự, được trang bị đầy đủ phương tiện để quản lý hạ tầng, hệ thống, vận hành một cách tốt nhất. Sự ổn định của hệ thống đã đạt trên 99%. Nhóm Kiểm soát Chất lượng (QC) cũng mở rộng phạm vi quản trị hệ thống dẫn đến những cải thiện không nhỏ về chất lượng sản phẩm, dịch vụ khi đưa ra môi trường thật; cũng như nâng cao nhận thức về tuân thủ về cam kết chất lượng dịch vụ (SLA), chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPI). Thành tích SLA của Công nghệ Thông tin SSI về các dịch vụ là khoảng 98%.

Bên cạnh đó, việc bảo vệ an toàn thông tin luôn luôn được coi trọng. SSI có nhóm chuyên trách bảo mật với 5+ thành viên quản lý từng mảng công việc liên quan, thường xuyên phát hiện, ngăn chặn và xử lý nhiều vấn đề trước khi có bất cứ một thiệt hại nào cho tổ chức. SSI cũng đầu tư trang bị các thiết bị tiên tiến đặc biệt phục vụ việc phòng ngừa và phát hiện các cuộc tấn công công nghệ.

Hướng tới năm 2020, SSI đặt ra yêu cầu cao hơn về tuân thủ SLA liên quan đến tính sẵn sàng của dịch vụ, giảm thiểu thời gian quay vòng đối với các sản phẩm, dịch vụ triển khai. SSI cũng sẽ cho ra mắt nhiều giải pháp công nghệ sáng tạo, tiên tiến với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, phối hợp cùng các bộ phận nghiệp vụ tạo ra các sản phẩm đáp ứng cao nhất nhu cầu Khách hàng.



QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

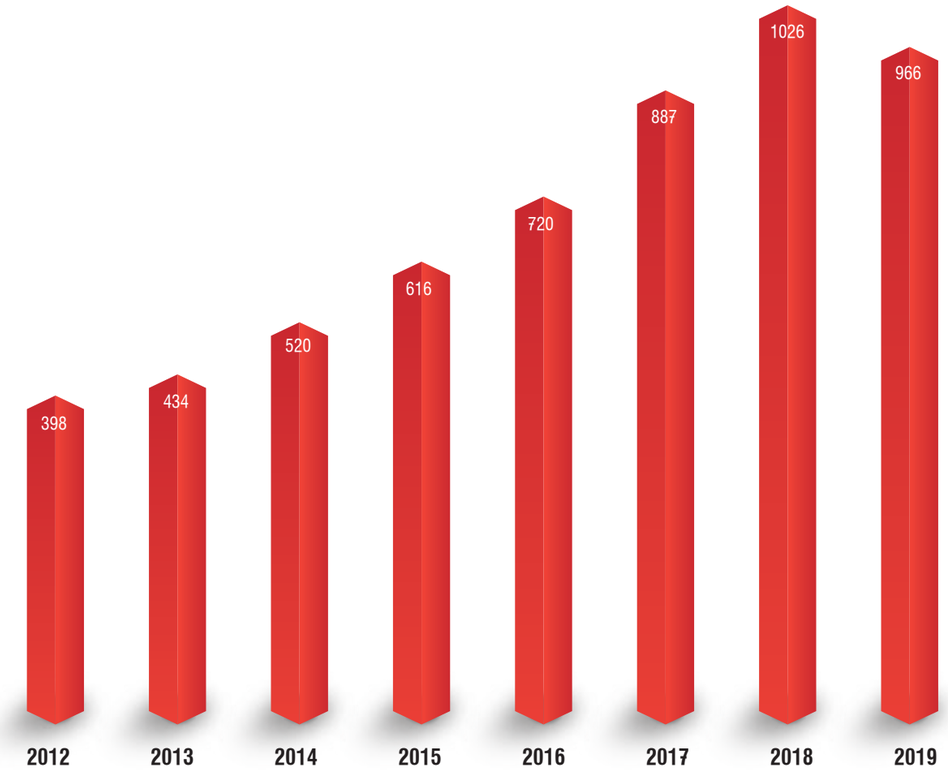
Đội ngũ SSI – 20 năm xây dựng và gắn kết

Qua 20 năm hình thành và phát triển, con người SSI luôn mang trong mình niềm tin, sự tự hào và sứ mệnh tiên phong cùng nhau xây dựng và kiến tạo một SSI lớn mạnh, minh bạch với trung tâm là sự phát triển của đội ngũ - nền tảng vững bền để thương hiệu SSI trở thành biểu tượng trên TTCK trong nước và khu vực.

Đội ngũ SSI không ngừng tăng trưởng qua từng năm xét trên cả khía cạnh gia tăng về quy mô nhân sự và phát triển chiều sâu trong công tác quản trị. Tính đến hết tháng 12/2019, số lượng nhân sự SSI đạt gần 1000 người, tăng hơn 150 lần so với ngày đầu thành lập, và các Khối Kinh doanh chiếm 80% toàn nguồn lực SSI.

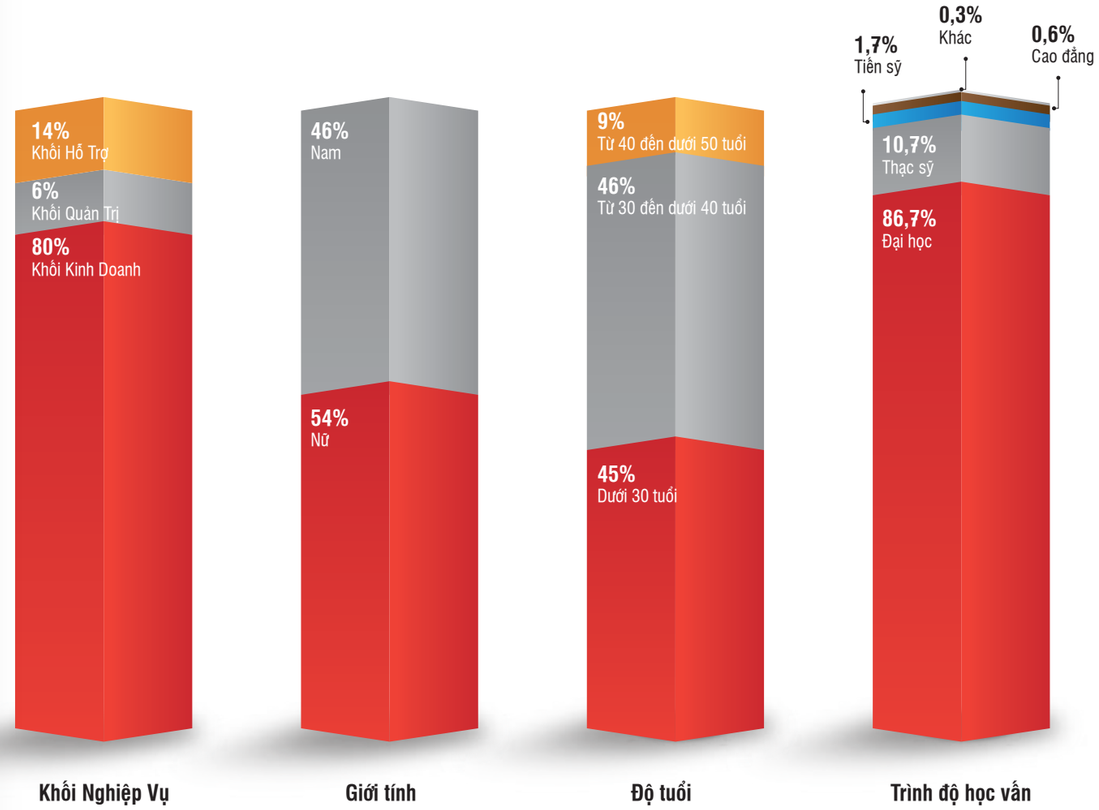
Năm 2019, Công ty tuyển mới 207 nhân sự với độ tuổi chủ yếu dưới 30 tuổi, được đào tạo bài bản với tỷ lệ 86,7% đại học và 11,0% sau đại học.

Số lượng nhân sự các năm



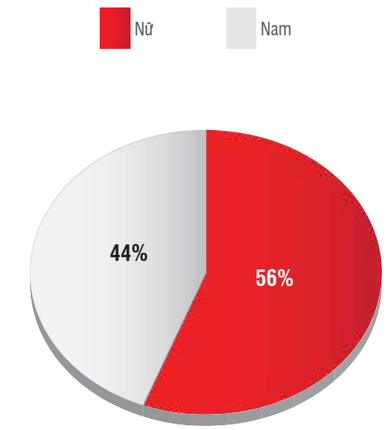
Nguồn: SSI

Cơ cấu nhân sự năm 2019

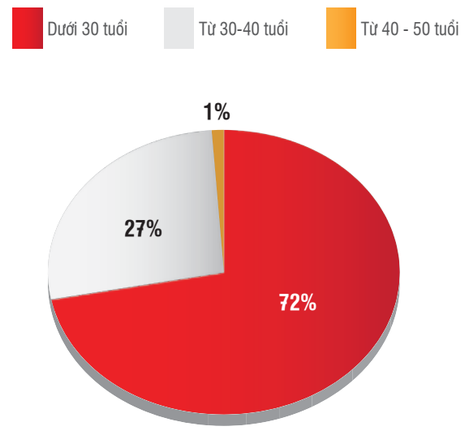


Nguồn: SSI

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo giới tính năm 2019



Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo độ tuổi năm 2019



Nguồn: SSI

Xuyên suốt hành trình 20 năm, SSI đặc biệt chú trọng và luôn hướng sự tuyển chọn đội ngũ là các ứng viên tiềm năng, tài năng, các chuyên gia đầu ngành nhiệt huyết, giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những cơ hội và thách thức mới. SSI tin tưởng rằng, bằng việc tăng cường các nhân sự mới với nền tảng kinh nghiệm tại các tổ chức uy tín trong nước và nước ngoài cộng hưởng cùng các nhân sự trưởng thành từ SSI trong nhiều năm sẽ tạo nên sức mạnh vượt trội nhằm thực thi và hiện thực hóa các chiến lược phát triển của công ty từng thời kỳ.

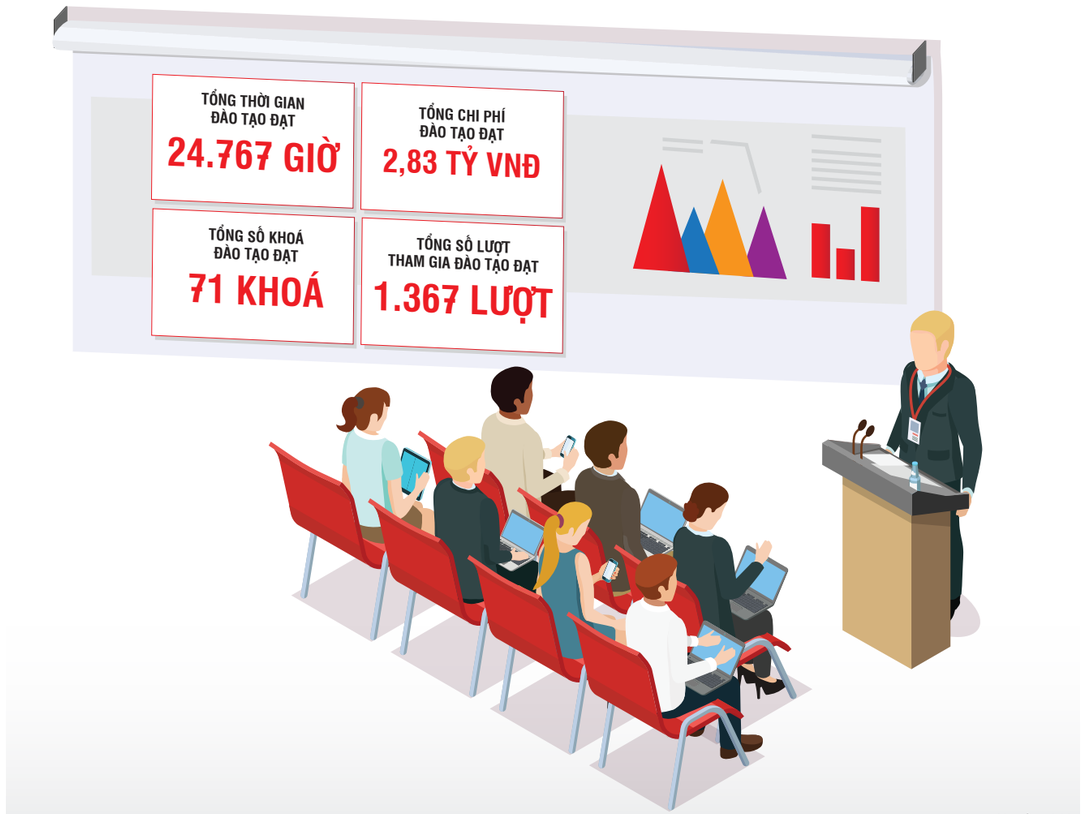
Bên cạnh đó, Công ty cũng triển khai mạnh mẽ các chuỗi chương trình hợp tác đa chiều, thường niên với các trường Đại học lớn tại Việt Nam, các cộng đồng du học sinh quốc tế từ các nước phát triển như Anh, Mỹ, Úc v.v…theo định hướng thu hút nguồn nhân lực giàu sức trẻ, năng động và sáng tạo.

Các chương trình hợp tác, tài trợ nổi bật trong 2019 như: Thực tập sinh của Học viện thuộc Học viện John Von Neumann (JVN), Buổi tọa đàm định hướng nghề nghiệp "Connect the Dots" với Du học sinh Anh thông qua Hội sinh viên Việt Nam tại Vương quốc Anh và Bắc Ireland (SV UK) Hà Nội, Phỏng vấn tuyển chọn ứng viên tiềm năng SEO Vietnam Careers Program, Cuộc thi "Sàn giao dịch chứng khoán ảo FESE", "Đấu trường tài chính FBACX" v.v…; đồng thời thúc đẩy các hoạt động hợp tác chiến lược với các bên thông qua các dự án nghiên cứu, trao đổi - chia sẻ chuyên môn.

Đầu tư cho tương lai

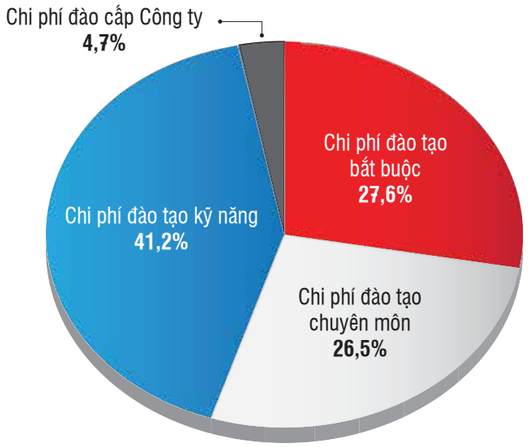
Lợi thế cạnh tranh lớn nhất của SSI đó là sức mạnh của nguồn lực, sự đoàn kết và tin tưởng mạnh mẽ trong toàn bộ tổ chức, tính cam kết cao và sự chuyên nghiệp của mỗi thành viên. Đầu tư vào con người chính là đầu tư cho tương lai, đào tạo và phát triển là một trong những yếu tố chủ chốt thúc đẩy các bước tiến trong nghề nghiệp của mỗi cá nhân, là một nhịp cộng hưởng kiến thiết nên sự thành công chung của tổ chức.

Hiểu được giá trị của nguồn lực, SSI luôn coi trọng và đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển năng lực của mỗi cá nhân thông qua chuỗi các chương trình ngay từ khi gia nhập, gồm: các khóa đào tạo bắt buộc theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, các khóa huấn luyện về kỹ năng chuyên môn chuyên biệt, các chương trình đào tạo phát triển nền tảng quản trị (khách hàng, đội ngũ, tổ chức) mang tính ứng dụng cao giúp nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng quản trị, phát triển tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ, thành tựu trong nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với tổ chức.



Nguồn: SSI

Cơ cấu chi phí đào tạo năm 2019



Nguồn: SSI

Công tác đào tạo nội bộ tiếp tục được đẩy mạnh trong các khối nghiệp vụ trên toàn hệ thống qua các buổi đào tạo chuyên môn, hội thảo chuyên đề, huấn luyện nghiệp vụ, v.v...; tạo điều kiện kết nối các thành viên hai miền Nam - Bắc, lãnh đạo với nhân viên, nhân viên nội khối và nhân viên giữa các khối để cùng chia sẻ định hướng hoạt động, kinh nghiệm vận hành, kết nối tinh thần, cùng nhau tạo dựng môi trường làm việc "minh bạch, trung thực, hiệu quả, sáng tạo".

Trong năm 2019, SSI cũng triển khai xây dựng và cho ra mắt hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning với mục tiêu giúp nhân sự Công ty có thêm phương thức học tập mới, linh hoạt hơn về thời gian, địa điểm và các tương tác trong quá trình học; là công cụ để đẩy mạnh việc học tập, kiểm tra chuyên môn, đa dạng và cập nhật nhanh hơn các kiến thức được yêu cầu từ tổ chức.

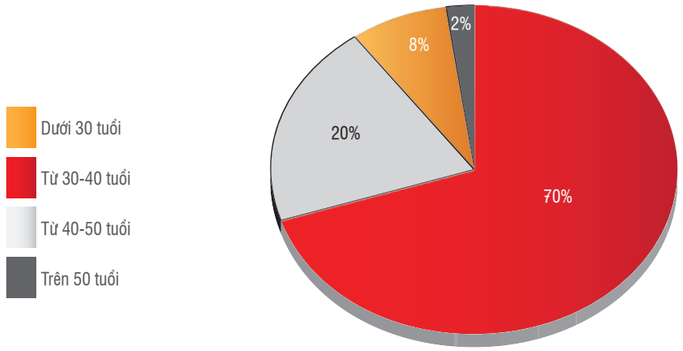
Tổ chức thành công khi mỗi cá nhân thành công

Sự trưởng thành của SSI hôm nay nói chung và đội ngũ SSI nói riêng thể hiện sự quyết tâm theo đuổi đến cùng của thế hệ sáng lập và Ban lãnh đạo SSI về Tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công".

SSI dành sự quan tâm đặc biệt tới công tác tìm kiếm và phát triển các nhân sự tiềm năng nhằm phát triển và quy hoạch nguồn lực đáp ứng kế hoạch ngắn hạn và các chiến lược dài hạn của tổ chức.

Các nhân sự được bổ nhiệm sẽ tham gia các lớp đào tạo kỹ năng cần thiết nhằm bổ sung kiến thức, công cụ hỗ trợ cho công việc, bao gồm các lớp kỹ năng lãnh đạo, quản trị, xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh, đồng thời việc đồng hành và đào tạo trực tiếp qua công việc cũng được thực hiện thường xuyên giúp Cán bộ được bổ nhiệm có điều kiện thuận lợi để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như tiếp tục phát triển lộ trình nghề nghiệp cá nhân.

Cơ cấu lãnh đạo công ty theo độ tuổi năm 2019



Trong năm 2019, số lượng quản lý cấp trung (các vị trí Trưởng phòng trở lên) của Công ty là 164 người, chiếm 16,9% tổng số lượng nhân sự SSI. Số lượt bổ nhiệm mới là 15 người, chủ yếu nằm trong độ tuổi từ 30 đến 40 tuổi.

Nguồn: SSI

SSI đi theo các thông lệ quản trị nhân sự hiện đại

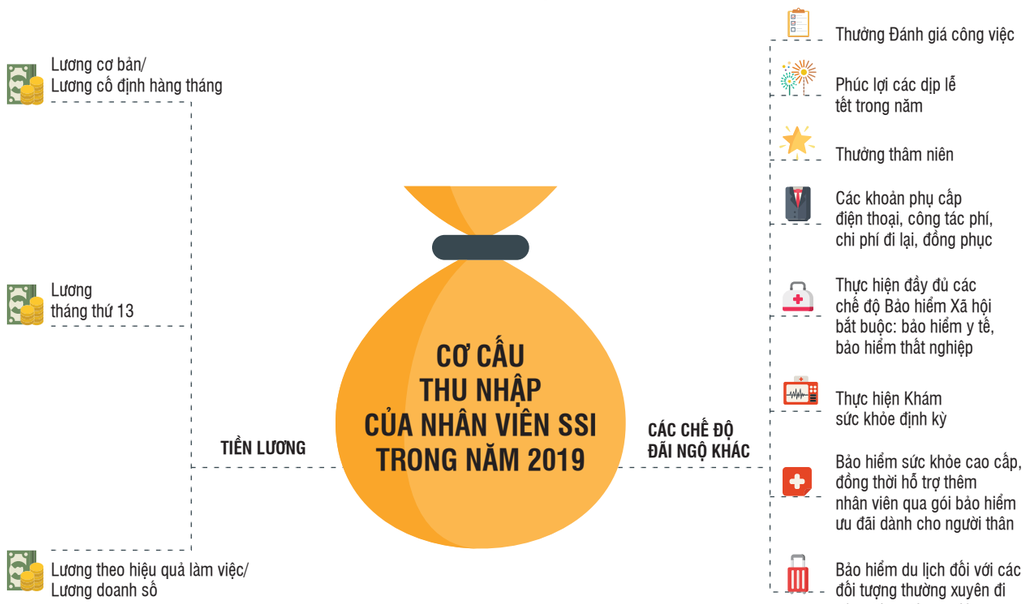
Lấy hiệu quả là nguyên tắc trong kinh doanh và quản trị, SSI vận hành hệ thống các chính sách nhân sự xoay quanh hiệu quả chung của tổ chức.

Các chính sách đãi ngộ - phúc lợi của cá nhân được gắn liền với năng lực, thành tích, đóng góp của bản thân trong tương quan hiệu quả chung của bộ phận và của SSI.

Hệ thống Quản trị thành tích PMS giúp Công ty triển khai việc thiết lập các mục tiêu và ghi nhận kết quả thực hiện công việc từng thời kỳ tới từng cá nhân tại tất cả cấp bậc nhằm ghi nhận thành tích, đóng góp của cá nhân vào thành tích chung của tập thể; đồng thời theo dõi được lộ trình thực hiện công việc của mỗi người để có các kế hoạch phát triển trong tương lai.

SSI duy trì hệ thống đãi ngộ - phúc lợi toàn diện dành cho người lao động.

365 ngày phúc lợi



Năm 2019, SSI tiếp tục duy trì ngân sách và thực hiện chi trả hơn 427 tỷ VNĐ cho nhân viên, trong đó hạng mục chi thưởng và phúc lợi chiếm 47,7% tổng các đãi ngộ chi trả.

Hạng mục đãi ngộ chi trả	Năm 2019		Năm 2018	
	Số tuyệt đối (VNĐ)	Tỷ trọng	Số tuyệt đối (VNĐ)	Tỷ trọng
Lương	198.579.697.992	46,5%	175.042.062.828	36,4%
Bảo hiểm	24.969.686.441	5,8%	23.044.057.522	4,8%
Thưởng hiệu quả công việc	157.514.667.301	36,9%	236.683.929.010	49,3%
Phúc lợi khác	46.109.323.845	10,8%	45.542.231.652	9,5%
Tổng đãi ngộ chi trả	**427.173.375.580**	**100,0%**	**480.312.281.012**	**100,0%**

Song song với việc duy trì các chính sách lương – thưởng cạnh tranh trên thị trường, năm 2019, SSI thực hiện phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu lựa chọn cho nhân viên (ESOP), tiếp tục là đơn vị đi đầu trong Chương trình phát hành cổ phiếu cho nhân viên nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên với SSI; thu hút, duy trì và thúc đẩy những nhân sự có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

SSI đặc biệt quan tâm và đặt sức khỏe của người lao động lên hàng đầu. Hàng loạt các chương trình hành động của SSI nhằm cải thiện môi trường làm việc, tăng khả năng bảo vệ sức khỏe cho mỗi nhân viên cũng được triển khai hiệu quả trong năm qua.

Các chính sách 5 ngày làm việc/tuần, 14 ngày nghỉ phép/năm, chính sách bảo hiểm bổ sung tạo điều kiện cho Người lao động gia tăng quỹ thời gian thực hiện sở thích cá nhân, chăm sóc người thân và tận hưởng cuộc sống bên gia đình.

Hướng tới sự cân bằng giữa cuộc sống và công việc (Work – life balance)

SSI luôn dành nhiều sự quan tâm đến việc tạo ra một sự cân bằng giữa công việc và đời sống nhân viên ở các cấp, tạo điều kiện và luôn khuyến khích các thành viên đổi mới cách làm việc để đảm bảo được yêu cầu công việc nhưng vẫn cân bằng được đời sống riêng tư. Về mặt hệ thống quản lý, Công ty nỗ lực cải tiến mạnh mẽ để có thể giảm thiểu thời gian làm thêm giờ của nhân viên, giúp nhân viên có nhiều thời gian cho gia đình hơn ngoài giờ làm việc mà vẫn đạt được kết quả đặt ra.

SSI cũng luôn cố gắng tạo môi trường làm việc và cơ hội phát triển công bằng giữa nam và nữ. Tỷ lệ nam nữ hiện nay tại SSI vẫn tiếp tục duy trì ở mức ngang bằng. Với nhân viên nữ, công ty luôn tuân thủ mọi quy định về lao động nữ và tạo điều kiện thuận lợi cho nữ nhân viên quay trở lại làm việc sau kỳ thai sản. Thấu hiểu và chia sẻ những trách nhiệm gia đình của nhân viên, SSI tin rằng chỉ khi nhân viên yên tâm về gia đình của mình thì công việc mới có thể đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc chia sẻ công việc, dự phòng nhân sự trong các trường hợp nhân viên nghỉ ốm đau, thai sản, chăm người thân bị bệnh đều được các cấp lãnh đạo và nhân viên thực hiện một cách nghiêm túc.

Ngày hội Gia đình SSI đã trở thành một sự kiện thường niên được tất cả thành viên mong đợi, nơi gia đình của nhân viên có thể đến chung vui, chia sẻ và kết nối. Những sự kiện như vậy giúp tăng cường tình cảm gia đình của nhân viên, và cũng để mối liên kết giữa gia đình và Công ty bền chặt hơn nữa. Phần nào, thông qua các sự kiện, mỗi thành viên "mở rộng" của SSI cũng thêm thấu hiểu, sẻ chia, và tự hào về SSI, cũng như tiếp tục đóng vai trò "hậu phương vững chắc" cho mỗi thành viên chính thức của SSI cống hiến tốt hơn.

Các hoạt động đội ngũ của SSI như duy trì sinh hoạt đội bóng đá 2 miền, câu lạc bộ nhiếp ảnh, câu lạc bộ chạy, zumba, yoga v.v… nhận được sự quan tâm của đông đảo nhân viên và sự khuyến khích từ Ban lãnh đạo Công ty. Với những hoạt động này, mỗi người SSI có thể theo đuổi sở thích cá nhân của mình để thư giãn sau giờ làm việc căng thẳng. Các sự kiện nội bộ như Gala hàng năm cũng là nơi thể hiện được năng khiếu, sở trường và sức mạnh tập thể SSI, là dịp mang lại nhiều tiếng cười, nhiều niềm vui cho toàn thể nhân viên.

Ngoài ra, nỗ lực xây dựng môi trường cân bằng cho nhân viên còn được thể hiện ở những chế độ như: nhân viên có thêm 2 ngày nghỉ ốm trong năm; quà tặng sinh nhật và các dịp như Quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; Chương trình Trung thu và Tết Thiếu Nhi cho con em cán bộ nhân viên v.v… đã và đang mang lại niềm vui, sự tự hào và thêm gắn kết cho mỗi thành viên SSI.

Công ty hướng tới một sự phát triển bền vững cho mỗi cá nhân và toàn thể công ty. Và đạt được sự bền vững đó, SSI cam kết nỗ lực hết sức mình cho việc tạo dựng một môi trường làm việc cân bằng với cuộc sống bằng nhiều cách và sẽ tiếp tục nghiên cứu, triển khai những chính sách, hoạt động để đạt được sự cân bằng này.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP



VỮNG TƯƠNG LAI/ VỮNG NỘI LỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN

Trải qua 20 năm hoạt động, SSI luôn tự hào về văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của Công ty bên cạnh những thành tựu đã được ghi nhận từ các báo cáo, thống kê và giải thưởng. Tồn tại và phát triển song song với quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp, văn hóa mang bản sắc SSI chính là "phần hồn" bao gồm những giá trị cốt lõi, các quy tắc, phong cách quản lý, phương thức kinh doanh và hành vi, thái độ của mọi thành viên. Chính những nét riêng trong văn hóa của SSI đã ăn sâu vào niềm tin và phát huy tầm quan trọng, góp phần tạo nên sức mạnh lớn lao, là nhịp cầu gắn kết các cá nhân, tạo tiền đề giúp công ty vượt qua khó khăn, thách thức để tạo nên 1 "Đại gia đình SSI" vững mạnh như ngày hôm nay. Những nét riêng mang đậm dấu ấn SSI được thể hiện rõ nét không chỉ ở "9 tôn chỉ kinh doanh" mà còn ở sự thống nhất trong truyền tải thông tin, phát triển nguồn nhân lực hạt nhân, sự đoàn kết cùng chung tầm nhìn sứ mệnh của từng thành viên trong nội bộ Công ty.

9 tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được khắc ghi trong từng hoạt động của Công ty, là dấu ấn và bản sắc của thương hiệu SSI

Ở SSI, 9 tôn chỉ kinh doanh được coi là giá trị cốt lõi của Công ty, là kim chỉ nam cho mỗi quyết định, hiện hữu trong mỗi hoạt động của doanh nghiệp. Những ý nghĩa bao hàm trong 9 tôn chỉ kinh doanh của SSI đã bao trọn các khía cạnh từ văn hóa làm việc, giao tiếp trong Công ty, với Khách hàng, và văn hóa ứng xử ra Cộng đồng và Xã hội. Đây chính là những giá trị bền vững không thay đổi bất chấp thời gian và ngoại cảnh.

1. Chúng tôi đặt hết tâm huyết vào sự thành công của Khách hàng.
2. Chúng tôi chú trọng đến thành quả đem lại cho Khách hàng, và luôn tự hào về điều đó.
3. Chúng tôi trân trọng giá trị đầu tư vào Công ty của các Cổ đông và Cộng sự, đồng thời đáp trả bằng những quyền lợi tương xứng.
4. Chúng tôi tuyển chọn và đãi ngộ những tài năng xuất chúng trong ngành tài chính.
5. Chúng tôi luôn khuyến khích và đánh giá cao năng lực chủ động sáng tạo của các Cộng sự.
6. Chúng tôi tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức kinh doanh trên mọi phương diện.
7. Tinh thần hợp tác là phần tất yếu trong nét văn hóa Công ty.
8. Chúng tôi tận tâm trong mọi hoạt động vì sự tăng trưởng của ngành tài chính tại Việt Nam.
9. Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của Cộng đồng.

Cùng với Tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công" và Sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", những tôn chỉ kinh doanh trên giúp người SSI hiểu rõ được vị thế và trách nhiệm của mình, xây dựng niềm tự hào và niềm tin trong mỗi người đối với doanh nghiệp nơi mình cống hiến. Những giá trị này được truyền tải tới Nhân viên ngay từ buổi học định hướng gia nhập Công ty, và sau đó liên tục được nhắc đến trên các kênh truyền thông, sự kiện và đào tạo nội bộ. Bên cạnh đó, những giá trị cốt lõi luôn được đặt tại những vị trí trang trọng, dễ thấy trong các phòng làm việc để người SSI có thể thấm nhuần hơn mỗi ngày. Và đây cũng chính là di sản và động lực để trao truyền, duy trì cùng nhau qua thời gian và từ đó dù ở bất cứ vai trò hay vị trí nào, mỗi cá nhân luôn tự hào là người SSI.

Thống nhất trong truyền tải thông tin nội bộ là yếu tố quan trọng trong sự thành công của việc hình thành và phát triển văn hóa của SSI

Với số lượng nhân sự gần 1000 người và trải rộng tại nhiều tỉnh thành khắp cả nước, việc thông tin một cách thống nhất, thông suốt toàn hệ thống doanh nghiệp là một trong những yêu cầu bắt buộc cho mọi hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, từ nhiều năm qua, SSI đã xây dựng một hệ thống các kênh truyền tải thông tin nội bộ được duy trì và đầu tư một cách thường xuyên, liên tục được cải tiến để ngày càng hoàn thiện và là cầu nối để tiếp cận đến toàn thể nhân viên cũng như thể hiện được vai trò gắn kết đội ngũ.

SSI tin tưởng rằng một cơ chế trao đổi thông tin thông suốt từ Ban Lãnh đạo tới nhân viên Công ty sẽ càng làm mạnh mẽ hơn sự gắn kết giữa lãnh đạo và nhân viên. Những chiến lược kinh doanh, kế hoạch hay mục tiêu kinh doanh đều được chia sẻ trong nội bộ thông qua những thông điệp từ Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc, giúp từng nhân viên hiểu rõ và thống nhất quan điểm hoạt động của Công ty.

Không chỉ là kênh truyền tải thông tin hiệu quả từ lãnh đạo tới các thành viên trong Công ty, **Truyền thông Nội bộ** còn là tiếng nói chung của người SSI, là kênh liên lạc, kết nối giữa các thành viên trong Công ty, được xem như là nhịp dẫn không chỉ tạo dựng sự đoàn kết trong nội bộ mà còn là chất kết dính để giữ cho văn hóa SSI được lan tỏa và phát triển.

Hàng năm, SSI luôn đưa ra một thông điệp chung để tất cả cán bộ, nhân viên có thể có cùng một cái nhìn, một đích đến và cùng nỗ lực để đem lại kết quả tốt nhất. Cho năm 2019 với thông điệp "Gắn kết vươn xa" và hình ảnh chủ đạo dòng chảy lấp lánh, những hoạt động truyền thông nội bộ cũng góp phần truyền thêm cảm hứng, lan tỏa tinh thần "Sẵn sàng giải pháp – Sâu sát chuyên môn – In dấu sáng tạo" và kết nối các nguồn lực để hòa chung vào dòng chảy mạnh mẽ giúp SSI ngày càng đổi mới, sáng tạo và linh hoạt trước những biến động của thị trường. Tất cả những câu chuyện này đều được truyền tải thông qua hệ thống truyền Bản tin nội bộ và Diễn đàn nội bộ SSI một cách xuyên suốt.



VỮNG TƯƠNG LAI/ VỮNG NỘI LỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN

Bản tin nội bộ là một trong các kênh truyền thông quan trọng đã được SSI duy trì từ năm 2012 đến nay. Sau 8 năm, cứ mỗi 2 tuần/ số, Bản tin nội bộ là bữa ăn tinh thần cho người SSI khi được thiết kế chỉnh chu, ấn tượng; nội dung phong phú, đa dạng và gửi qua hệ thống email đến từng thành viên. Ngoài việc cập nhật nhanh chóng, chính xác các tin tức nội bộ; các thông báo quan trọng; các thông tin, nhận định về SSI và thị trường, bản tin còn chú trọng đến các nội dung giúp người SSI cân bằng giữa công việc và cuộc sống như những thông tin bổ ích về sức khỏe, học tập hay giải trí. Từ năm 2019, với chuỗi bài về Chuyện SSI – những chia sẻ của người SSI tại từng bộ phận/ dự án cũng được đăng tải giúp các thành viên có thể thấu hiểu và chia sẻ với công việc của từng bộ phận, qua đó giúp mọi người xích lại gần nhau hơn.

Song song với việc tiếp nhận thông tin qua Bản tin nội bộ, người SSI còn có thể tương tác với nhau qua **Diễn đàn nội bộ SSI Insider**. Ngoài cập nhật những thông tin, sự kiện mới nhất, đây còn là kênh để các thành viên chia sẻ những trải nghiệm cuộc sống, những niềm vui, tiếng cười và cả những nỗi buồn. Những hoạt động kêu gọi thiện nguyện, các bài hướng dẫn rèn luyện và giữ gìn sức khỏe hay những minigame vui nhộn là những chủ đề được người SSI tham gia hết sức sôi nổi sau những giờ làm việc căng thẳng.

Có thể nói việc lắng nghe và tương tác hai chiều là một trong những chìa khóa giúp SSI phát huy và lan toả văn hóa doanh nghiệp một cách hiệu quả. Thông qua các đợt khảo sát, gửi thư điện tử, các cuộc trưng cầu ý kiến, bình chọn trực tuyến hoặc góp ý trực tiếp trên các kênh Truyền thông Nội bộ, Ban lãnh đạo tiếp cận gần hơn với những mong muốn, quan điểm và các góp ý từ phía nhân viên để từ đó lắng nghe và có những thay đổi phù hợp nhằm đưa ra các quyết sách kinh doanh cũng như ngày càng hoàn thiện chất lượng môi trường làm việc.

Các thành viên SSI có một giấc mơ chung chính là giúp cho SSI trường tồn mãi mãi. Mỗi cá nhân của SSI đều mang trong mình sự tự hào về hành trình 20 năm đã qua. Những giải thưởng, các chương trình từ thiện, những thành tựu của SSI đều được thường xuyên cập nhật trên tất cả các kênh truyền thông để nhắc nhớ cho mỗi người hiểu rõ về vị trí, vai trò và trách nhiệm của mình trong hành trình đưa SSI phát triển vững bền; từ đó khuyến khích những nỗ lực tiếp theo để toàn thể nhân viên, bộ phận, công ty hướng đến những mục tiêu cao hơn nữa.

Nuôi dưỡng và phát triển tinh thần văn hóa mang tính rất riêng của SSI

Người SSI không chỉ là những nhân tài trong giới tài chính với sự vững vàng về chuyên môn, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc, quyết liệt trước những khó khăn, thay đổi mà còn mang trong mình tinh thần làm hết sức, chơi hết mình - một nét văn hóa được chú trọng phát triển trong nội bộ Công ty.

SSI Gala là hoạt động văn hóa doanh nghiệp thường niên, và là sự kiện quan trọng nhất đối với người SSI. Được duy trì mỗi cuối năm tài chính (tháng 4). Đây là dịp người SSI tại khắp mọi miền được tụ hội, gặp gỡ, giao lưu và tham gia các hoạt động gắn kết, vinh danh. Bên cạnh việc cùng nhau thư giãn và tận hưởng những giây phút vui vẻ, sảng khoái với những hoạt động tập thể mang tính chất gắn kết tinh thần đồng đội của từng thành viên, người SSI sẽ được cùng nhau nhìn lại chặng đường đã đi qua, suy ngẫm về những điều đã đạt được và những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động của năm trước, để từ đó được tiếp thêm động lực, cùng nhau quyết tâm, đồng lòng hướng tới mục tiêu của năm tới. Trong năm 2019, giải chạy "Gắn kết vươn xa" nằm trong khuôn khổ Gala SSI 2019 cũng đã để lại nhiều dấu ấn khi không chỉ thúc đẩy phong trào rèn luyện sức khỏe của nhân viên mà còn thúc đẩy mọi người vượt qua những giới hạn của bản thân và cùng nhau góp phần đem đến những món quà nhỏ cho các bệnh nhân tại bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng.

Ghi nhận và phản hồi là một trong những yếu tố giúp người SSI ngày càng gắn bó hơn với doanh nghiệp. Giải thưởng "Người SSI tiêu biểu" là giải thưởng vinh dự và được mong chờ nhất hàng năm với người SSI. Được đề cử và bình chọn trong toàn Công ty, đây là giải thưởng tôn vinh các cá nhân có những đóng góp tiêu biểu cho sự phát triển chung của SSI. Giải thưởng cũng nhấn mạnh tài sản lớn nhất của SSI là con người và Công ty luôn khuyến khích sự phấn đấu, phát triển bản thân hơn nữa của mỗi thành viên. Với riêng Đội ngũ Môi giới – lực lượng được xem như là mũi nhọn hàng đầu, hàng năm SSI tổ chức Lễ Vinh danh Khối dịch vụ chứng khoán để tôn vinh những cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh của Khối nói riêng và góp phần xây dựng SSI nói chung. Đây không chỉ là những nhân tài trong Công ty mà còn là những nhân sự chất lượng cao của ngành Tài chính - Chứng khoán Việt Nam.

Gắn kết sẻ chia là cụm từ khóa được nhắc đến nhiều nhất năm 2019 tại SSI. Suốt một năm qua, sự gắn kết không chỉ được thể hiện trong công việc mà còn được duy trì và phát triển thông qua các hoạt động ngoài giờ làm. Các Câu lạc bộ Bóng đá, Yoga, Nhiếp ảnh tiếp tục chuỗi sinh hoạt điều độ duy trì từ những năm trước. Trong đó CLB Nhiếp ảnh tổ chức cuộc thi với quy mô toàn công ty, hay CLB Bóng đá ngoài trận siêu cúp SSI thường niên hàng năm cũng tích cực tham gia các hoạt động giao hữu mà Giải bóng đá VSD mở rộng là một ví dụ. Điểm sáng của các hoạt động thể chất năm nay là sự ra đời của câu lạc bộ Chạy bộ - SSI Runner. Dù mới chỉ ra mắt vào đầu quý IV năm 2019, tuy nhiên CLB đã nhanh chóng thu hút được sự tham gia của rất đông thành viên với các hoạt động được cập nhật thường xuyên liên tục. Nhiều thành viên của CLB cũng đã tham gia nhiều giải chạy Marathon lớn trên cả nước với cự ly 21km, 42km và là lực lượng chủ chốt trong phong trào thể dục thể thao, góp phần nâng cao tinh thần rèn luyện sức khỏe tại SSI.

Không chỉ quan tâm đến đời sống tinh thần của riêng Nhân viên, SSI còn có những chương trình dành cho gia đình và người thân. Những ngày lễ lớn như Quốc tế thiếu nhi 1/6 và Trung Thu, SSI đều có các hoạt động tặng quà dành cho SSIkids – con của các thành viên SSI. Tháng 12 hàng năm, thời điểm kết thúc một năm cũng là lúc Ngày hội Gia đình SSI được diễn ra. Sự kiện Ngày hội Gia đình – Movie Day's 2019 cũng đã được tổ chức một cách thân mật và đầy ý nghĩa. Các gia đình được cùng nhau xem phim, cùng nhau chia sẻ những khoảnh khắc đáng nhớ và cùng lắng nghe những lời tri ân, lời cảm ơn từ chính những người thân yêu của mình và từ công ty.

Cùng với các chính sách phúc lợi, các sự kiện/ hoạt động này chính là sợi dây liên kết, góp phần không nhỏ vào việc phát triển một đội ngũ gắn bó và đoàn kết. Không chỉ đơn thuần là nơi làm việc, SSI mong muốn mang tới một môi trường làm việc thân thiện, tích cực, luôn tạo điều kiện để người SSI phát huy hết khả năng và là nơi gắn bó không chỉ công việc mà còn cả đời sống tinh thần.











QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP **BỀN VỮNG**

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN CHUNG

Năm 2019, Hội đồng Quản trị (HĐQT) SSI gồm 06 thành viên, trong đó có 05 thành viên giữ chức danh trọn 1 năm, 01 thành viên là ông Bùi Quang Nghiêm hết nhiệm kỳ vào ngày 25 tháng 4 năm 2019 và ông Phạm Viết Muôn được bầu bổ sung để thay thế. Công ty hiện có hai thành viên độc lập trong HĐQT là ông Ngô Văn Điểm và ông Phạm Viết Muôn. Cơ cấu HĐQT hiện tại được đánh giá là cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, có kiến thức và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như vai trò của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập), trong đó có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT phải là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

Danh sách thành viên HĐQT cùng tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Công ty:

STT	Thành viên	Chức danh	Năm sinh	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2019 (*)(**)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2019 (*)(**)	
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	1962	6.783.400	1,330%	6.783.400	1,330%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	1967	1.400.000	0,274%	1.400.000	0,274%
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT *Thành viên độc lập* *Thành viên không điều hành*	1951	200.000	0,039%	150.000	0,029%
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT *Thành viên độc lập* *Thành viên không điều hành*	1957	40.000	0,008%	40.000	0,008%
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT *Thành viên không điều hành*	1991	700.000	0,137%	700.000	0,137%
6	Hironori Oka	Thành viên HĐQT *Thành viên không điều hành*	1963	0	0	0	0,00%

(*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông

(**) Tỷ lệ được tính trên 510.063.684 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 01/01/2019

(***) Tỷ lệ được tính trên 510.063.684 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/12/2019

Đa số các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký công ty đã hoàn thành các khóa đào tạo về quản trị công ty và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ theo quy định. Các thành viên mới được bầu sẽ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty cũng hoàn tất Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị lần thứ 3 (DCP3) do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam tổ chức tháng 08/2019.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vai trò, trách nhiệm và hoạt động chung của Hội đồng Quản trị

HĐQT luôn xác định vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT hoạt động bằng cách ban hành nghị quyết và chỉ đạo Ban lãnh đạo thực hiện nghị quyết. Chính sách quản trị của Công ty được thể hiện thông qua việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, và bằng các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT. Những tài liệu này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, được công bố thông tin theo quy định.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và Nghị quyết HĐQT. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Bên cạnh đó, HĐQT đã có những nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty tuân thủ quy định hiện hành và phù hợp với thông lệ của khu vực cũng như trên thế giới. Cụ thể:

- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên triệu tập cuộc họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả, xác định vai trò của mỗi thành viên HĐQT, giữa thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT điều hành để bảo đảm lợi ích theo pháp luật cho các Cổ đông;
- HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với tầm nhìn của Công ty và chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo lợi ích cho Khách hàng, Cổ đông và quyền lợi của Người lao động, tôn trọng Đối tác, chung tay xây dựng cộng đồng doanh nghiệp vững mạnh, từ đó đóng góp giá trị cho xã hội, từng bước hoàn thành sứ mệnh của Công ty;
- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết của Công ty; thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới;
- HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Lãnh đạo cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Lãnh đạo, bảo đảm sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Trong năm 2019, HĐQT đã tiến hành 04 cuộc họp, bao gồm 02 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên	4/4	100%	
3	Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên	4/4	100%	
4	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên	3/4		Được bầu ngày 25/04/2019
5	Ông Hironori Oka	Thành viên	4/4	100%	
6	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	4/4	100%	
7	Ông Bùi Quang Nghiêm	Thành viên	1/4		Hết nhiệm kỳ vào ngày 25/04/2019

Theo đó, HĐQT đã thông qua 10 nghị quyết để triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ cũng như thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT:

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	20/03/2019	Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
2	02/2019/NQ-HĐQT	17/05/2019	Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm
3	03/2019/NQ-HĐQT	26/08/2019	Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu REE, VNM, VIC, VJC, VHM, MBB, FPT, và HPG
4	04/2019/NQ-HĐQT	25/10/2019	Xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức để tăng vốn điều lệ nhằm đáp ứng nhu cầu tăng quy mô hoạt động của Công ty
5	05/2019/NQ-HĐQT	25/10/2019	Điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh 2019
6	06/2019/NQ-HĐQT	25/10/2019	Thông qua việc thành lập Tiểu ban Chiến lược Phát triển trực thuộc HĐQT
7	07/2019/NQ-HĐQT	25/10/2019	Thông qua chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Tiểu ban Chiến lược Phát triển trực thuộc HĐQT
8	08/2019/NQ-HĐQT	25/10/2019	Thông qua việc hợp nhất hai bộ phận Phân tích & Tư vấn Đầu tư Khách hàng Cá nhân và Phân tích & Tư vấn Đầu tư Khách hàng Tổ chức thành Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư
9	09/2019/NQ-HĐQT	25/10/2019	Thông qua việc chào bán chứng quyền đến hết năm 2020
10	10/2019/NQ-HĐQT	25/10/2019	Ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2019 theo Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên

Hoạt động giám sát đối với Ban Tổng giám đốc:

- Rà soát và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019, chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2020 trình ĐHĐCĐ thường niên;
- Kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2019;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản trị và kiểm soát rủi ro;
- Phát triển và hoàn thiện sản phẩm dịch vụ chứng khoán phái sinh;
- Thực hiện phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm;
- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nội bộ;
- Tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ các sản phẩm kinh doanh mới của công ty và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Rà soát hệ thống, bảo đảm an toàn, chủ động phòng rủi ro;
- Cơ cấu lại tổ chức thông qua việc hợp nhất hai bộ phận Phân tích & Tư vấn Đầu tư Khối Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Phân tích & Tư vấn Đầu tư Khối Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức thành Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn năm 2019 cho người lao động trong Công ty, tăng cường sự gắn kết lợi ích giữa người lao động và Công ty.

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Năm 2019, HĐQT đã thành lập thêm **Tiểu ban Chiến lược Phát triển** trực thuộc HĐQT ngày 25/10/2019 và đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự và quy chế hoạt động. Tiểu ban Chiến lược Phát triển có chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh, các kế hoạch hành động nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh từng thời kỳ, giám sát triển khai, quản trị các dự án nhằm đảm bảo Công ty triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, phát triển theo đúng định hướng chiến lược hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, HĐQT đã chỉ định thành viên HĐQT độc lập phụ trách các vấn đề về quản trị rủi ro (QTRR) và kiểm toán nội bộ.

Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập phụ trách quản trị rủi ro:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, hạn mức rủi ro;
- Xem xét báo cáo của Tổng giám đốc và Bộ phận QTRR và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động QTRR của toàn Công ty.

Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập phụ trách kiểm toán nội bộ:

- Rà soát, thẩm định trước khi HĐQT phê duyệt, quyết định các vấn đề liên quan tới cơ cấu tổ chức về kiểm toán nội bộ; dự thảo chiến lược và chính sách kiểm toán nội bộ;
- Kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ quy trình, chuẩn mực kế toán, nguyên tắc hoạt động của kiểm toán nội bộ;
- Báo cáo HĐQT về hoạt động và hiệu quả hoạt động của công tác kiểm toán nội bộ đã thực hiện trong năm; đề xuất phương án khắc phục các tồn tại, hạn chế nhằm hoàn thiện hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành chiến lược và chính sách kiểm toán nội bộ.

Hoạt động của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty cũng như theo quy định hiện hành của Pháp luật, cụ thể là:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT.
- Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT hiện đang kiêm nhiệm vị trí Tổng giám đốc SSI với nhiệm vụ lãnh đạo Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên thực hiện một cách hiệu quả các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động khác. Việc kiêm nhiệm này đều đã được trình ĐHĐCĐ phê chuẩn trong đại hội hàng năm.

Hoạt động của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ về quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ như đã trình bày tại nội dung về hoạt động của các tiểu ban. Ngoài ra, các thành viên này còn tham gia các cuộc họp của HĐQT phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng giám đốc gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về hoạt động của Công ty

Năm 2019, SSI kiên định với chiến lược phát triển bền vững, đồng thời đẩy mạnh đầu tư cả nhân lực và hạ tầng đáp ứng đòi hỏi của thời kỳ công nghệ. Công ty dành nhiều hơn nguồn lực, thời gian cho nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự để vững bước đồng hành cùng nhà đầu tư đưa ra những kế hoạch phù hợp đón đầu cơ hội phát triển của thị trường trong tương lai.

Sau khi đánh giá tình hình thị trường 9 tháng đầu năm có nhiều ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động kinh doanh của Công ty, tháng 10/2019, căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT đã có Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 10 năm 2019 điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 với một số chỉ tiêu: lợi nhuận trước thuế 2019 về mức 1.100 tỷ VNĐ, doanh thu về mức 2.950 tỷ VNĐ, tương đương với mức giảm 35,3% và 21,9% so với kế hoạch kinh doanh đề ra đầu năm. Kết thúc năm 2019, Công ty ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 3.308,6 tỷ VNĐ, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.105,5 tỷ VNĐ – đạt kế hoạch kinh doanh đã điều chỉnh, với chi phí hoạt động giữ ổn định so với cùng kỳ năm ngoái. Tại ngày 31/12/2019, tổng tài sản của SSI đạt 27.044 tỷ VNĐ tăng 13% so với mức đầu năm, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 9.401 tỷ VNĐ.

SSI tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, trước hết là công tác từ thiện. Quản trị công ty công khai, minh bạch và đặt lợi ích của Công ty trong sự kết hợp hài hòa với lợi ích của Nhà nước và lợi ích của Cổ đông, Khách hàng.

Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

HĐQT đánh giá cao và ghi nhận kết quả điều hành kinh doanh năm 2019 của Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc đã chủ động tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro.

Đạo đức kinh doanh, văn hóa Công ty được chú trọng và bồi đắp thông qua việc xây dựng quy chế, tổ chức những hoạt động đào tạo, gắn kết đội ngũ v.v …

Quan hệ với Công chúng, Nhà đầu tư, các Cơ quan Truyền thông luôn được quan tâm ngày càng được hoàn thiện làm cho hình ảnh của Công ty đến với công chúng nhiều hơn, đầy đủ hơn. Những báo cáo phân tích của SSI là kênh thông tin khách quan, đúng định hướng chuyên sâu về TTCK được các nhà đầu tư, các tổ chức tư vấn quan tâm và đánh giá cao.

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2020

- Tiếp tục xây dựng SSI không chỉ có quy mô lớn nhất mà còn chất lượng tốt nhất trên thị trường. Nâng cao năng lực tài chính, nhân lực, công nghệ v.v… để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, tiếp tục thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước, Cổ đông, Khách hàng, Người lao động và Cộng đồng, thể hiện đúng tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công”.
- Phát huy lợi thế vị trí dẫn đầu, nỗ lực vươn lên giữ vững vị trí số 1 về thị phần môi giới, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, cạnh tranh bằng chất lượng, cung cấp thêm cho khách hàng sản phẩm linh hoạt hỗ trợ tối ưu hóa vốn kinh doanh, bảo đảm an toàn vốn trong hoạt động cho vay ký quỹ.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của công nghệ thông tin, bảo mật và an toàn thông tin trong bất kỳ tình huống nào. Phát triển đội ngũ đi đôi với việc tinh gọn, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy. Tăng cường đào tạo tại chỗ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ 4.0.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN CHUNG

Ban Kiểm soát (BKS) SSI gồm có 03 thành viên với phân công nhiệm vụ như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng BKS phụ trách chung và giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, tham gia các cuộc họp của HĐQT, lập báo cáo trình ĐHĐCĐ; chủ trì trong việc giải quyết các khiếu nại, yêu cầu của Cổ đông;

Ông Đặng Phong Lưu, Thành viên BKS phụ trách giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; cùng xem xét, thẩm định báo cáo của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ, Kiểm soát Nội bộ và Quản trị Rủi ro;

Bà Lê Cẩm Bình, Thành viên BKS phụ trách kiểm tra, xem xét sổ sách kế toán, thẩm định về báo cáo tài chính của Công ty; cùng xem xét, thẩm định báo cáo của bộ phận Kiểm toán Nội bộ, Kiểm soát Nội bộ và Quản trị Rủi ro.

Danh sách thành viên BKS cùng tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Công ty:

Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Mức độ độc lập	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2019 (*)(**)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2019 (*)(**)	
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	1967	Không phải là người lao động của Công ty Có sở hữu cổ phiếu SSI	130.455	0,026%	130.455	0,026%
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	1967	Không phải là người lao động của Công ty Có sở hữu cổ phiếu SSI	60.068	0,012%	60.068	0,012%
Bà Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	1979	Là Giám Đốc Kiểm toán Nội bộ SSI Có sở hữu cổ phiếu SSI	142.500	0,028%	142.500	0,028%

(*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông

(**) Tỷ lệ được tính trên 510.063.684 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 01/01/2019

(***) Tỷ lệ được tính trên 510.063.684 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/12/2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Năm 2019, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI và Quy chế hoạt động của BKS SSI.

- Ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng BKS, đại diện cho BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm 2019.
- BKS đã tiến hành 2 cuộc họp định kỳ vào ngày 23 tháng 2 và ngày 12 tháng 9 năm 2019, thực hiện các nội dung:
  - Đánh giá hoạt động của HĐQT và điều hành của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động kinh doanh;
  - Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp trong năm 2019;
  - Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ;
  - Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 và báo cáo tài chính bán niên năm 2019.

Kết quả giám sát được ghi nhận như sau:

Giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Ban Lãnh đạo

HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động Công ty theo đúng mục tiêu đã được ĐHĐCĐ đề ra trong cuộc họp thường niên. BKS chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người điều hành doanh nghiệp. Các giao dịch của người nội bộ, người có liên quan được công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

Trong hoạt động quản lý, điều hành, không có ghi nhận từ các cơ quan quản lý về sự vi phạm hay sai sót nào.

Năm 2020 được dự đoán với nhiều khó khăn của nền kinh tế đặc biệt COVID-19 xuất hiện đã và đang ảnh hưởng tiêu cực tới hầu hết các lĩnh vực kinh doanh nói chung và SSI nói riêng. Ban Lãnh đạo cần theo dõi sát sao diễn biến thị trường, xây dựng kế hoạch chi tiết, các kịch bản khác nhau cũng như các giải pháp toàn diện nhằm đảm bảo phương án kinh doanh an toàn và hiệu quả.

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

Hoạt động của Công ty trong năm 2019 tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và điều lệ. Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, đồng thời là công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Những người nội bộ thực hiện đầy đủ quy định về công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu SSI.

Công ty đã triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

- Hoàn tất việc trả cổ tức 10% năm 2018 trong tháng 10 năm 2019, phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo của ĐHĐCĐ vào tháng 1 năm 2020 theo nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019;
- Thực hiện các thủ tục triển khai Nghị quyết số 02/2019 ngày 26 tháng 11 năm 2019, phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 16%.

Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ

BKS ghi nhận không có phát hiện trọng yếu nào đối với các quy trình đã được Khối Quản trị rà soát. Các phát hiện còn tồn đọng chủ yếu liên quan đến việc quy chuẩn hóa các quy trình hoạt động chưa toàn diện.

Hoạt động quản trị rủi ro đối với nghiệp vụ cho vay ký quỹ (margin) được thực hiện chặt chẽ, kiểm soát rủi ro theo từng mã chứng khoán, đánh giá sức khỏe doanh nghiệp trước khi cấp vốn margin.

Các báo cáo tỷ lệ an toàn vốn hàng tháng đều được Kiểm toán Nội bộ rà soát đảm bảo tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật. Đối với báo cáo tài chính của Công ty, Kiểm toán Nội bộ thực hiện kiểm toán định kỳ hàng quý, các sai sót được điều chỉnh phù hợp trước khi công bố ra bên ngoài. Các báo cáo này đều đảm bảo phù hợp với các chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật.

BKS đề xuất Khối Quản trị tiếp tục cập nhật các quy trình quản trị, quy chế thường xuyên và định kỳ, tăng cường đào tạo kiến thức, truyền đạt đến các nhân viên có liên quan để đảm bảo tính tuân thủ đến từng nhân viên thực hiện.

Giám sát về mặt tài chính

Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của UBCKNN. Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tài chính năm 2019 được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đúng theo quy định hiện hành.

BKS đã thực hiện họp định kỳ 6 tháng cuối năm 2019 vào ngày 25 tháng 03 năm 2020, rà soát báo cáo tài chính năm 2019 và đánh giá số liệu tài chính của Công ty công bố là minh bạch, không có các sai sót trọng yếu về mặt kế toán tài chính.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng giám đốc và các Cổ đông

Trong năm 2019, BKS nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình từ phía HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.



THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

Quỹ hoạt động của HĐQT và BKS năm 2019 của SSI được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019 thông qua là 3.000.000.000 VNĐ (3 tỷ VNĐ) theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019 của Đại hội đồng Cổ đông.

Tại thời điểm 31/12/2019, SSI có 06 thành viên HĐQT trong đó Kiêm điều hành 02 người; Không điều hành 04 người. BKS có 03 thành viên không điều hành, trong đó có 01 thành viên là người nội bộ - Bà Lê Cẩm Bình - được bổ nhiệm từ ngày 20/04/2018.

Chế độ thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT/ BKS như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Không điều hành	Kiêm điều hành	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng thành tích	Hưởng phúc lợi
		Hội Đồng Quản Trị						
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch		√	√		√	√
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên		√	√		√	√
3	Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên	√		√		√	√
4	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên	√		√		√	√
5	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	√			√	√	
6	Ông Hironori Oka	Thành viên	√			√		
		Ban Kiểm Soát						
1	Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	√					√
2	Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	√					√
3	Bà Lê Cẩm Bình	Thành viên	√		√		√	√

Về chế độ tiền thưởng và phúc lợi theo kỳ của thành viên HĐQT và BKS

Các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT tham gia công việc của Công ty và thành viên BKS cũng nhận được thưởng & phúc lợi các kỳ của quỹ phúc lợi được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT và BKS

Hiện tại các chế độ chi phí (chế độ sử dụng ô tô của Công ty; chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác; chế độ khám sức khỏe định kỳ,…) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm điều hành, thành viên HĐQT và BKS tham gia vào các công việc của Công ty. Các thành viên HĐQT và BKS còn lại chỉ hưởng chế độ công tác phí (nếu có).

Phân bổ ESOP đối với các thành viên HĐQT và BKS

Năm 2019 SSI tiếp tục thực hiện chương trình Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy những cán bộ nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT và BKS đã thực hiện mua số lương ESOP như sau:

Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP đăng ký mua
Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	2.017.500
Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	700.000
Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	40.000
Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	40.000
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000
Nguyễn Văn Khải	Thành viên BKS	30.000
Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	15.000
Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS kiêm Giám đốc Kiểm toán Nội bộ	70.000
	TỔNG	**3.112.500**

Tổng thu nhập của các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc trong năm là 13.126.800.000 VNĐ.



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI SSI

Năm 2019, TTCK tiếp tục bị ảnh hưởng bởi các yếu tố biến động từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, dẫn tới thanh khoản thị trường có sự giảm sút đang kể. Bên cạnh đó là rủi ro xảy ra với một số cổ phiếu mất thanh khoản, và dư bán giá sàn nhiều phiên. Tuy nhiên, với đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm cùng chiến lược quản trị rủi ro (QTRR) cẩn trọng nhưng linh hoạt để nắm bắt thời cơ, sát sao kịp thời ứng phó với các khó khăn bất ngờ, năm 2019 tiếp tục là một năm tại SSI rủi ro tiếp tục được hạn chế ở mức thấp nhất, luôn nằm dưới hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt.

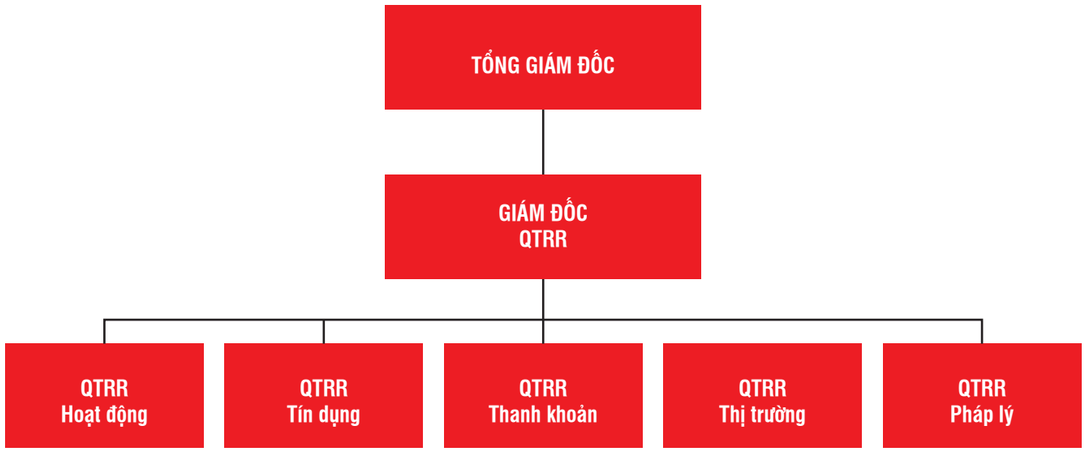
Trong năm 2019, hệ thống chính sách, quy trình về QTRR tiếp tục được hoàn thiện và cập nhật nhằm đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro phù hợp với thực tế kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quản trị rủi ro, các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro đã được tiến hành phổ biến rộng rãi đến toàn bộ nhân viên trong công ty.

Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT có nhiệm vụ xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng Bộ phận Nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR đến từng nhân viên theo định hướng tất cả các nhân viên đều tham gia và đóng góp cho hoạt động QTRR;
- Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức;
- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép;
- Ban hành các tài liệu khuôn khổ chính sách và phương pháp xác định nhằm giúp xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu.

Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các Bộ phận Kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát định kỳ thường xuyên từ các bộ phận Kiểm soát Nội bộ và Kiểm toán Nội bộ.

Bộ phận QTRR được tổ chức chi tiết theo từng loại rủi ro nhằm đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao.



Hoạt động QTRR được tiến hành cụ thể theo tiến trình 5 bước như sau:

1. Nhận diện rủi ro

Các rủi ro được xác định dựa trên những yếu tố chỉ báo hoặc những khu vực tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Dữ liệu đầu vào để xác định rủi ro như sau:

- Cơ sở dữ liệu về các rủi ro trong kinh doanh đã xảy ra, đã được nhận diện, và các rủi ro đã được báo cáo, phát hiện dựa trên các hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập. Dựa trên các dữ liệu này, SSI có thể đánh giá và dự đoán các rủi ro có khuynh hướng/ khả năng xảy ra trong tương lai;
- Dựa trên việc phân tích dữ liệu quá khứ về các rủi ro đã xảy ra và xu hướng rủi ro xảy ra để xác định những nơi có khả năng phát sinh rủi ro cao. Việc này góp phần nâng cao khả năng QTRR dựa trên tính kế thừa từ những kinh nghiệm và những bài học trong quá khứ;
- Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành cũng như việc phát triển các sản phẩm mới, các hoạt động kinh doanh mới hoặc trong trường hợp tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh;
- Những khuyến cáo, nhận xét của Cơ quan Quản lý Nhà nước, Kiểm toán Độc lập, Kiểm toán Nội bộ, Kiểm soát Nội bộ;
- Những thay đổi trong môi trường kinh doanh và chính sách pháp luật;
- Các yếu tố từ bên ngoài tác động đến kinh tế, và/hoặc chính trị, và/hoặc xã hội, và/hoặc thị trường tài chính Việt Nam như chiến tranh thương mại, dịch bệnh, biến động địa chính trị thế giới, v.v…

2. Đo lường và đánh giá rủi ro

SSI sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng để đo lường phù hợp cho từng loại rủi ro cụ thể.

Các mô hình định lượng được ưu tiên sử dụng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được các giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro hoạt động, giá trị rủi ro thanh khoản, và các giá trị rủi ro khác. Các giá trị rủi ro này được định lượng bằng một con số cụ thể hay một tỷ lệ % cụ thể. Một số mô hình tiêu biểu SSI sử dụng để đo lường rủi ro như sau:

- Các mô hình chuẩn quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính;
- Mô hình định lượng VaR (Value-at-Risk) được sử dụng để tính toán mức độ biến động tối đa cho một cổ phiếu, danh mục đầu tư trong một khoảng thời gian xác định, hoặc xác định độ biến động của chỉ số phái sinh với một độ tin cậy và một khoảng thời gian xác định trước;
- Mô hình stress testing được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra cho công ty theo các kịch bản xác định trước, để từ đó Công ty có các biện pháp hạn chế tổn thất xảy ra nếu cần;
- Mô hình chấm điểm cơ bản, và định lượng cổ phiếu dựa trên dữ liệu quá khứ về biến động giá cổ phiếu, biến động thanh khoản của cổ phiếu;
- Mô hình thẩm định và xếp hạng ngân hàng để từ đó xây dựng hạn mức tiền gửi cho từng ngân hàng.

3. Xác định hạn mức rủi ro

Nhằm đảm bảo rủi ro được giới hạn ở mức thấp nhất cũng như để nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát rủi ro, SSI đã xây dựng bộ chỉ báo rủi ro cùng hạn mức cho các rủi ro trọng yếu.

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng.

Hạn mức cho từng loại rủi ro được xác định dựa trên:

- Dữ liệu và các sự kiện lịch sử liên quan đến các rủi ro được giám sát;
- Khẩu vị rủi ro và mong muốn của HĐQT;
- Tình hình thực tế vận hành của các Khối Kinh doanh và Khối Nghiệp vụ liên quan dựa trên ý kiến của các Trưởng Bộ phận.

Giám đốc QTRR đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng Khối Kinh doanh, Khối nghiệp vụ lên Tổng giám đốc phê duyệt.

Tổng giám đốc đề xuất tổng hạn mức rủi ro cùng với hạn mức rủi ro của từng Khối kinh doanh, Khối nghiệp vụ lên HĐQT phê duyệt.

4. Giám sát rủi ro

Công tác giám sát rủi ro được thực hiện hàng ngày, chủ yếu thông qua các chỉ báo rủi ro và hạn mức của các chỉ báo. Một số hạn mức rủi ro được cài đặt và giới hạn một cách tự động trên hệ thống, một số hạn mức khác dựa trên các báo cáo QTRR hàng ngày theo biểu mẫu định trước, hoặc cả hai.

Công tác giám sát và phòng ngừa rủi ro được thực hiện đầu tiên bởi chính các Khối Nghiệp vụ, Khối Kinh doanh - nơi trực tiếp phát sinh rủi ro, bên cạnh đó có sự hướng dẫn, giám sát của các bộ phận độc lập như QTRR, Kiểm soát Nội bộ và cuối cùng là Kiểm toán Nội bộ.

Khi các trạng thái rủi ro tiệm cận với các ngưỡng cảnh báo rủi ro, Bộ phận QTRR sẽ đưa ra cảnh báo và yêu cầu các biện pháp xử lý cụ thể từ các bộ phận nghiệp vụ phát sinh rủi ro, bên cạnh đó phối hợp với bộ phận phát sinh rủi ro để đưa kế hoạch hành động nhằm đưa trạng thái rủi ro về lại ngưỡng an toàn.

5. Xử lý rủi ro

Hoạt động xử lý rủi ro dựa trên việc xem xét và đánh giá các yếu tố như mức độ nghiêm trọng của rủi ro cần xử lý, tần suất xảy ra rủi ro, chi phí để giảm thiểu rủi ro, đặc tính của rủi ro v.v…

Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

- *Chấp nhận rủi ro:* Khi chi phí để xử lý rủi ro lớn hơn rất nhiều so với tổn thất có thể xảy ra từ rủi ro này thì sẽ không tiến hành xử lý rủi ro.
- *Tránh rủi ro:* Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể dẫn tới phát sinh rủi ro mà HĐQT có hạn mức chấp nhận rủi ro bằng không hoặc rất thấp, hoặc nếu rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh và hoạt động của Công ty.
- *Giảm thiểu rủi ro:* Áp dụng các biện pháp nhằm giảm tác động của rủi ro đến Công ty, hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai.
- *Chia sẻ rủi ro:* Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác như tiến hành mua bảo hiểm (nếu có dịch vụ tương ứng) cho các hoạt động kinh doanh.
- *Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro* để kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro gia tăng, từ đó có các biện pháp xử lý rủi ro kịp thời.

Quy trình xử lý rủi ro tổng quát:

- Tìm hiểu nguyên nhân làm tăng trạng thái rủi ro, nguyên nhân gây ra sự kiện rủi ro.
- Lựa chọn và xây dựng kế hoạch xử lý, trong đó xác định rõ đơn vị có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, kết quả mong muốn, hoạch định và xem xét nguồn lực cũng như thủ tục thực hiện.
- Thực hiện xử lý rủi ro theo kế hoạch đã lựa chọn.
- Xem xét cập nhật những chính sách và quy trình liên quan để không xảy ra sự cố tương tự.
- Điều chỉnh những hạn mức liên quan (nếu cần) để phù hợp với thực tế.

Trong quá trình hoạt động, các loại rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh, tài chính, vận hành và danh tiếng của SSI là: Rủi ro Thị trường, Rủi ro Tín dụng, Rủi ro Thanh khoản, Rủi ro Pháp lý, Rủi ro Hệ thống Công nghệ thông tin, Rủi ro Thương hiệu, Rủi ro Quản trị Nguồn nhân lực. Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, không sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên nên rủi ro về môi trường đối với Công ty là không đáng kể.

Chi tiết mỗi loại rủi ro trọng yếu cùng cách thức kiểm soát và kết quả năm 2019 sẽ được trình bày dưới đây

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hoạt động kinh doanh chính của SSI có tiềm ẩn rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh.

Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, những biến động về địa chính trị như tình hình bất ổn trên Biển Đông, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới việc giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro này, SSI đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.



Nghiệp vụ đầu tư tiền gửi/ chứng chỉ tiền gửi/ kỳ phiếu/ trái phiếu/ cho vay ký quỹ

Với vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2019 hơn 9.400 tỷ VNĐ, tổng tài sản trên 27.000 tỷ VNĐ, trạng thái tiền mặt trung bình 2.791 tỷ VNĐ; dòng tiền ra vào, tăng giảm do hoạt động thanh toán, vay/trả của khách hàng và giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên hàng ngày không giới hạn trong một khung thời gian nào. Điều này dẫn tới việc SSI phải cân đối nguồn vốn và lãi suất nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và phù hợp với dự đoán về xu thế lãi suất. Biến động lãi suất trong năm 2019 không lớn nhưng Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI vẫn tối ưu hóa được hoạt động kinh doanh lãi suất, đóng góp nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty mà vẫn bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Nhằm dự đoán trước các rủi ro biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện các đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, rủi ro hệ thống của thị trường, các thay đổi trong quy định pháp lý, chính sách của chính phủ liên quan tới từng nhóm ngành cụ thể, các vấn đề địa chính trị, các vấn đề về kinh tế và thương mại thế giới, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh có thể ảnh hưởng tới thị trường hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể một cách định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra các sự kiện, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của doanh nghiệp, của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế. Các biến động và/hoặc tác động ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của công ty chứng khoán.

Trong năm 2019, SSI đã tận dụng tốt các cơ hội của thị trường để thoái vốn các khoản đầu tư đạt lợi nhuận kỳ vọng, bên cạnh đó đầu tư vào những công ty thuộc những ngành cơ bản và thiết yếu của nền kinh tế, có tiềm năng phát triển ổn định. Ngoài ra, hoạt động quản lý các khoản đầu tư sau giải ngân cũng được thực hiện một cách chặt chẽ và sâu sát, điển hình là việc phân công nhân viên chuyên trách cho từng nhóm doanh nghiệp, thực hiện việc thăm doanh nghiệp thường xuyên, trực tiếp làm việc với lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp nhằm hiểu rõ tầm nhìn, chiến lược, và kế hoạch hoạt động của những doanh nghiệp này. Đặc biệt, SSI sẽ cử đại diện tham gia vào các vị trí HĐQT và/hoặc BKS và/hoặc Ban Lãnh đạo tại doanh nghiệp mà SSI có tỷ lệ sở hữu đủ lớn. Nhờ vậy, Công ty có thể đồng hành cùng doanh nghiệp trong mọi hoạt động, và cũng nhằm mục đích quản lý tốt hơn các trạng thái đầu tư của Công ty.

Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

Năm 2019 thị trường vẫn chịu các tác động tiêu cực từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, tuy nhiên không có các biến động lớn bất ngờ. Mặc dù vậy, SSI luôn thận trọng tiến hành giám sát chặt chẽ mọi diễn biến thị trường để có những hành động điều chỉnh phù hợp (nếu cần), từ đó giúp hạn chế rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ rủi ro thị trường liên quan đến sản phẩm phái sinh.

Trong năm 2019 không phát sinh trường hợp nào khách hàng giao dịch chứng khoán phái sinh mất khả năng thanh toán do biến động thị trường gây rủi ro cho Công ty.



Nghiệp vụ phát hành chứng quyền có bảo đảm

Vào tháng 6 năm 2019, sản phẩm chứng quyền có bảo đảm (CW) đã chính thức được cho phép đưa vào kinh doanh, và SSI là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được cấp phép và phát hành chứng quyền có bảo đảm. Để giảm thiểu rủi ro cho SSI do biến động giá cổ phiếu cơ sở, SSI đã tiến hành đầy đủ các yêu cầu về phòng ngừa rủi ro; bên cạnh đó có những phân tích, đánh giá để giảm thiểu chi phí giao dịch phòng ngừa rủi ro với từng cổ phiếu cơ sở cụ thể.

Hoạt động phòng ngừa rủi ro được thực hiện hàng ngày bởi Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận QTRR, cũng như được báo cáo hàng ngày cho HOSE.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư tiền của Công ty thông qua các kênh tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và đầu tư trái phiếu. Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với SSI khi đến hạn.

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn. Chính vì vậy, SSI vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các Tổ chức Tài chính dựa trên việc đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm của họ, cùng với việc đánh giá lại được thực hiện một cách định kỳ. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi Tổ chức Tài chính sẽ được áp dụng hạn mức giao dịch khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn. Đồng thời, SSI cũng triển khai cơ chế xây dựng hạn mức vay thấu chi với nhiều ngân hàng để duy trì song song với hoạt động tiền gửi, vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản, vừa linh hoạt hóa sử dụng vốn, vừa phòng tránh rủi ro tín dụng do các hợp đồng tiền gửi luôn luôn có cơ chế rút thấu chi linh hoạt. Trong suốt 19 năm hoạt động, SSI không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Thành tựu này đã thể hiện hiệu quả QTRR tín dụng rất cao của Công ty.

Cho vay ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu mà được SSI cũng như UBCK chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi SSI không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau:

- Lập danh mục cho vay thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu;
- Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi cổ phiếu xuất hiện thông tin xấu;
- Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ:
  - tổng hạn mức cho vay ký quỹ,
  - hạn mức tối đa trên 1 khách hàng,
  - hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu,
  - tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn,
  - tỷ lệ cảnh báo ngưỡng ép bán thu hồi nợ, v.v…
- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Ví dụ: dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch, v.v...
- Chấm điểm và đánh giá khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ phải đảm bảo các tiêu chí theo các nguyên tắc do SSI quy định, ràng buộc trách nhiệm của môi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ vay, v.v...
- Không chạy đua tăng trưởng thị phần, tăng trưởng dư nợ bằng việc mở rộng quá linh hoạt với dịch vụ cho vay ký quỹ.

Trong năm 2019, rủi ro đã xảy ra với một số mã cổ phiếu cụ thể khi cổ phiếu bị giảm sàn liên tục và mất thanh khoản. Bên cạnh đó, trong năm 2019 thanh khoản thị trường đã có sự suy giảm đáng kể so với năm 2018, cụ thể giá trị giao dịch trung bình ngày tại hai Sở HOSE và HNX đã giảm lần lượt khoảng 26% và 48% so với năm 2018. SSI duy trì chiến lược đa dạng hóa danh mục khách hàng cho vay giao dịch ký quỹ, tăng cường cho vay các cổ phiếu tốt đầu ngành và có thanh khoản cao, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ ở nhóm cao nhất trên thị trường, trung bình một ngày cho năm 2019 của SSI là 5.613 tỷ VNĐ/ngày (mức trung bình năm 2019 là 5.633 tỷ VNĐ/ngày); tuy nhiên, rủi ro đã được quản lý tốt, không phát sinh nợ xấu trong năm 2019.

Hoạt động đầu tư trái phiếu

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro Tổ chức Phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc Tổ chức Phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. SSI thẩm định rất kĩ càng, chỉ đầu tư trái phiếu của các Tổ chức Phát hành uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại SSI.

Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, lên tới trên 166 nghìn tài khoản giao dịch trên thị trường cơ sở năm 2019, rải rác tại các Chi nhánh của SSI tại các thành phố khác nhau đi liền với hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, SSI phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Nhằm phục vụ khách hàng được linh hoạt, SSI đã kết nối với hàng chục ngân hàng để quản lý số dư tiền gửi nhà đầu tư bình quân hơn 2.824 tỷ VNĐ trong sự an toàn tuyệt đối.

Năm 2019, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ bình quân giữ ở mức ổn định tương đương với năm 2018; tuy nhiên, các hoạt động đầu tư kinh doanh nguồn vốn được đẩy mạnh, đòi hỏi sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi Nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. SSI cũng là Công ty có trạng thái đầu tư chứng khoán lớn nhất thị trường, do đó việc quản lý các khoản đầu tư chiến lược có thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả. Năm 2019 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của SSI về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn luôn duy trì ở mức cao hợp lý từ 301% đến 343%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ theo quy định của UBCKNN là 180%.



Tỷ lệ vốn khả dụng năm 2019

Tháng	Tỷ lệ vốn khả dụng
1	318%
2	327%
3	332%
4	343%
5	323%
6	308%
7	318%
8	342%
9	342%
10	314%
11	301%
12	318%

Nguồn: SSI

Thành tựu này được duy trì nhờ một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng QTRR thanh khoản một cách đặc biệt và có sự phối hợp chặt chẽ đồng bộ giữa các Khối tại SSI. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin.

	Báo cáo	Tần suất
Kế Toán	Báo cáo số dư tiền các tài khoản Ngân hàng	Hàng ngày
	Báo cáo số dư tiền Nhà đầu tư tại SSI	Hàng ngày
	Báo cáo số tiền dự chi/dự thu	Hàng ngày
Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính	Báo cáo dòng tiền đầu ngày	Hàng ngày
	Báo cáo kế hoạch dòng tiền	Hàng tháng, khi có phát sinh hoặc đề nghị/ Hàng ngày
Dịch Vụ Chứng Khoán	Báo cáo tình hình ứng trước tiền bán chứng khoán của Khách hàng	Hàng ngày
	Báo cáo thanh toán cổ tức	Khi có phát sinh
	Báo cáo thanh toán bù trừ phái sinh	Hàng ngày
	Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ	Hàng ngày và khi có phát sinh
	Báo cáo chuyển/rút/nộp/báo có số tiền lớn của Nhà đầu tư	Khi có phát sinh
	Báo cáo thanh toán bù trừ	Hàng ngày
	Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua	Khi có phát sinh
	Báo cáo nguồn cho vay ký quỹ còn lại	Hàng ngày
Quản Trị Rủi Ro	Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng	Hàng tháng
	Báo cáo tình hình dự trữ thanh khoản	Hàng ngày/ Hàng tháng
	Báo cáo các tỷ lệ tài chính thanh khoản (hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán bằng tiền v.v…)	Hàng tháng

RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ là rủi ro mà bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải đối mặt, đặc biệt trong giai đoạn phát triển và hội nhập toàn cầu như hiện nay, khi mà các doanh nghiệp không chỉ đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật trong nước mà còn phải đáp ứng các yêu cầu, quy định từ quốc gia mà Việt Nam có mối quan hệ hợp tác.

Rủi ro tuân thủ là rủi ro mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp Công ty, nhân viên của Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty, vi phạm các Quy định nội bộ, Quy trình nghiệp vụ, Quy chế, kể cả các Quy định về đạo đức nghề nghiệp. Việc không tuân thủ có thể dẫn đến Công ty phải chịu các rủi ro khác liên quan về mặt pháp lý, tài chính, ảnh hưởng danh tiếng và hoạt động kinh doanh.

Để phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ Công ty đã và đang thực hiện các giải pháp sau đây:

- Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và phát hiện sớm các sai phạm có thể xảy ra;
- Xây dựng các quy trình trên tinh thần phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động. Bên cạnh đó, các quy trình nội bộ cũng thường xuyên được kiểm tra, rà soát để đảm bảo cập nhật theo các quy định mới của pháp luật;
- Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên bằng cách tăng cường đào tạo về tuân thủ, xây dựng phần mềm đào tạo tuân thủ để đảm bảo tất cả nhân viên có thể tham gia, nhanh chóng tiếp cận với các quy định pháp luật, chính sách nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng mở rộng các kênh tuyên truyền, bao gồm cả trực tiếp, bảng tin, hệ thống nội bộ, để nhân viên hiểu về trách nhiệm và chủ động tuân thủ. Công tác đào tạo thực hiện bao gồm đào tạo bên ngoài, tham gia các hội thảo, và đào tạo nội bộ. Trong đó, nội dung đào tạo nội bộ được mở rộng từ các chủ đề tổng quan, điển hình như đào tạo quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, phòng chống rửa tiền, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm hành chính, hình sự liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và TTCK, cũng như đào tạo về các quy trình, quy chế, hướng dẫn nghiệp vụ, các lĩnh vực chuyên môn thuế, kế toán v.v…;
- Duy trì và phát triển chặt chẽ hệ thống ba tuyến phòng thủ, trong đó đảm bảo công tác kiểm soát được thực hiện từ khâu đầu vào, các phòng nghiệp vụ, có sự đánh giá, phân tích của bộ phận QTRR nhằm khoanh vùng, phân loại những rủi ro tuân thủ, và kiểm soát sau của Bộ phận Kiểm soát Nội bộ và Kiểm toán Nội bộ;
- Phát triển các hệ thống công nghệ, phần mềm để tự động hóa việc kiểm soát tuân thủ, chức năng cảnh báo và cung cấp các báo cáo phục vụ cho công tác quản lý;
- Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Hàng năm, dựa vào các dữ kiện, đánh giá rủi ro, mục tiêu của các bộ phận, Bộ phận Kiểm soát Nội bộ của Công ty sẽ lên chương trình kiểm soát để đảm bảo việc kiểm soát được triển khai toàn diện, khách quan và hạn chế được rủi ro. Năm 2019, SSI đã thực hiện 34 đợt kiểm soát độc lập tại các bộ phận nhằm mục tiêu kiểm tra việc tuân thủ quy trình, quy chế nội bộ, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan để đưa ra sự đảm bảo hợp lý về sự tuân thủ tại tất cả các bộ phận của Công ty; đồng thời, tư vấn cho các bộ phận chỉnh sửa quy trình làm việc nhằm đảm bảo ngăn ngừa cũng như phát hiện kịp thời các rủi ro tiềm ẩn. Đặc biệt, năm 2019, Kiểm soát Nội bộ SSI tập trung hơn vào việc trao đổi với các cấp quản lý nhằm đưa ra giải pháp xử lý các rủi ro, sai sót phát sinh một cách triệt để. Kết quả kiểm soát được báo cáo cho Tổng giám đốc, Giám đốc các Khối phụ trách và Phòng Luật của Công ty để kịp thời xử lý vi phạm, cập nhật, chỉnh sửa quy trình nghiệp vụ. Ngoài ra nhằm nâng cao ý thức tuân thủ, các nội dung về hệ thống kiểm soát nội bộ cũng định kỳ được đưa vào chương trình đào tạo.

Bộ phận Kiểm toán Nội bộ (KTNB) hoạt động độc lập, khách quan. KTNB SSI thực hiện rà soát định kỳ hàng tháng đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và kiểm toán hàng quý đối với báo cáo tài chính của Công ty, đảm bảo các báo cáo có nội dung, thông tin trung thực, tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật. Ngoài ra KTNB còn thực hiện rà soát các nội dung liên quan thuế, tài chính, phòng chống rửa tiền. Việc KTNB được thực hiện bằng các hình thức kiểm toán thực tế, thực hiện bảng câu hỏi qua email và phỏng vấn điện thoại nhằm đáp ứng sự giám sát liên tục và kịp thời. Từ các kết quả kiểm toán, Bộ phận KTNB đã đưa ra các tư vấn, đề xuất giải pháp nhằm cải thiện hoạt động, tăng hiệu quả quản trị rủi ro tuân thủ của Công ty.

Một số rủi ro tuân thủ đã được Công ty nhận diện và xây dựng biện pháp kiểm soát trong năm 2019 và tiếp tục thực hiện trong năm 2020 như sau:

Rủi ro tiềm tàng và biện pháp kiểm soát rủi ro tuân thủ

STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
1	Thay đổi của chính sách pháp luật đối với hoạt động của Công ty, điển hình là Luật chứng khoán 54/2019/QH14, Bộ luật lao động 45/2019/QH14, Luật doanh nghiệp 2014, Luật đầu tư 2014 đang được dự thảo thay thế	So sánh, đối chiếu các quy định pháp luật có sự thay đổi để cập nhật đến các bộ phận; đánh giá ảnh hưởng của các quy định đến hoạt động của các bộ phận; Thực hiện rà soát các quy trình, quy chế nội bộ để có những sửa đổi phù hợp.
2	Sự mâu thuẫn hoặc chưa cụ thể của các quy định	Tổng hợp các quy định của pháp luật, quy định nội bộ có sự mâu thuẫn, hoặc không được hướng dẫn rõ ràng, cụ thể phát sinh trong hoạt động của các phòng ban nghiệp vụ; Triển khai các quy định trên tinh thần chặt chẽ, vì lợi ích khách hàng và đảm bảo an toàn cho hoạt động Công ty, nhân viên Công ty; Đề nghị sự hướng dẫn từ các cơ quan có thẩm quyền, sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo.
3	Rủi ro trong quản lý hoạt động cho vay, các cam kết, thỏa thuận, phát sinh cạnh tranh không lành mạnh nguyên nhân xuất phát từ thay đổi của môi trường kinh doanh, đầu tư nước ngoài, dịch bệnh, thị trường chứng khoán điều chỉnh	Thực hiện đầy đủ các cam kết, hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết; thương lượng với đối tác/khách hàng để giải quyết các phát sinh trên tinh thần hợp tác và mối quan hệ kinh doanh lâu dài, cùng có lợi; Tuân thủ các chính sách liên quan đến phí, nghiệp vụ cho vay đối với khách hàng, quản lý chặt hoạt động cho vay.
4	Xung đột lợi ích giữa Công ty - Đối tác/Khách hàng - Nhân viên	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Xây dựng và áp dụng các chính sách để hạn chế xung đột lợi ích như chính sách phòng chống tham nhũng, chính sách giải quyết khiếu nại; Giám sát tài khoản, giao dịch của nhân viên và người thân.
5	Một số hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp như lạm dụng tài khoản của khách hàng, nhận đề nghị quản lý tài khoản khách hàng khi chưa được ủy thác đầu tư	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Phân quyền truy cập thông tin khách hàng; Thiết kế quy trình quản lý tài khoản có sự kiểm tra chéo; Khuyến khích khách hàng giao dịch qua internet, quản lý và bảo mật thông tin tài khoản giao dịch; Thông báo kịp thời thay đổi số dư tài khoản cho khách hàng qua tin nhắn, email; Kiểm soát nghiệp vụ từ trung tâm; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp; Luân chuyển các vị trí kiểm soát, phê duyệt.

STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
6	Vi phạm quy định về phòng chống rửa tiền, đặc biệt là nhận biết khách hàng	Ban hành quy định về phòng chống rửa tiền, và hướng dẫn, phối hợp thực hiện công tác phòng chống rửa tiền giữa các phòng ban có liên quan; Đào tạo cho nhân viên nâng cao nhận thức về phòng, chống rửa tiền; Từ chối khách hàng không cung cấp thông tin nhận biết theo quy định của pháp luật; Chủ động phân loại độ rủi ro của khách hàng trong phòng, chống rửa tiền; Thực hiện đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố của Công ty để có những khuyến nghị, thay đổi phù hợp.
7	Nhân viên vi phạm quy trình nghiệp vụ	Đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên mới, đào tạo định kỳ bắt buộc cho tất cả nhân viên; Bắt buộc thiết lập bước kiểm soát phê duyệt trong các quy trình xử lý công việc; Rà soát, cập nhật quy trình thường xuyên và khi phát hiện các vi phạm để hoàn thiện quy trình, giảm thiểu rủi ro; Tăng tần suất kiểm soát nội bộ đối với các bộ phận được đánh giá là có khả năng xảy ra rủi ro.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban, đưa ra các giải pháp đồng bộ, cũng như tăng tần suất kiểm soát đã góp phần nâng cao ý thức tuân thủ, hạn chế vi phạm, và năm 2019 không phát sinh sai sót trọng yếu.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là rủi ro xảy ra cho Công ty xuất phát từ các nguyên nhân nội tại do ý thức tuân thủ pháp luật, kiến thức pháp luật, cách áp dụng luật của mỗi nhân viên và nguyên nhân từ bên ngoài do sự thay đổi các quy định pháp luật, sự kiện bất khả kháng trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty. Đây là một rủi ro rất khó đo lường, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín Công ty. Các rủi ro pháp lý mà mỗi công ty thường gặp chủ yếu liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.

HĐQT và Ban Lãnh đạo SSI đặc biệt coi trọng vấn đề này nên không chấp nhận bất cứ rủi ro pháp lý nào do việc cố tình vi phạm các quy định pháp lý gây ra. Vì vậy, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý phát sinh như:

- Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các cấp lãnh đạo và phòng ban có liên quan. Mở rộng hình thức phổ biến qua các kênh gửi thư, hệ thống nội bộ, đào tạo nội bộ. Các quy định được cập nhật không chỉ liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, mà bao gồm các các lĩnh vực khác có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty như các quy định chung về doanh nghiệp, thương mại, dân sự, cũng như các lĩnh vực chuyên môn kế toán, thuế, lao động v.v… Bộ phận Luật sẽ hỗ trợ các phòng ban trả lời các thắc mắc hoặc xin ý kiến từ các cơ quan có thẩm quyền, nhằm đảm bảo các quy định của pháp luật được hiểu và thực hiện đúng;
- Xây dựng quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa các công việc pháp lý thành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, biên soạn các hợp đồng, văn bản mẫu đối với các dịch vụ thường xuyên cung cấp, cũng như các điều khoản mẫu bắt buộc tại các hợp đồng, thỏa thuận để việc sử dụng đáp ứng các chuẩn mực của Công ty; đảm bảo các quy chế, quy trình nội bộ, sản phẩm, đến các cam kết, hợp đồng… của Công ty trước khi được ban hành hoặc triển khai đều được kiểm tra và cho ý kiến từ Bộ phận Luật;
- SSI rất chú trọng việc xây dựng hệ thống, phòng ban chuyên môn về luật. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSI tổ chức Bộ phận Luật với các Luật sư có chứng chỉ hành nghề cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết;

- Luật chứng khoán mới đã được ban hành năm 2019 và có hiệu lực từ 2021. Trong thời gian tới sẽ có nhiều dự thảo sửa đổi, bổ sung các luật liên quan, nghị định, thông tư để hướng dẫn các quy định mới, điều chỉnh các quy định hiện hành nhằm dần chuyển đổi và phù hợp với các quy định mới. Các quy định mới này có thể là thách thức đối với công ty nếu không hiểu đúng đắn và đầy đủ. Nhằm giảm thiểu các rủi ro pháp lý từ các quy định mới, bên cạnh việc cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành, Bộ phận Luật ưu tiên và tập trung nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật từ giai đoạn dự thảo đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Bộ phận Luật cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được toàn thể Ban Lãnh đạo, nhân viên Công ty cam kết thực hiện. Trong năm 2019, toàn thể nhân viên Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các biện pháp được đề ra, nên Công ty không phát sinh các trường hợp vi phạm các hạn mức rủi ro pháp lý.

RỦI RO HỆ THỐNG VÀ AN TOÀN THÔNG TIN

Với sự thiết lập của một nền tảng tốt dựa trên Khung Bảo mật Thông tin Doanh nghiệp (EISF) năm 2018, trong năm 2019 SSI đã mở rộng kiểm soát tới 25 chủ đề kỹ thuật số, bao gồm từ công nghệ tường lửa và mã hóa dữ liệu truyền thống, cho đến những các công nghệ phát hiện và phòng ngừa điểm cuối, bảo mật sử dụng trí tuệ nhân tạo, thông tin mối đe dọa an ninh mạng (threat intelligence), trung tâm điều hành bảo mật (SoC), Ddos, thậm chí xuống tới phân tích hành vi người sử dụng. Các chủ đề kiểm soát này trở thành nên tảng để SSI ngăn chặn, phát hiện, và giải quyết các rủi ro liên quan đến an toàn thông tin, đã cho kết quả tốt trong năm 2019. SSI không ghi nhận bất cứ thiệt hại nào về bảo mật an toàn thông tin trong năm.

Năm 2019, SSI tiếp tục nâng cấp khả năng phục hồi sau thảm họa để hỗ trợ một cách tốt nhất cho các hoạt động kinh doanh, ứng phó với bất kì một kịch bản nào trong Chính sách đảm bảo khả năng hoạt động liên tục (BCP). Công ty cũng đã mở rộng các cổng trao đổi tới đúng địa điểm để giảm thiểu độ trễ cho lệnh vào sàn cũng như tránh không có một điểm thất bại nào.

SSI hoàn toàn hiểu rằng, việc tăng cường bảo vệ hệ thống để giảm thiểu tối đa những tác động đến hoạt động kinh doanh là một nhiệm vụ liên tục, không ngừng. Công ty đã tuyển dụng những chuyên gia quản trị cơ sở dữ liệu, các kỹ sư hệ thống và mạng có chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn. SSI đã trang bị những thiết bị hiện đại để có thể chủ động kiểm soát, giám sát tất cả cơ sở, thiết bị nhằm phòng tránh các tình huống xấu có thể xảy ra. Năm 2019, Công ty điều chỉnh lại hàng ngàn thông số bên trong, hàng trăm thiết bị và ứng dụng, kết quả không có bất kỳ vấn đề lớn nào xảy ra.

Hướng tới năm 2020, Công nghệ Thông tin SSI sẽ tiếp tục theo đuổi lộ trình chuyển đổi nâng cấp hệ thống sang một môi trường tốt hơn, bao gồm nhưng không giới hạn việc phân vùng lại cơ sở hạ tầng, bổ sung kiểm soát điểm cuối, thắt chặt chính sách sử dụng thiết bị, tăng cường kiểm tra về các kiểm soát sự thay đổi, và tự động hóa nâng cấp hệ thống v.v…

Tóm lại, kiểm soát rủi ro và sự ổn định cho hệ thống là một trong những điểm mấu chốt tạo nên thành công trong hoạt động kinh doanh, vì vậy SSI sẽ tiếp tục dành nhiều nguồn lực tập trung vào các vấn đề quản trị rủi ro hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin của Công ty cũng như Khách hàng.

RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Là một trong những định chế tài chính hàng đầu, SSI hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu nhận biết, định vị sản phẩm/ dịch vụ mà đã trở thành một tài sản có giá trị đặc biệt với Công ty. Rủi ro thương hiệu chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của Khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn để nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty. Đặc biệt với SSI - doanh nghiệp kinh doanh trong ngành tài chính, chứng khoán – nơi mà sự uy tín và an toàn luôn là thước đo cho sự thành công thì việc quản trị thương hiệu là hoạt động tất yếu và vô cùng quan trọng.

Được đánh giá là mức độ rủi ro đứng thứ 2 trong Bảng khảo sát Quản lý Rủi ro Toàn cầu 2019 của AON, và xếp thứ 5 tại Châu Á, rủi ro về thương hiệu, danh tiếng còn đặc biệt được những người trả lời khảo sát trong Ngành Giáo dục, Đầu tư, Tài chính, Dược và Hóa phẩm đánh giá là nguy cơ lớn nhất mà họ phải đối mặt. Bất kể trong quá trình QTRR hay khi khủng hoảng về thương hiệu diễn ra, việc giữ thế chủ động là điều vô cùng cần thiết, mà ở đó các yếu tố quan trọng nhất như có cơ chế xử lý khủng hoảng ngay lập tức, nhận thức về tính trung thực và tính minh bạch và chủ động cũng như thể hiện trách nhiệm với xã hội là những yếu tố cần thiết hàng đầu. Là một doanh nghiệp được định giá thương hiệu lên đến 32,3 triệu USD và trong 4 năm liền từ 2016 đến 2019, là CTCK duy nhất nằm trong top 40 - 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam, SSI luôn nhận thức rõ những rủi ro có thể xảy ra cho thương hiệu của Công ty, từ đó xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển và quản lý thương hiệu một cách lâu dài với nhiều giải pháp cụ thể qua từng năm.

Trước hết là về mặt thống nhất về thông điệp và hình ảnh. SSI hiểu rằng, thương hiệu không chỉ đơn thuần là các hình ảnh, thông tin của Công ty trên các kênh truyền thông đại chúng và nội bộ, mà còn bao gồm chính các sản phẩm, dịch vụ, các tương tác dù là nhỏ nhất giữa đại diện hình ảnh SSI và Khách hàng, Vì thế, tại SSI, mỗi cá nhân, mỗi mắt xích trong tập thể lớn đều là một "đại sứ thương hiệu" để lan tỏa thương hiệu và thông điệp của mình đến Khách hàng và đại chúng. Để làm được điều này SSI luôn cố gắng để những thông điệp đều có sự thống nhất theo đúng chiến lược của Công ty, tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công", sứ mệnh "Kết nối vốn và Cơ hội đầu tư" cùng định hướng luôn xây dựng SSI là định chế tài chính minh bạch.

Thực tế cho thấy chỉ cần doanh nghiệp phải trải qua một sự kiện có liên quan đến danh tiếng của mình, điều đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến trung tâm hình ảnh, sự nhận thức của thương hiệu, và khi kết hợp với vòng tròn tin tức 24/7 của mạng xã hội sẽ đẩy các nhãn hiệu vào những hiệu ứng tiêu cực lâu dài trong cả nhận thức của xã hội và thị trường. Chính vì vậy mà SSI luôn xem việc minh bạch từ hoạt động kinh doanh đến công bố thông tin là tôn chỉ duy nhất về truyền thông để giảm thiểu tối đa rủi ro thương hiệu của mình ngay từ những ngày đầu thành lập.

Trong năm 2019, đã có đến hơn 77.000 lượt thảo luận trên mạng xã hội và trên các phương tiện truyền thông về SSI. Trong đó có hơn 618 tin/ bài liên quan đến thương hiệu SSI trên báo chí chính thống. Những con số này đã cho thấy được phần nào sự quan tâm của Khách hàng, Cổ đông và Nhà đầu tư đến với các hoạt động của SSI. Để có được niềm tin của Khách hàng, Cổ đông và Nhà đầu tư, minh bạch là điểm mấu chốt: thông tin tích cực hay tiêu cực đều được SSI xử lý thống nhất, để đưa đến những cái nhìn trung thực nhất. Khi có thông tin không chính xác về SSI được đưa ra công luận, SSI cũng luôn tuân theo tính minh bạch để xử lý: sẵn sàng đối thoại trực tiếp, đưa ra những thông tin xác thực và tin tưởng để giải quyết sự việc. Điều đó không chỉ thể hiện trách nhiệm mà còn là sự tôn trong giá trị đầu tư của các Cổ đông, Khách hàng.

Đặc biệt, SSI đã có quy trình cụ thể về việc đính chính thông tin sai lệch về SSI trên phương tiện truyền thông với quy định cụ thể mọi nhân viên SSI đều có trách nhiệm thông báo ngay khi có thông tin sai lệch. SSI cũng chú trọng trong việc đưa ra các kịch bản xử lý khủng hoảng, với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng.

Khi mà những tác động của mạng xã hội đến thương hiệu đang ngày càng mạnh mẽ, thay bằng việc thụ động ứng phó với các luồng thông tin, SSI cũng đã kết hợp với những đơn vị tư vấn hàng đầu để có thể lắng nghe được chi tiết nhất những bàn luận của Nhà đầu tư, của Khách hàng, không những chỉ về thương hiệu SSI, mà còn chung về TTCK. Các thông tin này giúp SSI luôn chủ động trong việc ứng phó với các thông tin sai lệch, và là nguồn thông tin quý giá để Công ty nhìn rõ các định hướng thông tin trên thị trường, nhằm giúp SSI tiếp tục đi tiếp con đường minh bạch hóa thị trường, là người tiên phong của thị trường.

Sự phát triển của công nghệ làm tăng cao rủi ro về danh tiếng thông qua việc con người có thể làm cho các tin tức phát tán nhanh hơn, dễ dàng, ít tốn kém hơn. Chúng ta đang sống trong một thời đại mà một cuộc khủng hoảng về thương hiệu có thể bắt nguồn chỉ bằng một bài viết của một nhân sự trong Công ty hoặc chỉ bằng một video ngắn về một sản phẩm lỗi hay từ sự không hài lòng của một khách hàng quen về trải nghiệm dịch vụ khách hàng không tốt. SSI nhận thức được rằng các sự kiện liên quan đến hình ảnh thương hiệu thường đi cùng với rất ít hoặc không có các dự báo trước, vì vậy Công ty luôn cần phải chủ động và xem quản trị rủi ro thương hiệu là một phần của chiến lược và kế hoạch QTRR để có thể đưa ra các phản hồi và kế hoạch cho những sự kiện phát sinh bất ngờ. SSI luôn chủ động tập trung xây dựng kế hoạch hoạt động rõ ràng, các quy trình, quy định, quy chế cụ thể là điều hết sức cần thiết.

Về kế hoạch truyền thông, hàng năm, SSI đều hoạch định rõ ràng để mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ. Mọi tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ phía SSI đều được lựa chọn kĩ càng, mang tính nhất quán cao. Về các quy định, quy chế, trong năm qua, SSI đã ban hành hàng loạt các văn bản khác nhau như: Quy định về báo cáo và công bố thông tin; Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin trên báo chí; Nguyên tắc quản trị sự cố truyền thông; Quy trình sử lý sự cố rò rỉ thông tin (Data leak); Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Tất cả những văn bản này góp phần không nhỏ vào việc định hướng, hướng dẫn người SSI xử lý đúng, tránh và giảm các tác động tiêu cực do sự cố thương hiệu xảy ra.

Bên cạnh việc lên được một hệ quy trình, quy chế hợp lý, việc tuyên truyền để toàn bộ thành viên nắm bắt, thấu hiểu, ghi nhớ và thực hiện theo quy định cũng được SSI triển khai song song. Thông qua hệ thống học tập trực tuyến (e-learning), SSI đã triển khai các khóa học như: Khóa học Quản trị Rủi ro & Kiểm soát Tuân thủ, bao gồm các nội dung về Đạo đức nghề nghiệp, Phòng chống rửa tiền, Phòng chống rủi ro gian lận; Khóa học đào tạo hội nhập về lịch sử hình thành, các tôn chỉ, mục đích, văn hóa của SSI; Khóa học Đào tạo thương hiệu SSI; Khóa học Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội và sắp tới cho năm 2020 là khóa đào tạo về trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực chứng khoán. Đây là tiền đề để giúp cho bản thân mỗi người SSI đều nắm vững thông tin, từ đó có cách làm việc, hành xử phù hợp nhất trong mọi trường hợp, giảm thiểu rủi ro cho Công ty và cho chính bản thân.



QUẢN TRỊ RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

SSI nhận định nhân sự là một trong những nguồn lực và tài sản quan trọng tạo ra các giá trị gia tăng, định hình sự phát triển của tổ chức. Rủi ro liên quan tới nguồn lực con người có ảnh hưởng lớn tới kết quả kinh doanh, lợi ích của doanh nghiệp.
SSI hướng tới một hệ thống quản trị rủi ro nguồn nhân lực toàn diện với các mục tiêu:

Hạng mục quản trị rủi ro	Mục tiêu hướng tới
Chiến lược nhân sự	Đảm bảo chiến lược nhân sự được kết nối với chiến lược chung của SSI và kế hoạch hành động của từng Khối, Bộ phận tạo ra giá trị cho tổ chức; Thích ứng và linh hoạt với những biến động của rủi ro hoạt động, thị trường nguồn lực; Đảm bảo hoạch định và sử dụng nguồn lực của tổ chức phù hợp, hiệu quả theo từng giai đoạn; Đảm bảo các hoạt động quản trị phát triển tổ chức dài hạn, quản trị được rủi ro trong các giai đoạn chuyển giao đội ngũ.
Chính sách của Nhà nước và Pháp luật Lao động Việt Nam	Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước liên quan tới lao động; Quản trị các rủi ro liên quan tới Người lao động khi chính sách mới của Nhà nước ban hành.
Chính sách nhân sự	Tuân thủ các mô hình quản trị rủi ro chung tại SSI, và đồng bộ với các chính sách liên quan để tạo ra hiệu quả.
Vận hành	Thiết lập các công cụ và hệ thống quản lý thông tin nhân sự hiệu quả, chính xác; Xây dựng mô hình dự phòng (back-up) ở các Bộ phận khi có rủi ro về nhân sự; Tối ưu các thủ tục nhân sự, giảm thiểu các rủi ro do thủ tục vận hành; Vận dụng đúng đắn Luật Lao động vào quản lý; Truyền thông các thông điệp quản trị đúng đắn, rõ ràng, minh bạch.
Tài chính	Hiệu quả chi phí nhân sự; Đãi ngộ đúng người, gắn đãi ngộ với thành tích và kết quả thực hiện công việc.



Các giải pháp Quản trị rủi ro nguồn nhân lực

Thiết lập hệ thống danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong hoạt động quản trị nhân sự giúp dễ dàng nhận diện, đánh giá, kiểm soát và có kịch bản xử lý - quản trị rủi ro phù hợp.

Hoạt động	Các vấn đề QTRR hướng tới
Tuyển dụng	Nhằm đảm bảo tuyển dụng đúng người, tuân thủ các nguyên tắc tuyển dụng minh bạch, trung thực, công bằng, đúng quy trình - yêu cầu và tăng tỷ lệ nhân sự đạt yêu cầu sau thời gian thử việc.
Đào tạo	Nhằm trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp Nhân viên hạn chế các sai sót, tránh vi phạm các chuẩn mực trong công việc.
Bố trí nhân sự	Nhằm đảm bảo việc tổ chức nhân sự đúng người - đúng việc, hạn chế các rủi ro phát sinh do các nhân sự không đáp ứng yêu cầu về năng lực - kỹ năng tại vị trí đảm nhiệm.
Lương, thưởng và chế độ phúc lợi	Đảm bảo các khoản mục chi trả cho Người lao động nằm trong Ngân sách đã được duyệt. Bố trí các cấp kiểm soát khi thực hiện phê duyệt các khoản chi trả nhằm mục tiêu giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng liên quan tới tính chính xác về số liệu, thông tin nhân sự, phân cấp phê duyệt và các chính sách do Luật định.
Quản lý thông tin nhân viên	Đảm bảo thông tin về Nhân viên được quản lý đầy đủ kể từ khi bắt đầu gia nhập Công ty tới khi kết thúc công việc tại SSI: Lý lịch cá nhân, quá trình làm việc, khen thưởng - kỷ luật, thành tích trong công việc v.v… nhằm cung cấp thông tin chính xác, toàn diện về Cán bộ Nhân viên đáp ứng mục tiêu quản trị của SSI và/hoặc các yêu cầu của Cơ quan Nhà nước.
An toàn lao động và chăm sóc sức khỏe	Định kỳ tổ chức khám sức khỏe, duy trì gói Bảo hiểm sức khỏe toàn diện để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động và hỗ trợ người lao động có điều kiện khám chữa bệnh tốt nhất; Tuân thủ luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đảm bảo các quyền lợi của Người lao động khi ốm đau, thai sản v.v... theo quy định của Nhà nước; Thường xuyên kiểm tra đảm bảo cung cấp môi trường và các điều kiện làm việc an toàn - chuyên nghiệp.

Thiết lập các quy trình, công cụ và bộ Chỉ số Đo lường Hiệu quả Công việc (KPIs), Cam kết Chất lượng Dịch vụ (SLAs) nhằm hướng dẫn tác nghiệp, đo lường kết quả hoạt động và nhận diện các rủi ro đối với hoạt động vận hành hàng ngày liên quan tới từng nghiệp vụ: Tuyển dụng, Đào tạo, Điều chuyển, Bổ nhiệm.

Kiểm tra tính tuân thủ của các Bộ phận trong việc thực hiện các quy chế, quy định, quy trình làm việc đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Pháp luật và Nhà nước, chính sách của SSI.

Định kỳ hoặc đột xuất (theo yêu cầu hoặc thực tế công tác quản trị) đưa ra các cảnh báo và giải pháp quản trị, giảm thiểu rủi ro tài chính, rủi ro hoạt động dựa trên danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong hoạt động quản trị nhân sự của SSI.

Xây dựng văn hóa QTRR trong doanh nghiệp thông qua các chương trình phổ biến quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định tài chính, công nghệ thông tin; các chương trình đào tạo QTRR.

Năm 2019, nhiều chính sách, văn bản pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung và ban hành liên quan tới công tác quản lý nguồn nhân lực tại các Công ty Chứng khoán. Trong đó phải nhắc tới Bộ Luật Lao động và Luật Chứng khoán 2019 sửa đổi có nhiều nội dung tác động lớn và trực tiếp tới các doanh nghiệp như: Mở rộng phạm vi và đối tượng điều chỉnh của Bộ Luật Lao động sửa đổi, lộ trình tăng tuổi nghỉ hưu hướng tới 62 tuổi đối với nam và 60 tuổi với nữ, tăng giờ làm thêm theo tháng, mở rộng quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, bổ sung nhiều hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động chứng khoán v.v...

Bên cạnh hệ thống các giải pháp quản trị rủi ro hiện có nêu trên, năm 2019, SSI chủ động và kịp thời chuẩn bị, cập nhật, xây dựng và điều chỉnh hệ thống các chính sách, văn bản, thủ tục quản trị và vận hành nhằm đáp ứng các yêu cầu mới của nhà nước và pháp luật. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các chương trình đào tạo, phổ biến kiến thức cho Cán bộ, Nhân viên thông qua kênh đào tạo trực tuyến E-learning, nhằm đảm bảo các chính sách được áp dụng triệt để, nhất quán trong toàn bộ Công ty, tại tất cả các vị trí và công việc.

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO 2020

Trong năm 2019, hệ thống QTRR SSI tiếp tục được bổ sung và cập nhật một số các chính sách, quy trình QTRR cho từng mảng rủi ro cụ thể. Bên cạnh đó, hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro cũng được nâng cao.

Trong năm 2020, hoạt động QTRR sẽ tiếp tục được nâng cao và hoàn thiện để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế cũng như thực tế kinh doanh của SSI.

Với đội ngũ nhân sự, hệ thống mạng lưới chi nhánh, cũng như số lượng khách hàng lớn và liên tục gia tăng, cùng với đó là một loạt các hệ thống phần mềm giao dịch và phần mềm hỗ trợ, dự kiến trong năm 2020 Công ty sẽ tiếp tục đối mặt với các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động, đặc biệt là từ nguyên nhân hệ thống, con người, và yếu tố bên ngoài như thiên tai, dịch bệnh.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại nhiều yếu tố rủi ro, biến động bất ngờ từ bên ngoài như từ các thảm họa tự nhiên, dịch bệnh, chiến tranh làm cho rủi ro thị trường tăng cao, và có thể dẫn tới những đợt biến động giá mạnh trên toàn thị trường, hoặc tại một số cổ phiếu hay nhóm ngành cụ thể. Từ việc rủi ro thị trường tăng cao sẽ dẫn tới rủi ro tín dụng liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, chứng khoán phái sinh, và chi phí phòng ngừa rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm cũng sẽ tăng cao.

Với quy mô tổng tài sản ở mức trên 1 tỷ USD, được phân bổ cho một số hoạt động kinh doanh khác nhau một cách linh hoạt để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, thì vẫn tiềm ẩn rủi ro thanh khoản.

Chính vì vậy, trọng tâm của năm 2020 là tiếp tục nâng cao hiệu quả của việc QTRR hoạt động, đặc biệt là xây dựng kế hoạch dự phòng trong các trường hợp xảy ra sự cố, thảm họa cùng với việc tiếp tục tiến hành các hoạt động đào tạo nâng cao văn hóa về phòng chống rủi ro cho toàn bộ nhân viên, với mục tiêu mỗi nhân viên như một nhà QTRR trong từng hoạt động của mình. Tiếp theo đó là tăng cường giám sát thị trường, đánh giá thường xuyên các rủi ro thị trường, rủi ro tập trung dư nợ liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ để có sự điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, thị trường phái sinh cũng được giám sát hàng ngày để kịp thời điều chỉnh và xử lý nếu có các yếu tố thị trường có thể gây ra mức biến động mạnh của các chỉ số phái sinh.

Bộ phận QTRR sẽ phối hợp với bộ phận đầu tư đưa ra ý kiến đánh giá và cảnh báo rủi ro cho các hoạt động đầu tư Giấy tờ có giá.

Bộ phận QTRR sẽ phối hợp với bộ phận kinh doanh chứng quyền tiến hành hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền có bảo đảm cũng như giảm thiểu chi phí phòng ngừa rủi ro.

Hoạt động QTRR thanh khoản luôn được chú trọng để đảm bảo công ty không xảy ra rủi ro thanh khoản, cũng như nguồn lực tài chính được thực hiện điều phối và sử dụng một cách hiệu quả.

Khó khăn khi thực hiện hoạt động QTRR

Để thành công trong công tác QTRR cần sự chính xác và hiệu quả trong hoạt động nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo và xử lý rủi ro. Bên cạnh đó, nhận thức của toàn bộ các cấp lãnh đạo cũng như nhân viên về tầm quan trọng của hoạt động QTRR, cùng với ý thức tham gia đóng góp vào công tác QTRR của toàn bộ nhân viên SSI cũng quan trọng không kém.

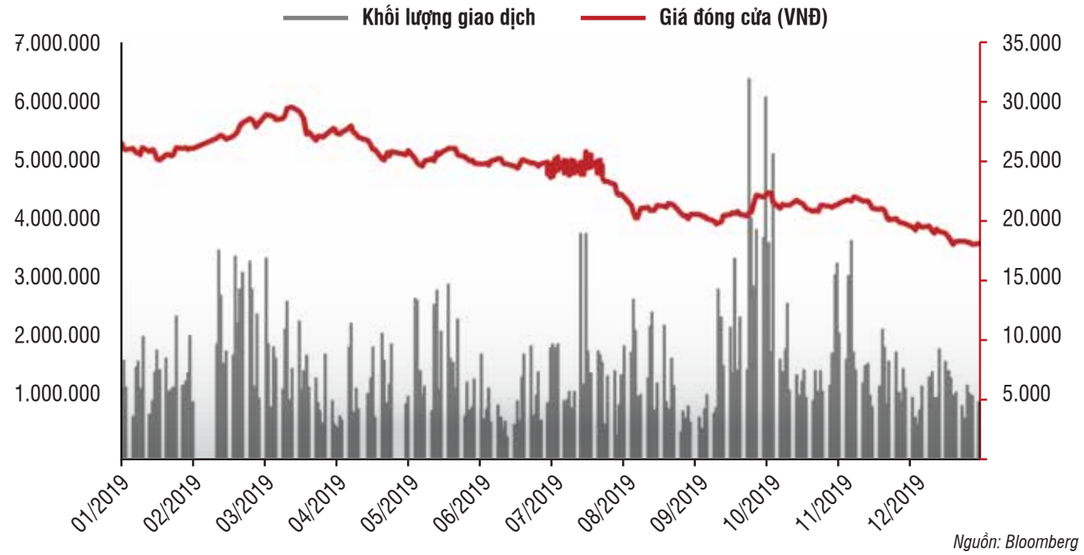
Do QTRR là một lĩnh vực đặc thù mới tại Việt Nam, và cũng là một lĩnh vực đang phát triển trên thế giới, nên còn tồn tại những vấn đề có thể có những cách nhìn đa chiều, nhanh chóng thay đổi trạng thái hoặc được cập nhật liên tục, một số mô hình đo lường rủi ro cũng còn có những điểm hạn chế, cũng như nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động QTRR của đa số người lao động còn thấp. Vì vậy, hoạt động QTRR sẽ gặp một số khó khăn như sau:

- Khi đo lường các rủi ro bằng phương pháp định lượng, chúng ta cần sử dụng các dữ liệu quá khứ. Tuy nhiên, hiện nay nguồn dữ liệu còn hạn chế (hoặc không có), nên hoạt động đo lường rủi ro bằng phương pháp định lượng gặp nhiều khó khăn, thiếu tính chính xác, hoặc có thể không thực hiện được. Bên cạnh đó, bản thân các mô hình đo lường rủi ro định lượng cũng có những hạn chế nhất định và/hoặc có nhiều cách thức đo lường khác nhau. Ví dụ như: Phương pháp VaR (value-at-risk) có thể giúp đo lường giá trị thiệt hại tối đa theo một độ tin cậy nhất định trong một khoảng thời gian cụ thể; tuy nhiên, khi rủi ro xảy nằm ngoài độ tin cậy đó thì giá trị này không xác định được và thường rất lớn. Ngoài ra, VaR cũng có nhiều cách đo lường khác nhau, tùy vào điều kiện cụ thể, vì thế đòi hỏi người sử dụng phải áp dụng phương pháp đo lường thích hợp.
- Do nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động QTRR còn thấp nên hiệu quả đóng góp cho hoạt động QTRR từ toàn bộ nhân viên chưa cao, hoạt động QTRR chủ yếu được thực hiện bởi bộ phận QTRR và một phần từ các bộ phận kinh doanh trực tiếp phát sinh rủi ro.
- Các hệ thống phần mềm hỗ trợ đo lường rủi ro hiện nay đều rất đắt tiền, thường chỉ các ngân hàng hoặc tập đoàn tài chính lớn trên thế giới mới có đủ quy mô và chi phí để sử dụng một cách hiệu quả nên vẫn tồn tại một số tính toán bán thủ công.
- Tình hình thực tế thị trường, cũng như tình hình thế giới luôn tồn tại những yếu tố bất ngờ nằm ngoài khả năng dự đoán của con người có thể gây ra các tác động tiêu cực một cách bất ngờ như thiên tai, dịch bệnh.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2019

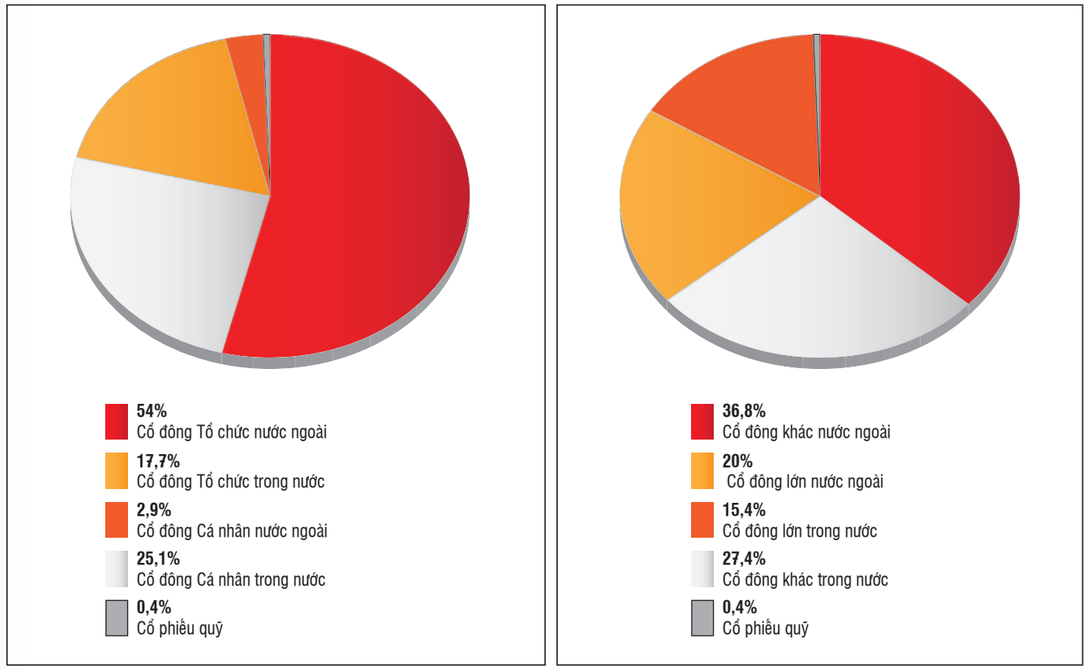
Diễn biến giá cổ phiếu SSI và khối lượng giao dịch năm 2019



Nguồn: Bloomberg

Mã chứng khoán niêm yết:	SSI
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2019):	510.063.684 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2019):	508.054.676 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2019):	2.009.008 cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2019)	18.050 VNĐ/ cổ phiếu
Chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt	10%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 VNĐ)
Ngày giao dịch không hưởng quyền	04/10/2019
Ngày đăng ký cuối cùng	07/10/2019
Ngày thực hiện thanh toán	24/10/2019
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu ESOP năm 2019	100.000.000.000 VNĐ
Ngày phát hành	15/01/2020
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ/ cổ phiếu
Giá phát hành	10.000 VNĐ/ cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Hạn chế chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng 100% trong hai năm đầu tiên và 50% trong năm thứ ba kể từ ngày phát hành
Tạm ứng cổ tức năm 2019	Không có tạm ứng cổ tức năm 2019

Cơ cấu cổ đông



(Số liệu tại ngày 25/10/2019)

Nguồn: SSI

Thông tin cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên)

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội	48.194.727	9,45%
2	Daiwa Securities Group Incorporation	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	101.978.121	19,99%
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	236/43/2 Điện Biên Phủ, P.17, Q. Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	30.454.063	5,97%
		TỔNG CỘNG	180.626.911	35,41%

(*) tỷ lệ sở hữu tính trên 510.063.684 cổ phiếu - tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty. Số liệu tại ngày 25/10/2019.

Các thông tin chi tiết về cổ đông, giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ sẽ được cung cấp tại phụ lục 01 và 02 của báo cáo này.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2019

Với mục tiêu "tối đa hóa lợi ích cổ đông", SSI luôn duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, chủ động chia sẻ thông tin, tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư. Công ty đã nhận được sự tin tưởng từ cổ đông hiện hữu, tiếp cận thêm nhiều nhà đầu tư tiềm năng trong năm, góp phần tạo nên thương hiệu SSI minh bạch tại thị trường Việt Nam và trong khu vực.

Minh bạch hóa thông tin

Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, SSI có quy trình công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời mọi vấn đề quan trọng và những vấn đề có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu cũng như quyết định của nhà đầu tư, tuân thủ chặt chẽ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư là đơn vị đầu mối tiếp nhận và phản hồi các yêu cầu, thắc mắc của Nhà đầu tư thông qua nhiều kênh như điện thoại, thư điện tử hay sắp xếp gặp mặt trực tiếp. Trong năm vừa qua, Công ty đã tổ chức hàng chục cuộc họp (trực tiếp hoặc qua điện đàm) với các chuyên gia quản lý danh mục, chuyên gia phân tích đến từ nhiều quỹ trong và ngoài nước. Các cuộc họp này đều có sự tham gia của đại diện lãnh đạo cấp cao, giúp nhà đầu tư tìm hiểu hoạt động kinh doanh hiện tại, định hướng phát triển trong tương lai của Công ty, cũng như giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, chiến lược hoạt động, v.v…

Các thông tin cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý tiếp tục được gửi tới từng Cổ đông qua email giúp Cổ đông dễ dàng tiếp cận với nguồn thông tin chính thống, có nhận định chính xác và đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn. Những bản tin này đồng thời được gửi rộng rãi tới các cơ quan thông tấn, báo chí, đảm bảo các nhà đầu tư tiềm năng cá nhân hoặc tổ chức cũng nắm bắt được thông tin cập nhật nhất.

Trang Thông tin Điện tử SSI tại địa chỉ www.ssi.com.vn với giao diện hiện đại cùng cách trình bày thông tin rõ ràng, cập nhật, là kênh truyền thông thông tin vô cùng hiệu quả, giúp Nhà đầu tư có thể dễ dàng tra cứu toàn bộ các thông tin được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu họp ĐHĐCĐ, các báo cáo, cùng các văn bản quan trọng khác như Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty v.v… từ khi thành lập Công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững được xuất bản hàng năm, cung cấp cái nhìn toàn diện về chiến lược hoạt động của Công ty, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị cũng như các hoạt động phát triển bền vững.

Bảo vệ quyền lợi cổ đông

Tại SSI, việc thực hiện các chính sách để bảo vệ quyền lợi Cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các Cổ đông luôn được công ty chú trọng hàng đầu.

Để tạo điều kiện cho Cổ đông được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư, trong những năm vừa qua SSI luôn nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website, email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo thường niên v.v... Các thông tin đều được công bố song song bằng tiếng Việt – tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử SSI, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các Cổ đông trong và ngoài nước.

Các quyền khác của Cổ đông như quyền được tham gia, bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ, bầu chọn & bãi nhiệm thành viên HĐQT, chính sách biểu quyết vắng mặt của Cổ đông đều được đảm bảo. Điều lệ & quy chế quản trị công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.

Trong những năm vừa qua, SSI luôn duy trì một mức chi trả cổ tức đều đặn 10% với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho Cổ đông.

Chủ động tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư

Năm 2019, Công ty tiếp tục đón tiếp nhiều chuyên gia phân tích, chuyên gia quản lý danh mục đầu tư từ một số quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài có trụ sở tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Hong Kong, Singapore v.v…, đến tham quan, gặp gỡ đại diện ban lãnh đạo và trao đổi, tìm hiểu về chiến lược phát triển, các nghiệp vụ kinh doanh, hoạt động đầu tư cũng như những thông tin kinh tế - tài chính chuyên sâu khác.

Bên cạnh đó, đại diện lãnh đại Công ty cũng chủ động tham dự nhiều hội thảo, gặp gỡ, chia sẻ thông tin phân tích & góc nhìn về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như giới thiệu hoạt động của Công ty tới cộng đồng nhà đầu tư nước ngoài tại một số thị trường trọng điểm.

Các sự kiện đầu tư SSI đồng tổ chức hoặc tham dự năm 2019:

Thời gian	Hội nghị/ Hội thảo	Địa điểm
Tháng 5/2019	Diễn đàn Đầu tư "Daiwa Investment Conference New York 2019"	Mỹ
Tháng 5/2019	Hội nghị Đầu tư "Citi-SSI Vietnam C-Suite Corporate Day 2019"	Việt Nam
Tháng 8/2019	Hội nghị Đầu tư "HOSE-Daiwa Vietnam Corporate Day Tokyo 2019"	Nhật Bản
Tháng 8/2019	Hội nghị Đầu tư "HOSE-Daiwa Vietnam Corporate Day Singapore 2019"	Singapore
Tháng 11/2019	Diễn đàn Đầu tư "Daiwa Investment Conference Hong Kong 2019"	Hong Kong
Tháng 11/2019	Hội nghị Đầu tư "Goldman Sachs & SSI Vietnam Corporate Day in Singapore"	Singapore



ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI SSI

SSI luôn tin rằng hoạt động quản trị doanh nghiệp tốt là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, giúp mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cổ đông.

Song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam nói chung (bao gồm Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Thông tư 95/2017/TT-BTC), các quy định áp dụng riêng đối với Công ty niêm yết, công tác quản trị của SSI được từng bước hoàn thiện theo những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới như "Thẻ điểm Quản trị Công ty Khu vực ASEAN", hay tài liệu "Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất" do UBCKNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phát hành tháng 8/2019.

Trong thời gian qua, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, SSI đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty của mình, tiệm cận dần với các chuẩn mực tốt trong khu vực. Cụ thể, có 4 khía cạnh SSI thực hiện tốt bao gồm: *Quyền của Cổ đông* (đạt 20/21 tiêu chí cấp 1), *Đối xử bình đẳng với Cổ đông* (đạt 14/15 tiêu chí cấp 1), *Vai trò với các bên liên quan* (đạt 11/13 tiêu chí cấp 1) và *Công bố thông tin minh bạch* (đạt 30/32 tiêu chí cấp 1). Sau khi Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty được ban hành, SSI đã chủ động xây dựng Quy chế về Quản trị công ty và trình ĐHĐCĐ phê duyệt, ban hành rộng rãi trong năm 2018. Quy chế này được tham chiếu các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, theo đó có quy định chi tiết về quyền của Cổ đông, đối xử bình đẳng với Cổ đông trong các hoạt động, cùng các vấn đề liên quan tới thành viên HĐQT/BKS và hoạt động của HĐQT/BKS.

Đối với khía cạnh *Trách nhiệm của HĐQT,* theo Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, có một số tiêu chí SSI đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ. Cụ thể, mô hình quản trị Công ty hiện tại chưa thành lập các tiểu ban như Tiểu ban Kiểm toán, Tiểu ban Thù Lao, Tiểu ban Nhân sự; thay vào đó là các thành viên HĐQT độc lập trực tiếp phụ trách các vấn đề như quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ. Thành viên HĐQT độc lập cũng chịu trách nhiệm lập báo cáo tháng về hoạt động của HĐQT và báo cáo giám sát kết quả hoạt động của Tổng giám đốc gửi các thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, SSI cũng có thành viên HĐQT phụ trách riêng phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường nước ngoài và quản lý thương hiệu.

Năm 2019, SSI đã thành lập Tiểu ban Chiến lược Phát triển, trực thuộc HĐQT, có chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh toàn Công ty dựa trên nghiên cứu môi trường kinh doanh, mô hình kinh doanh, sáng kiến chuyển đổi, sản phẩm mới và các phương án tối ưu hóa nguồn lực, gia tăng giá trị Công ty. SSI cũng đã có lộ trình cụ thể và kế hoạch hành động năm 2020 nhằm đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn: *thành lập tiểu ban, đánh giá thành viên HĐQT, hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.*

Về hoạt động đào tạo quản trị công ty, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài Chính, Kế toán trưởng, và Thư ký Công ty đều đã hoàn thành khóa đào tạo về Quản trị Công ty và được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Đại diện phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Công ty cũng đã hoàn tất "Chương trình chứng nhận thành viên HĐQT lần thứ 3" (DCP3) do Viện Thành viên HĐQT Việt Nam tổ chức tháng 8/2019.

VỮNG TƯƠNG LAI/ VỮNG NỘI LỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.100.636.840.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu và Nha Trang và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp, một (01) công ty con sở hữu gián tiếp và một (01) công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	Được bầu ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Hironoki Oka	Ủy viên	Được bầu ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Viết Muôn	Ủy viên	Được bầu ngày 25 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bầu/Từ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Được bầu lại ngày 23 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Cẩm Bình	Thành viên	Được bầu ngày 20 tháng 4 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc:



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60755007/21213723-HN

Kính gửi: Các cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 90, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | B01-CTCK/HN

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**22.290.867.181.933**	**22.270.357.215.928**
110	***I. Tài sản tài chính***		***22.255.950.496.752***	***22.237.874.265.510***
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.040.782.610.354	612.880.138.860
111.1	*1.1. Tiền*		*260.631.829.536*	*312.863.700.842*
111.2	*1.2. Các khoản tương đương tiền*		*780.150.780.818*	*300.016.438.018*
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	4.315.244.773.067	2.039.985.819.918
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	10.721.931.457.865	12.326.240.312.685
114	4. Các khoản cho vay	7.4	5.359.342.228.084	5.966.651.185.939
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	760.042.115.504	1.265.085.272.300
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(41.167.505.065)	(29.666.132.207)
117	7. Các khoản phải thu		350.542.969.287	301.712.370.797
117.1	*7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính*	*9*	*330.068.529.950*	*300.141.137.920*
117.2	*7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*	*9*	*20.474.439.337*	*1.571.232.877*
117.3	*7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận*		*20.474.439.337*	*1.571.232.877*
118	8. Trả trước cho người bán	9	*10.347.795.737*	*31.348.740.192*
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	43.254.069.829	31.161.533.678
122	10. Các khoản phải thu khác	9	3.903.875.134	4.513.763.962
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(308.273.893.044)	(312.038.740.614)
130	***II. Tài sản ngắn hạn khác***	**10**	***34.916.685.181***	***32.482.950.418***
131	1. Tạm ứng		8.518.495.603	3.843.488.923
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		1.265.969.684	2.959.982.619
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		20.490.357.667	21.364.723.566
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		967.194.260	856.602.610
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		3.674.667.967	3.458.152.700

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.753.247.842.980**	**1.555.269.509.433**
210	***I. Tài sản tài chính dài hạn***		***4.238.855.852.478***	***1.065.902.838.568***
212	1. Các khoản đầu tư	11	4.238.855.852.478	1.065.902.838.568
212.1	*1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*		*3.444.540.512.534*	*301.622.077.596*
212.3	*1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*		*794.315.339.944*	*764.280.760.972*
220	***II. Tài sản cố định***		***147.012.729.467***	***118.742.648.730***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	96.560.532.972	84.097.724.124
222	*1.1. Nguyên giá*		*205.908.680.507*	*175.652.952.614*
223a	*1.2. Giá trị khấu hao lũy kế*		*(109.348.147.535)*	*(91.555.228.490)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	50.452.196.495	34.644.924.606
228	*2.1. Nguyên giá*		*128.489.848.227*	*101.372.221.724*
229a	*2.2. Giá trị hao mòn lũy kế*		*(78.037.651.732)*	*(66.727.297.118)*
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***14***	***205.776.532.750***	***214.561.642.609***
231	1. Nguyên giá		278.276.169.317	278.818.031.178
232a	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(72.499.636.567)	(64.256.388.569)
240	***IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***	***15***	***29.450.054.289***	***4.923.184.107***
250	***V. Tài sản dài hạn khác***		***132.152.673.996***	***151.139.195.419***
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		28.140.461.156	23.978.605.906
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	16	37.088.043.669	40.312.468.926
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	31.924.169.171	51.848.120.587
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	18	20.000.000.000	20.000.000.000
255	5. Tài sản dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**27.044.115.024.913**	**23.825.626.725.361**

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**17.643.055.244.708**	**14.669.962.197.728**
310	***I. Nợ phải trả ngắn hạn***		***16.409.540.660.284***	***13.469.410.255.114***
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	20	15.550.226.155.457	11.193.158.753.866
312	*1.1. Vay ngắn hạn*		*15.550.226.155.457*	*11.193.158.753.866*
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	21	-	255.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	23	30.254.764.400	20.890.746.200
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	24	30.031.870.403	9.871.570.085
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.121.736.077	56.096.109.184
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25	59.461.134.912	69.950.280.972
323	7. Phải trả người lao động		27.172.101.519	42.813.281.214
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		398.826.652	60.982.952
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	26	98.991.141.743	113.892.022.048
327	10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		335.220.000	-
328	11. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.231.190.000	1.255.230.000
329	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	27	343.356.873.373	1.490.328.981.368
331	13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		262.959.645.748	216.092.297.225
340	***II. Nợ phải trả dài hạn***		***1.233.514.584.424***	***1.200.551.942.614***
345	1. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn – cấu phần nợ	22	1.105.937.946.170	1.068.320.391.534
348	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	2.415.081.980
351	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	28	51.187.159.357	51.187.159.357
352	4. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		-	255.695.000
356	5. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại phải trả	17	76.389.478.897	78.373.614.743
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**29**	**9.401.059.780.205**	**9.155.664.527.633**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***9.401.059.780.205***	***9.155.664.527.633***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.224.760.213.535	5.235.152.952.935
411.1	*1.1. Vốn góp của chủ sở hữu*		*5.100.636.840.000*	*5.100.636.840.000*
411.1a	*a. Cổ phiếu phổ thông*		*5.100.636.840.000*	*5.100.636.840.000*
411.2	*1.2. Thặng dư vốn cổ phần*		*29.470.756.034*	*29.470.756.034*
411.3	*1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – cấu phần vốn*		*113.779.095.785*	*113.779.095.785*
411.5	*1.4. Cổ phiếu quỹ*		*(19.126.478.284)*	*(8.733.738.884)*
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	41	259.495.169.033	277.801.019.026
413	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		40.382.194.252	41.038.039.125
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		477.303.674.335	412.057.165.307
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		392.796.079.651	327.549.570.623
417	6. Lợi nhuận chưa phân phối	29.1	2.941.467.041.881	2.795.105.924.402
417.1	*6.1 Lợi nhuận đã thực hiện*		*3.194.600.794.526*	*3.056.176.268.973*
417.2	*6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện*		*(253.133.752.645)*	*(261.070.344.571)*
418	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		64.855.407.518	66.959.856.215
440	**TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**27.044.115.024.913**	**23.825.626.725.361**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		3.769.847.570	-
005	Ngoại tệ các loại	30.1		
	USD		*6.838.499,50*	*6.556.662,33*
	EUR		*34.334,41*	*84.345,41*
	GBP		*37.140,64*	*37.151,64*
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	29.4	508.054.676	509.170.307
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	29.4	2.009.008	893.377
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	30.2	996.565.190.000	872.947.970.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VND)	30.3	10.480.260.000	10.482.230.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	30.4	2.370.800.000	10.135.100.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	30.5	4.689.910.260.000	913.425.310.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)		60.000	39.095.130.000
014	Chứng quyền (số lượng)		6.440.710	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư (VND)	30.6	47.970.765.433.700	42.493.662.500.000
021.1	*Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*		*40.264.432.904.400*	*34.656.128.250.000*
021.2	*Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng*		*609.448.260.000*	*548.270.620.000*
021.3	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*		*6.311.732.090.000*	*6.641.685.800.000*
021.4	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*		*457.518.280.000*	*305.694.280.000*
021.5	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*		*327.633.899.300*	*341.883.550.000*

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	30.7	382.623.990.000	376.706.850.000
022.1	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*		*330.441.990.000*	*324.305.840.000*
022.2	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng*		*52.037.000.000*	*52.256.010.000*
022.4	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ*		*145.000.000*	*145.000.000*
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	30.8	278.568.854.100	248.603.350.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	30.9	35.217.990.000	66.834.410.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	30.10	97.275.710.000	161.868.940.000
026	Tiền gửi của khách hàng		2.531.793.630.697	3.283.456.420.063
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.11	2.065.881.233.987	2.666.193.777.876
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	30.11	415.120.594.227	610.905.763.675
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	30.11	3.790.098.239	4.553.932.668
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	30.12	47.001.704.244	1.802.945.844
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.13	2.481.001.828.214	3.277.099.541.551
031.1	*Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*1.986.051.905.846*	*2.769.817.505.805*
031.2	*Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*494.949.922.368*	*507.282.035.746*
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	30.14	46.112.406.060	101.060
034	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30.15	889.298.184	1.802.844.784



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | B02-CTCK/HN

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		699.017.696.118	646.758.445.125
01.1	*1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*31.1*	*342.884.965.809*	*309.260.483.503*
01.2	*1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*		*247.811.017.254*	*249.068.059.560*
01.3	*1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*31.4*	*82.344.443.777*	*88.429.902.062*
01.4	*1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*31.3*	*25.977.269.278*	-
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	31.4	991.168.158.800	716.061.639.277
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	31.4	677.893.533.729	710.869.164.035
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	31.4	83.305.018.553	209.534.611.481
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		582.055.105.212	1.130.951.456.889
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		28.835.160.883	2.294.659.091
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		11.896.315.358	27.181.454.886
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		33.598.654.678	16.196.356.140
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		59.178.614.910	125.202.889.557
11	10. Thu nhập hoạt động khác	33	68.029.860.956	87.787.382.263
20	**Cộng doanh thu hoạt động**		**3.234.978.119.197**	**3.672.838.058.744**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		382.539.570.887	622.002.974.602
21.1	*1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*31.1*	*133.240.447.325*	*110.639.931.937*
21.2	*1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*		*232.329.833.598*	*510.162.874.917*
21.3	*1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*		*2.045.881.138*	*1.200.167.748*
21.4	*1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*31.3*	*14.923.408.826*	-
23	2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		93.932.433	974.544.960
24	3. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	32	11.501.372.858	39.672.379.770
26	4. Chi phí hoạt động tự doanh		11.147.672.149	8.175.909.551
27	5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	34	555.493.733.108	772.657.137.549
28	6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	34	15.040.853.528	644.244.526
29	7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	34	21.502.445.834	20.611.871.141
30	8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	34	27.540.046.739	22.252.011.562
31	9. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	34	17.444.386.941	52.479.927.302
32	10. Chi phí hoạt động khác	34, 35	128.703.913.660	111.558.768.564
40	**Cộng chi phí hoạt động**		**1.171.007.928.137**	**1.651.029.769.527**

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		435.548.098	3.303.149.879
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		20.355.221.628	23.823.241.348
43	3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết		-	164.457.327.326
44	4. Doanh thu khác về đầu tư		45.715.512.161	74.240.555.353
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**	**36**	**66.506.281.887**	**265.824.273.906**
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		19.611.726.414	4.697.732.904
52	2. Chi phí lãi vay		804.176.964.572	536.540.563.261
55	3. Chi phí tài chính khác		14.832.880.334	5.680.695.698
60	**Cộng chi phí tài chính**	**37**	**838.621.571.320**	**546.918.991.863**
62	**V. CHI PHÍ QUẢN LÝ**	**38**	**193.238.253.772**	**173.683.645.242**
70	**VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**1.098.616.647.855**	**1.567.029.926.018**
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác		7.067.722.985	58.417.373.996
72	Chi phí khác		160.809.383	2.233.836.059
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**	**39**	**6.906.913.602**	**56.183.537.937**
90	**VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**1.105.523.561.457**	**1.623.213.463.955**
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1.096.044.544.091	1.883.886.823.081
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		9.479.017.366	(260.673.359.126)
100	**IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**	**40**	**198.426.585.426**	**320.276.221.397**
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	40.1	178.677.854.956	319.845.580.653
100.2	(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	40.2	19.748.730.470	430.640.744
200	**X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**907.096.976.031**	**1.302.937.242.558**
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		909.201.424.728	1.304.930.180.565
202	2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ		63.212.220.608	91.345.112.639
203	3. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(2.104.448.697)	(1.992.938.007)
300	**XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**			
301	1. (Lỗ)/lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	41,42	(18.305.849.993)	(360.095.225.041)
400	**Tổng thu nhập toàn diện**		**(18.305.849.993)**	**(360.095.225.041)**
401	Thu nhập toàn diện khác phân bổ cho chủ sở hữu		(18.305.849.993)	(360.062.946.570)
402	Thu nhập toàn diện khác phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát		-	(32.278.471)
500	**XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**		**845.989.204.120**	**1.213.585.067.924**
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	43	1.663	2.428
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	44	1.658	2.417

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | B03 - CTCK/HN

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế TNDN**		**1.105.523.561.457**	**1.623.213.463.955**
02	**2. Điều chỉnh cho các khoản:**		**(678.421.272.086)**	**(988.899.808.584)**
03	Khấu hao TSCĐ		42.893.121.783	30.828.467.858
04	Các khoản dự phòng		11.018.850.000	32.917.256.564
05	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		17.056.026.742	(421.456.231)
06	Chi phí lãi vay		804.176.964.572	536.868.896.600
07	Lãi từ hoạt động đầu tư (đầu tư vào công ty con, liên kết và HTM dài hạn)		(774.694.168.490)	(763.332.907.195)
08	Dự thu tiền lãi		(778.607.342.006)	(829.220.813.597)
09	Các khoản điều chỉnh khác		(264.724.687)	3.460.747.417
10	**3. Tăng các chi phí phi tiền tệ**		**247.834.697.715**	**517.731.974.584**
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền		247.253.242.424	510.162.874.917
13	Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay		487.522.858	6.594.554.707
14	Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		93.932.433	974.544.960
18	**4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ**		**(338.723.940.585)**	**(428.680.923.541)**
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(273.788.286.532)	(249.068.059.560)
20	Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		(64.935.654.053)	(179.612.863.981)
30	**5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**336.213.046.501**	**723.364.706.414**
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(729.085.956.938)	(346.083.790.863)
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư HTM		4.229.718.616.954	(4.083.037.234.365)
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		607.308.957.855	(202.578.855.841)
34	Giảm/(tăng) tài sản tài chính AFS		78.382.883.185	(445.708.310.733)
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(32.459.239.600)	15.429.702.300
37	(Tăng)/giảm phải thu dịch vụ CTCK cung cấp		(13.207.552.407)	24.323.340.163
39	Giảm các khoản phải thu khác		7.289.774.317	20.336.239.684
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(3.197.509.012)	80.690.619.476
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		4.016.053.385	(13.942.799.723)
42	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		4.098.023.681	(15.524.532.352)
43	Thuế TNDN đã nộp		(188.842.598.770)	(363.396.519.872)
44	Lãi vay đã trả		(785.493.060.119)	(469.660.001.949)
46	Tăng phải trả cho người bán		13.783.587.876	1.701.043.929
47	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		337.843.700	52.320.600
48	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(381.456.456)	(18.161.381.502)
49	(Giảm)/tăng phải trả người lao động		(15.641.179.696)	3.690.731.953
51	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền		(1.174.336.966.748)	1.373.712.132.778
52	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		759.147.775.250	829.878.907.015
	- Tiền lãi đã thu		*758.905.743.250*	*829.611.523.015*
	- Tiền thu khác		*242.032.000*	*267.384.000*
53	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(48.988.451.366)	(53.255.868.974)
60	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**3.048.662.591.592**	**(2.938.169.551.862)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(66.733.065.297)	(57.359.665.687)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		195.590.907	207.083.032.942
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(14.361.716.475.830)	(7.310.033.500.304)
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		7.535.549.999.996	7.059.305.313.000
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		689.687.634.935	433.034.276.448
70	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**(6.203.016.315.289)**	**332.029.456.399**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	213.767.095.785
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(10.392.739.400)	(53.493.124.050)
73	Tiền vay gốc		99.271.540.327.215	85.775.993.676.758
73.2	*- Tiền vay khác*		*99.271.540.327.215*	*85.775.993.676.758*
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(95.172.222.925.624)	(82.565.001.682.361)
74.3	*- Tiền chi trả gốc vay khác*		*(95.172.222.925.624)*	*(82.565.001.682.361)*
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(506.668.467.000)	(498.231.445.000)
80	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**3.582.256.195.191**	**2.873.034.521.132**
90	**TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**427.902.471.494**	**266.894.425.669**
101	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	5	**612.880.138.860**	**345.985.713.191**
101.1	Tiền		309.402.953.426	231.375.853.648
101.2	Các khoản tương đương tiền		300.016.438.018	114.481.402.776
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.460.747.416	128.456.767
103	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**	5	**1.040.782.610.354**	**612.880.138.860**
103.1	Tiền		260.896.554.224	309.402.953.426
103.2	Các khoản tương đương tiền		780.150.780.818	300.016.438.018
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(264.724.688)	3.460.747.416

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		111.778.721.464.215	233.089.481.103.978
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(116.443.977.480.681)	(197.409.880.869.375)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		142.304.726.898.463	194.868.357.805.337
07.1	4. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD ((giảm)/tăng)		(195.785.169.452)	465.830.714.626
08	5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(136.436.782.295.947)	(231.704.962.865.131)
09	6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(24.180.754.186)	(14.784.414.818)
12	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.146.416.738.816	2.943.124.849.302
13	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(2.880.802.190.594)	(2.970.388.386.490)
20	**(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm**		**(751.662.789.366)**	**(733.222.062.571)**
30	**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**		**3.283.456.420.063**	**4.016.678.482.634**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		3.283.456.420.063	4.016.678.482.634
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.277.099.541.551	3.980.030.174.992
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		*610.905.763.675*	*145.075.049.043*
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		4.553.932.668	17.567.220.094
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.802.945.844	19.081.087.548
40	**III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)**		**2.531.793.630.697**	**3.283.456.420.063**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		2.531.793.630.697	3.283.456.420.063
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.11	2.481.001.828.214	3.277.099.541.551
	Trong đó Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		*415.120.594.227*	*610.905.763.675*
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	30.11	3.790.098.239	4.553.932.668
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	30.12	47.001.704.244	1.802.945.844

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | B04-CTCK/HN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01/01/2018	Ngày 01/01/2019	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2019
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.027.878.981.200	5.235.152.952.935	207.285.971.735	(12.000.000)	(10.392.739.400)	-	5.235.152.952.935	5.224.760.213.535
1.1. Cổ phiếu phổ thông	*29.2*	*5.000.636.840.000*	*5.100.636.840.000*	*100.000.000.000*	-	-	-	*5.100.636.840.000*	*5.100.636.840.000*
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		*29.482.756.034*	*29.470.756.034*	-	*(12.000.000)*	-	-	*29.470.756.034*	*29.470.756.034*
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn		-	*113.779.095.785*	*113.779.095.785*	-	-	-	*113.779.095.785*	*113.779.095.785*
1.4. Cổ phiếu quỹ		*(2.240.614.834)*	*(8.733.738.884)*	*(6.493.124.050)*	-	*(10.392.739.400)*	-	*(8.733.738.884)*	*(19.126.478.284)*
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		355.412.398.796	412.057.165.307	56.644.766.511	-	65.246.509.028	-	412.057.165.307	477.303.674.335
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		270.904.804.112	327.549.570.623	56.644.766.511	-	65.246.509.028	-	327.549.570.623	392.796.079.651
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		637.896.244.067	277.801.019.026	36.935.488.132	(397.030.713.173)	99.860.975.189	(118.166.825.182)	277.801.019.026	259.495.169.033
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		33.179.513.213	41.038.039.125	7.858.525.912	-	-	(655.844.873)	41.038.039.125	40.382.194.252
6. Lợi nhuận chưa phân phối		2.212.624.960.292	2.795.105.924.402	1.796.597.754.474	(1.214.116.790.364)	1.177.293.799.693	(1.030.932.682.214)	2.795.105.924.402	2.941.467.041.881
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	*29.1*	*2.235.685.451.553*	*3.056.176.268.973*	*1.543.064.033.874*	*(722.573.216.454)*	*901.594.482.802*	*(763.169.957.249)*	*3.056.176.268.973*	*3.194.600.794.526*
6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*29.1*	*(23.060.491.261)*	*(261.070.344.571)*	*253.533.720.600*	*(491.543.573.910)*	*275.699.316.891*	*(267.762.724.965)*	*(261.070.344.571)*	*(253.133.752.645)*
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		78.352.794.222	66.959.856.215	-	(11.392.938.007)	-	(2.104.448.697)	66.959.856.215	64.855.407.518
TỔNG CỘNG		**8.616.249.695.902**	**9.155.664.527.633**	**2.161.967.273.275**	**(1.622.552.441.544)**	**1.397.255.053.538**	**(1.151.859.800.966)**	**9.155.664.527.633**	**9.401.059.780.205**
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	41	637.896.244.067	277.801.019.026	36.935.488.132	(397.030.713.173)	99.860.975.189	(118.166.825.182)	277.801.019.026	259.495.169.033
TỔNG CỘNG		**637.896.244.067**	**277.801.019.026**	**36.935.488.132**	**(397.030.713.173)**	**99.860.975.189**	**(118.166.825.182)**	**277.801.019.026**	**259.495.169.033**



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày | B05 - CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.100.636.840.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu và Nha Trang và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 966 người (31 tháng 12 năm 2018: 1026 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.100.636.840.000 VND, vốn chủ sở hữu bao gồm cả lợi ích cổ đông không kiểm soát là 9.401.059.780.205 VND, và tổng tài sản là 27.044.115.024.913 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết có quy mô lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành đối tác của khách hàng cùng thành công, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% Sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 38/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 12 năm 2013	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	30 tỷ VND	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010 và giấy phép điều chỉnh số 4557/UBCK-QLQ ngày 24 tháng 7 năm 2018	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	343 tỷ VND	80%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một (01) công ty con là Công ty Quốc tế SSI, sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI.

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một (01) công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND
Công ty Cổ phầnTập đoàn PAN (PAN)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 20 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 20). Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 8 năm 2005. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn Tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường.	1.731.011.410.000

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 của Công ty là 907.096.976.031 VND, giảm 30% (tương ứng mức giảm 395.840.266.527 VND) so với năm 2018, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Quy mô giao dịch của thị trường giảm sút, doanh thu nghiệp vụ môi giới giảm ở mức 49%, tương ứng với mức giảm 548.896.351.677 VND, trong khi chi phí nghiệp vụ môi giới giảm tương ứng với giá trị là 217.163.404.441 VND. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính trong năm giảm 53%, tương ứng với giá trị giảm là 66.024.274.647 VND.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 75%, tương ứng với giá trị giảm là 199.317.992.019 VND, chủ yếu do trong năm 2018 công ty có các khoản lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và phải thu;

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 48/2019/TT- BTC.

4.7 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp theo)

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.9 Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay vào khoản mục "Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết)" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi thế thương mại dương được phản ánh vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Công ty áp dụng các nguyên tắc và giả định sau:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá thị trường;
- Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xác định bằng nguyên giá trừ khấu hao lũy kế;
- Giá trị hợp lý các khoản mục bị ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty liên kết được xác định bằng không (0);
- Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ.

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết, bao gồm thay đổi phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cố định và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh của công ty liên kết không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty mà được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

4.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.14 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 5 năm

4.15 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản. Thời gian khấu hao là 27,5 năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

4.18 Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.19 Các khoản vay và phát hành trái phiếu không chuyển đổi

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.20 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp lãi suất thực tế. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Lợi ích của nhân viên

4.22.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.22.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.22.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.24 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.25 Chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ

Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền kế toán của công ty mẹ được chuyển đổi sang đồng tiền kế toán của công ty mẹ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Đối với các khoản mục nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua – bán bình quân.
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ dao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh luỹ kế tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.26 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu từ cho thuê bất động sản

Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.27 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

4.28 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.29 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.30 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.31 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.32 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	260.631.829.536	312.863.700.842
- Tiền mặt tại quỹ	*263.347.161*	*280.482.251*
- Tiền gửi ngân hàng	*260.368.482.375*	*312.583.218.591*
Các khoản tương đương tiền	780.150.780.818	300.016.438.018
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	*780.150.780.818*	*300.016.438.018*
TỔNG CỘNG	**1.040.782.610.354**	**612.880.138.860**

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	**672.360.946**	**106.001.515.712.485**
- Cổ phiếu	*186.201.948*	*5.203.731.234.588*
- Trái phiếu	*474.169.006*	*98.694.274.946.338*
- Chứng khoán khác	*11.989.992*	*2.103.509.531.559*
b. Của nhà đầu tư	**10.929.862.618**	**593.617.191.211.377**
- Cổ phiếu	*10.771.512.471*	*301.516.848.509.384*
- Trái phiếu	*19.969.007*	*2.285.750.603.093*
- Chứng khoán khác	*138.381.140*	*289.814.592.098.900*
TỔNG CỘNG	**11.602.223.564**	**699.618.706.923.862**

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh 4.6.*

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7.1 Tài sản tài chính FVTPL

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu và chứng khoán khác niêm yết (1)	**1.672.963.319.466**	**1.447.285.043.650**	**1.611.962.128.767**	**1.371.412.475.370**
HPG	179.508.676.258	183.250.791.000	117.763.041.323	102.632.180.800
GEX	132.827.558.855	104.727.985.650	276.761.361.866	217.207.440.750
DBC	253.101.130.155	233.814.891.600	253.132.982.078	227.429.176.000
ELC	191.238.144.589	52.962.725.140	191.789.331.478	68.215.027.200
FPT	159.446.563.013	178.218.144.500	190.787.384.353	169.652.186.800
OPC	163.914.646.949	157.071.600.000	163.962.651.004	169.413.760.000
MBB	72.715.536.508	69.127.156.800	77.175.940.115	73.441.566.200
PLX	370.076.019.330	341.475.456.000	70.261.715.727	67.150.258.000
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	150.135.043.809	126.636.292.960	270.327.720.823	276.270.879.620
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	**147.825.259.973**	**148.166.359.500**	-	-
HPG	18.404.132.189	18.814.335.000	-	-
FPT	25.783.439.996	28.818.914.300	-	-
REE	15.912.611.872	15.723.708.000	-	-
VNM	33.601.112.644	32.003.715.000	-	-
VIC	3.829.766.027	3.798.450.000	-	-
VJC	10.515.409.420	10.788.098.000	-	-
VHM	15.560.689.439	15.196.160.000	-	-
MBB	24.218.098.386	23.022.979.200	-	-
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ (CCQ) chưa niêm yết	**399.114.275.313**	**386.642.357.221**	**120.582.017.570**	**112.889.392.928**
CCQ SSIBF	40.000.000.000	47.085.000.000	40.000.000.000	44.449.000.000
CCQ SSISCA	-	-	26.500.000.000	33.915.293.454
Cổ phiếu chưa niêm yết và CCQ khác	359.114.275.313	339.557.357.221	54.082.017.570	34.525.099.474
Trái phiếu chưa niêm yết và chứng khoán khác (2)	**2.333.151.012.696**	**2.333.151.012.696**	**560.731.951.620**	**555.683.951.620**
TỔNG CỘNG	**4.553.053.867.448**	**4.315.244.773.067**	**2.293.276.097.957**	**2.039.985.819.918**

(1) Trong số cổ phiếu niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, có 8.217.818 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 82.178.180.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Trong số trái phiếu chưa niêm yết và chứng khoán khác thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 13 chứng chỉ tiền gửi có giá trị mệnh giá là 1.300 tỷ VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.2 Tài sản tài chính AFS

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	**251.088.814.728**	**591.104.213.600**	**486.920.806.635**	**837.473.225.400**
SGN	172.712.731.397	447.423.470.000	186.719.487.791	514.959.000.000
DHC	52.055.700.788	131.244.668.000	52.055.585.738	86.572.890.000
Cổ phiếu niêm yết khác	26.320.382.543	12.436.075.600	248.145.733.106	235.941.335.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	**178.515.646.904**	**168.937.901.904**	**388.517.146.900**	**388.517.146.900**
CTCP PAN Farm	53.408.921.300	53.408.921.300	53.408.921.300	53.408.921.300
CTCP ConCung	42.241.999.000	42.241.999.000	42.241.999.000	42.241.999.000
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	82.864.726.604	73.286.981.604	292.866.226.600	292.866.226.600
Trái phiếu chưa niêm yết	**-**	**-**	**39.094.900.000**	**39.094.900.000**
TỔNG CỘNG	**429.604.461.632**	**760.042.115.504**	**914.532.853.535**	**1.265.085.272.300**

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	10.721.931.457.865	12.326.240.312.685

Trong số tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, có 10.040 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty và 85,9 tỷ VND được dùng để đảm bảo thanh toán cho chứng quyền của Công ty phát hành.

7.4 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (4) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (4) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (1)	5.285.813.165.409	5.255.659.510.344	5.887.782.972.702	5.858.116.840.495
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2)	49.029.062.675	49.029.062.675	73.246.329.906	73.246.329.906
Các khoản khác (3)	24.500.000.000	24.500.000.000	5.621.883.331	5.621.883.331
TỔNG CỘNG	**5.359.342.228.084**	**5.329.188.573.019**	**5.966.651.185.939**	**5.936.985.053.732**

(1) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 6.038.522.587.000 VND và 6.486.103.208.000 VND, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 16.095.323.713.650 VND và 16.535.868.540.430 VND.

(2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(3) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng môi giới/ ký gửi bán trái phiếu được nắm giữ bởi khách hàng, theo đó Công ty ứng trước tiền bán trái phiếu cho khách hàng trong thời gian chờ bán trái phiếu.

(4) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
		Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá		
	Giá mua/Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá mua/Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
FVTPL	**4.553.053.867.448**	**36.744.185.844**	**(274.553.280.225)**	**4.315.244.773.067**	**2.293.276.097.957**	**40.156.043.224**	**(293.446.321.263)**	**2.039.985.819.918**
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết	1.672.963.319.466	25.940.820.150	(251.619.095.966)	1.447.285.043.650	1.611.962.128.767	28.291.749.774	(268.841.403.171)	1.371.412.475.370
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	147.825.259.973	3.718.365.694	(3.377.266.167)	148.166.359.500	-	-	-	-
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	399.114.275.313	7.085.000.000	(19.556.918.092)	386.642.357.221	120.582.017.570	11.864.293.450	(19.556.918.092)	112.889.392.928
Trái phiếu và chứng khoán khác chưa niêm yết	2.333.151.012.696	-	-	2.333.151.012.696	560.731.951.620	-	(5.048.000.000)	555.683.951.620
AFS	**429.604.461.632**	**354.712.424.223**	**(24.274.770.351)**	**760.042.115.504**	**914.532.853.535**	**363.756.998.724**	**(13.204.579.959)**	**1.265.085.272.300**
Cổ phiếu niêm yết	251.088.814.728	354.712.424.223	(14.697.025.351)	591.104.213.600	486.920.806.635	363.756.998.724	(13.204.579.959)	837.473.225.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	178.515.646.904	-	(9.577.745.000)	168.937.901.904	388.517.146.900	-	-	388.517.146.900
Trái phiếu chưa niêm yết		-	-	-	39.094.900.000	-	-	39.094.900.000
TỔNG CỘNG	**4.982.658.329.080**	**391.456.610.067**	**(298.828.050.576)**	**5.075.286.888.571**	**3.207.808.951.492**	**403.913.041.948**	**(306.650.901.222)**	**3.305.071.092.218**

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(30.153.655.065)	(29.666.132.207)
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(11.013.850.000)	-
TỔNG CỘNG	**(41.167.505.065)**	**(29.666.132.207)**

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	330.068.529.950	300.141.137.920
Trong đó các khoản phải thu về bán các tài sản tài chính không có khả năng thu hồi	*296.897.416.150*	*299.429.263.720*
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	20.474.439.337	1.571.232.877
3. Trả trước cho người bán	10.347.795.737	31.348.740.192
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	43.254.069.829	31.161.533.678
Trong đó phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp	*10.992.959.417*	*12.087.959.417*
5. Các khoản phải thu khác	3.903.875.134	4.513.763.962
Trong đó phải thu khác khó đòi	*388.517.477*	*521.517.477*
6. Dự phòng phải thu khó đòi	(308.273.893.044)	(312.038.740.614)
TỔNG CỘNG	**99.774.816.943**	**56.697.668.015**

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND	Số dự phòng đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập/xử lý nợ trong năm	Số dự phòng cuối năm VND	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	299.429.263.720	299.429.263.720	-	(2.531.847.570)	296.897.416.150	296.897.416.150
- Khách hàng Đặng Văn Sỹ	*2.531.847.570*	*2.531.847.570*	-	*(2.531.847.570)*	-	-
- Công ty TNHH TMXD Phúc Bảo Minh	*296.897.416.150*	*296.897.416.150*	-	-	*296.897.416.150*	*296.897.416.150*
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	12.087.959.417	12.087.959.417	5.000.000	(1.105.000.000)	10.987.959.417	10.992.959.417
- CTCP Công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	*525.000.000*	*525.000.000*	-	*(525.000.000)*	-	-
- CTCP Thái Hòa	*80.000.000*	*80.000.000*	-	*(80.000.000)*	-	-
- Công ty Liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	*80.000.000*	*80.000.000*	-	*(80.000.000)*	-	-
- CTCP Hàng hải Sài Gòn	*270.000.000*	*270.000.000*	-	*(270.000.000)*	-	-
- Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam (Vneco)	*150.000.000*	*150.000.000*	-	*(150.000.000)*	-	-
- Công ty Cổ phần bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	-	-	*5.000.000*	-	*5.000.000*	*10.000.000*
- Phải thu giao dịch ký quỹ quá hạn - khách hàng cá nhân	*10.982.959.417*	*10.982.959.417*	-	-	*10.982.959.417*	*10.982.959.417*
Phải thu khác khó đòi	521.517.477	521.517.477	-	(133.000.000)	388.517.477	388.517.477
- Tiền bán tài sản	*309.521.422*	*309.521.422*	-	-	*309.521.422*	*309.521.422*
- Phải thu CTCP Công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	*133.000.000*	*133.000.000*	-	*(133.000.000)*	-	-
- Phải thu khác	*78.996.055*	*78.996.055*	-	-	*78.996.055*	*78.996.055*
TỔNG CỘNG	**312.038.740.614**	**312.038.740.614**	**5.000.000**	**(3.769.847.570)**	**308.273.893.044**	**308.278.893.044**

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	8.518.495.603	3.843.488.923
Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	1.265.969.684	2.959.982.619
Chi phí trả trước ngắn hạn	20.490.357.667	21.364.723.566
- Chi phí trả trước mua công cụ, vật liệu văn phòng	*932.251.405*	*1.137.753.651*
- Chi phí trả trước dịch vụ	*19.558.106.262*	*20.226.969.915*
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	967.194.260	856.602.610
Tài sản ngắn hạn khác	3.674.667.967	3.458.152.700
- Tiền gửi kí quỹ phái sinh của CTCK	*2.559.929.467*	*2.446.190.000*
- Khác	*1.114.738.500*	*1.011.962.700*
TỔNG CỘNG	**34.916.685.181**	**32.482.950.418**

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			3.444.540.512.534	301.622.077.596
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm			-	*301.622.077.596*
- Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn (1)			*3.444.540.512.534*	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)			794.315.339.944	764.280.760.972
- Công ty Cổ phần tập đoàn PAN (PAN)	*20,07%*	*20,01%*	*794.315.339.944*	*764.280.760.972*
TỔNG CỘNG			**4.238.855.852.478**	**1.065.902.838.568**

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, trong số trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn có 102.400 trái phiếu với giá trị mệnh giá là 3.400 tỷ VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, trong số cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết, có 18.880.120 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 188.801.200.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho một số khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	764.280.760.972	812.945.220.865
Mua trong năm	20.997.297.749	187.750.420.302
Thanh lý công ty liên kết trong năm	-	(258.184.136.754)
Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết	(22.288.820.220)	(24.489.167.761)
Chênh lệch do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	(7.343.844.372)	(6.321.512.555)
Lãi từ công ty liên kết ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm	42.258.531.653	69.602.389.875
- Phần chia sẻ lãi trong năm	*42.258.531.653*	*69.602.389.875*
Cổ tức thực nhận	-	(17.022.453.000)
Điều chỉnh khác	(3.588.585.838)	-
SỐ DƯ CUỐI NĂM	**794.315.339.944**	**764.280.760.972**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	155.928.064.957	17.551.416.700	2.173.470.957	175.652.952.614
Tăng trong năm	30.411.919.747	4.618.228.000	624.290.074	35.654.437.821
Mua trong năm	*30.411.919.747*	*4.618.228.000*	*624.290.074*	*35.654.437.821*
Giảm trong năm	(4.845.722.528)	(552.987.400)	-	(5.398.709.928)
Thanh lý, nhượng bán	*(4.845.722.528)*	*(552.987.400)*	-	*(5.398.709.928)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	181.494.262.176	21.616.657.300	2.797.761.031	205.908.680.507
Giá trị hao mòn lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	78.583.761.763	11.674.398.268	1.297.068.459	91.555.228.490
Tăng trong năm	*21.197.390.197*	*1.587.315.565*	*405.041.595*	*23.189.747.357*
Hao mòn trong năm	*21.197.390.197*	*1.587.315.565*	*405.041.595*	*23.189.747.357*
Giảm trong năm	*(4.843.840.912)*	*(552.987.400)*	-	*(5.396.828.312)*
Thanh lý, nhượng bán	*(4.843.840.912)*	*(552.987.400)*	-	*(5.396.828.312)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	94.937.311.048	12.708.726.433	1.702.110.054	109.348.147.535
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	77.344.303.194	5.877.018.432	876.402.498	84.097.724.124
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	86.556.951.128	8.907.930.867	1.095.650.977	96.560.532.972

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	67.368.365.334	62.386.967.415

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	92.139.521.382	9.232.700.342	101.372.221.724
Tăng trong năm	26.453.066.503	664.560.000	27.117.626.503
Mua mới	*26.453.066.503*	*664.560.000*	*27.117.626.503*
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	118.592.587.885	9.897.260.342	128.489.848.227
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	60.504.780.816	6.222.516.302	66.727.297.118
Tăng trong năm	10.066.080.146	1.244.274.468	11.310.354.614
Hao mòn trong năm	*10.066.080.146*	*1.244.274.468*	*11.310.354.614*
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	70.570.860.962	7.466.790.770	78.037.651.732
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	31.634.740.566	3.010.184.040	34.644.924.606
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	48.021.726.923	2.430.469.572	50.452.196.495

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	59.110.101.921	50.185.404.651

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và đất VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	278.818.031.178
Giảm trong năm	(541.861.861)
- Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con	*(541.861.861)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	278.276.169.317
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	64.256.388.569
Tăng trong năm	8.393.019.812
- Hao mòn trong năm	*8.393.019.812*
Giảm trong năm	(149.771.814)
- Chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con	*(149.771.814)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	72.499.636.567
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	214.561.642.609
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	205.776.532.750

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI (SSIIC) đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của các toà nhà được ghi nhận bằng đô la Mỹ và được quy đổi trong báo cáo tài chính của SSIIC sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng nơi Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI-IMF) mở tài khoản. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của SSIIC từ USD sang VND được ghi nhận vào mục chênh lệch tỷ giá thuộc vốn chủ sở hữu. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 8.318.257.460 VND.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phát triển phần mềm	3.275.760.471	4.923.184.107
Chi phí xây dựng cơ bản khác	26.174.293.818	-
TỔNG CỘNG	**29.450.054.289**	**4.923.184.107**

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước dịch vụ và công cụ dài hạn	37.088.043.669	40.312.468.926

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu gồm các chi phí trang trí nội thất, trang thiết bị văn phòng, chi phí thi công sửa chữa và trang trí ngoại thất của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong thời gian tối đa 36 tháng.

17. TÀI SẢN/ PHẢI TRẢ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản/ phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết trong năm tạm thời không được khấu trừ thuế	-	1.009.600.000
Dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn thanh toán tạm thời chịu thuế	17.813.844.969	29.689.741.615
Dự phòng giảm giá trị các khoản cho vay tạm thời không được khấu trừ thuế	319.221.853	6.135.183.665
Chi phí tạm thời chịu thuế phát sinh	4.597.640.704	5.820.133.662
Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính	9.193.461.645	9.193.461.645
TỔNG CỘNG	**31.924.169.171**	**51.848.120.587**
Phải trả thuế thu nhập hoãn lại		
Thu nhập của công ty con tạm thời không chịu thuế	(4.123.557.772)	(2.405.911.387)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	7.348.834.147	8.028.126.385
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính AFS	70.942.484.845	72.751.399.745
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành tạm thời không chịu thuế	2.221.717.677	-
TỔNG CỘNG	**76.389.478.897**	**78.373.614.743**

18. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	7.872.720.527	7.872.720.527
Tiền lãi phân bổ	6.039.464.938	6.039.464.938
TỔNG CỘNG	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**

19. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay:

Tài sản	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn	**11.422.178.180.000**	**11.344.178.180.000**	
- Tài sản tài chính FVTPL (tính theo mệnh giá)	1.382.178.180.000	32.178.180.000	Các khoản vay ngắn hạn
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	9.740.000.000.000	9.742.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	300.000.000.000	1.570.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Dài hạn	**3.588.801.200.000**	**438.801.200.000**	
- Trái phiếu có kỳ hạn còn lại trên 1 năm (tính theo mệnh giá)	3.400.000.000.000	-	Các khoản vay ngắn hạn
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm	-	300.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
- Đầu tư vào công ty liên kết (tính theo mệnh giá)	188.801.200.000	138.801.200.000	Các khoản vay ngắn hạn
TỔNG CỘNG	**15.010.979.380.000**	**11.782.979.380.00**	

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay thấu chi	Dưới 7,4	3.728.454.753.866	66.583.160.327.215	64.632.518.925.624	5.679.096.155.457
Vay ngắn hạn	Dưới 8,5	7.464.704.000.000	32.691.130.000.000	30.284.704.000.000	9.871.130.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		*2.700.000.000.000*	*13.404.000.000.000*	*13.172.000.000.000*	*2.932.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		-	*3.400.000.000.000*	-	*3.400.000.000.000*
- Ngân hàng Sinopac (1)		-	*1.278.750.000.000*	-	*1.278.750.000.000*
- Các ngân hàng khác		*4.764.704.000.000*	*14.608.380.000.000*	*17.112.704.000.000*	*2.260.380.000.000*
TỔNG CỘNG		**11.193.158.753.866**	**99.274.290.327.215**	**94.917.222.925.624**	**15.550.226.155.457**

(1) Khoản vay tín chấp tại Ngân hàng Sinopac có số hợp đồng là BFL/HK/161019/238 với tổng giá trị theo nguyên tệ là 55.000.000 USD. Khoản vay này được phòng ngừa rủi ro về tỷ giá bởi hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam với tổng giá trị là 57.516.197 USD, có kỳ hạn tương ứng số ngày của hợp đồng vay và ngày trả lãi vay của hợp đồng.

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	**-**	**255.000.000.000**
Trái phiếu SSIBOND012017	-	255.000.000.000
TỔNG CỘNG	**-**	**255.000.000.000**

Trái phiếu SSIBOND012017 là trái phiếu thường phát hành đợt 1 vào tháng 1 năm 2017 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2017 với số lượng 600 trái phiếu có mệnh giá 500 triệu VND/trái phiếu. Đây là trái phiếu không có tài sản đảm bảo có kỳ hạn 2 năm. Trái phiếu đã đáo hạn trong tháng 1 năm 2019.

22. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá trị trái phiếu chuyển đổi phát hành	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000
Cấu phần vốn chủ sở hữu	113.779.095.785	113.779.095.785
Cấu phần nợ gốc ghi nhận ban đầu	1.036.220.904.215	1.036.220.904.215
Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu vào cơ cấu nợ gốc		
Số đầu năm	*32.099.487.319*	-
Số phân bổ tăng trong năm	*37.617.554.636*	*32.099.487.319*
Số cuối năm	*69.717.041.955*	*32.099.487.319*
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	**1.105.937.946.170**	**1.068.320.391.534**

Ngày 9 tháng 2 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.150 tỷ VND và kỳ hạn 3 năm, lãi suất phát hành 4%/năm và trả lãi định kỳ 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 1 năm 2018 của Đại Hội đồng Cổ đông. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty cho đến khi đáo hạn trái phiếu, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Số lượng trái phiếu chuyển đổi mỗi lần không ít hơn 30% tổng giá trị trái phiếu phát hành và số lần chuyển đổi không nhiều hơn 03 lần. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Việc hạch toán các cấu phần vốn chủ sở hữu và cấu phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, với lãi suất chiết khấu sử dụng để xác định cấu phần nợ gốc ban đầu và chi phí lãi trái phiếu là 7,76%/năm. Phần chênh lệch giữa chi phí lãi trái phiếu theo lãi suất chiết khấu và lãi danh nghĩa phải trả được định kỳ phân bổ vào cấu phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi.

23. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	-	20.890.746.200
Phải trả chứng quyền (đang lưu hành) (*)	30.254.764.400	-
TỔNG CỘNG	**30.254.764.400**	**20.890.746.200**

(*) Công ty được phát hành sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm theo các giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Đơn vị tính: Chứng quyền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng chứng quyền được phép phát hành	**13.000.000**	**-**
FPT/6.5M/SSI/C/EU/Cash-02	1.000.000	-
HPG/6.5M/SSI/C/EU/Cash-02	1.000.000	-
MBB/6.5M/SSI/C/EU/Cash-02	3.000.000	-
MBB/3.5M/SSI/C/EU/Cash-02	2.000.000	-
REE/3.5M/SSI/C/EU/Cash-01	1.000.000	-
REE/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	1.000.000	-
VHM/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	1.000.000	-
VIC/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	1.000.000	-
VJC/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	1.000.000	-
VNM/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	1.000.000	-
		-
Số lượng chứng quyền được phép phát hành	**6.559.290**	**-**
FPT/6.5M/SSI/C/EU/Cash-02	576.590	-
HPG/6.5M/SSI/C/EU/Cash-02	943.240	-
MBB/6.5M/SSI/C/EU/Cash-02	2.083.970	-
MBB/3.5M/SSI/C/EU/Cash-02	1.081.360	-
REE/3.5M/SSI/C/EU/Cash-01	457.470	-
REE/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	356.700	-
VHM/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	365.670	-
VIC/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	64.250	-
VJC/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	79.250	-
VNM/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	550.790	-

24. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Độ Phân Giải Cao	-	2.122.697.771
Công ty CP Xây dựng và Thương mại TTT	-	974.748.881
Công ty TNHH Tích Hợp Hệ thống CMC	5.999.696.699	1.783.887.600
Công ty TNHH Hoàng Long	-	841.879.940
Công ty TNHH Công nghệ Giao dịch Việt Nam	368.241.390	736.482.780
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ tin học HPT	211.400.700	-
Công ty CP Xích Việt	225.301.060	269.948.151
Công ty TNHH KOMPA Technology	1.418.593.600	-
Công ty Cổ phần FPT	1.506.720.000	-
Metro Information Consultancy Co.	400.926.058	-
Công ty TNHH Expressgo	400.207.500	-
Horizon Software Asia Ltd	1.341.670.993	-
Phải trả tiền thanh toán chứng quyền khi đáo hạn	12.004.444.390	-
Phải trả người bán khác	6.154.668.013	3.141.924.962
TỔNG CỘNG	**30.031.870.403**	**9.871.570.085**

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	1.186.696.099	815.853.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.583.472.184	40.748.215.998
Thuế thu nhập cá nhân	23.278.156.755	23.980.857.101
Thuế nhà thầu	4.412.809.874	4.405.354.623
TỔNG CỘNG	**59.461.134.912**	**69.950.280.972**

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

		Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
I	**Thuế**	**69.950.280.972**	**427.375.818.099**	**437.864.964.159**	**59.461.134.912**
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	815.853.250	11.243.345.089	10.872.502.240	1.186.696.099
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	(Thuyết minh số 40.1)	40.748.215.998	178.677.854.956	188.842.598.770	30.583.472.184
3	Các loại thuế khác	28.386.211.724	237.454.618.054	238.149.863.149	27.690.966.629
	Thuế thu nhập cá nhân	*6.163.608.106*	*47.748.584.174*	*47.571.700.518*	*6.340.491.762*
	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	*17.817.248.995*	*139.293.363.555*	*140.172.947.557*	*16.937.664.993*
	Thuế môn bài	-	*20.500.000*	*20.500.000*	-
	Thuế khác	*4.405.354.623*	*50.392.170.325*	*50.384.715.074*	*4.412.809.874*
II	**Các khoản phải nộp khác**	**-**	**142.677.141**	**142.677.141**	**-**
TỔNG CỘNG		**69.950.280.972**	**427.518.495.240**	**438.007.641.300**	**59.461.134.912**

26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	13.427.133.997	10.258.172.942
Chi phí lãi trái phiếu thường	-	20.969.732.878
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi	19.166.666.665	19.038.888.887
Chi phí lãi vay phải trả	52.269.483.284	50.361.178.367
Chi phí lãi hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán, hợp đồng quản lý tiền gửi	918.878.038	4.130.279.305
Phí dịch vụ	765.000.000	1.015.000.000
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	6.735.623.994	5.656.129.033
Các khoản khác	5.708.355.765	2.462.640.636
TỔNG CỘNG	**98.991.141.743**	**113.892.022.048**

27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư để mua chứng khoán (1)	5.000.000.000	57.500.000.000
Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi (2)	304.165.194.916	1.420.841.254.925
Phải trả cổ tức, lãi trái phiếu	8.826.384.206	7.769.771.206
- Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	*8.136.432.750*	*7.079.819.750*
- Phải trả trái tức cho trái chủ của Công ty	*689.951.456*	*689.951.456*
Phải trả khác	25.365.294.251	4.217.955.237
TỔNG CỘNG	**343.356.873.373**	**1.490.328.981.3**

(1) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư bao gồm các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán và đặt mua chứng khoán. Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng.

(2) Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi là các khoản tiền của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo quy định của hợp đồng.

28. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (BBC)	8.144.100.724	8.144.100.724
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (SSC)	19.186.831.881	19.186.831.881
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (LAF)	1.688.248.597	1.688.248.597
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (VFG)	12.890.045.591	12.890.045.591
Bán cổ phiếu khác cho công ty liên kết	9.277.932.564	9.277.932.564
TỔNG CỘNG	**51.187.159.357**	**51.187.159.357**

Đây là các khoản thu nhập chưa thực hiện phát sinh do Công ty bán cổ phiếu cho công ty liên kết, số liệu trình bày ở trên tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty liên kết thực hiện mua cổ phiếu.

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

29.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện	3.194.600.794.526	3.056.176.268.973
Lợi nhuận chưa thực hiện	(253.133.752.645)	(261.070.344.571)
- Lỗ chưa thực hiện và thuế hoãn lại trên đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL và phải trả chứng quyền đang lưu hành	*(236.325.785.752)*	*(261.318.404.420)*
- (Lỗ)/lãi chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	*(16.807.966.893)*	*248.059.849*
TỔNG CỘNG	**2.941.467.041.881**	**2.795.105.924.402**

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

29.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	5.100.636.840.000	29.470.756.034	113.779.095.785	(8.733.738.884)	277.801.019.026	41.038.039.125	412.057.165.307	327.549.570.623	2.795.105.924.402	66.959.856.215	9.155.664.527.633
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-		-	-	-	-	907.096.976.031		907.096.976.031
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(10.392.739.400)	-	-	-	-	-	-	(10.392.739.400)
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	-	-	(18.305.849.993)	-	-	-	-	-	(18.305.849.993)
Cổ tức bằng tiền 2018 (10%)	-	-	-	-	-	-	-	-	(508.054.730.000)	-	(508.054.730.000)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% LNST theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ")	-	-	-	-	-	-	65.246.509.028	-	(65.246.509.028)	-	-
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 5% LNST theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-		65.246.509.028	(65.246.509.028)	-	-
Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-	-	-	(91.345.112.639)	-	(91.345.112.639)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính SSIIC	-	-	-	-	-	(655.844.873)	-	-	-	-	(655.844.873)
Chênh lệch do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.343.844.372)	-	(7.343.844.372)
Chênh lệch do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(22.288.820.220)	-	(22.288.820.220)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	329.650.000	-	329.650.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.644.431.962)	-	(3.644.431.962)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	2.104.448.697	(2.104.448.697)	-
Số cuối năm	**5.100.636.840.000**	**29.470.756.034**	**113.779.095.785**	**(19.126.478.284)**	**259.495.169.033**	**40.382.194.252**	**477.303.674.335**	**392.796.079.651**	**2.941.467.041.881**	**64.855.407.518**	**9.401.059.780.205**

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

29.3 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2019 và 1/1/2018)	3.056.176.268.973	2.235.685.451.553
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2019 và 31/12/2018)	(291.415.975.045)	(293.198.261.406)
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	901.594.482.802	1.543.064.033.874
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)=(1)+(2)+(3))	3.666.354.776.730	3.485.551.224.021
5. Số trích từ lợi nhuận	(255.115.227.249)	(223.402.886.455)
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	*(65.246.509.028)*	*(56.644.766.511)*
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	*(65.246.509.028)*	*(56.644.766.511)*
- Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng	*(91.345.112.639)*	*(79.302.673.115)*
- Các khoản khác làm giảm lợi nhuận chưa phân phối	*(33.277.096.554)*	*(30.810.680.318)*
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(508.054.730.000)	(499.170.330.000)
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	**2.903.184.819.481**	**2.762.978.007.566**

29.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**510.063.684**	**510.063.684**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**510.063.684**	**510.063.684**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	510.063.684	510.063.684
- Cổ phiếu phổ thông	*510.063.684*	*510.063.684*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	**(2.009.008)**	**(893.377)**
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(2.009.008)	(893.377)
- Cổ phiếu phổ thông	*(2.009.008)*	*(893.377)*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**508.054.676**	**509.170.307**
- Cổ phiếu phổ thông	*508.054.676*	*509.170.307*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

30. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

30.1 Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	6.838.499,50	6.556.662,33
EUR	34.334,41	84.345,41
GBP	37.140,64	37.151,64

30.2 Tài sản tài chính niêm yết lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	720.893.810.000	665.060.300.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	-	35.908.790.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	270.979.380.000	170.979.380.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	4.692.000.000	999.500.000
TỔNG CỘNG	**996.565.190.000**	**872.947.970.000**

30.3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	9.480.260.000	9.482.230.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	**10.480.260.000**	**10.482.230.000**

30.4 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	2.370.800.000	10.135.100.000

30.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chứng chỉ quỹ	40.000.000.000	59.459.920.000
Cổ phiếu	458.255.460.000	298.965.390.000
Trái phiếu	4.191.654.800.000	555.000.000.000
TỔNG CỘNG	**4.689.910.260.000**	**913.425.310.000**

30.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	40.264.432.904.400	34.656.128.250.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	609.448.260.000	548.270.620.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	6.311.732.090.000	6.641.685.800.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	457.518.280.000	305.694.280.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	327.633.899.300	341.883.550.000
TỔNG CỘNG	**47.970.765.433.700**	**42.493.662.500.000**

30. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.7. *Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	330.441.990.000	324.305.840.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	52.037.000.000	52.256.010.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	145.000.000	145.000.000
TỔNG CỘNG	**382.623.990.000**	**376.706.850.000**

30.8 *Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	278.568.854.100	248.603.350.000

30.9 *Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	35.217.990.000	66.834.410.000

30.10 *Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	97.275.710.000	121.069.940.000
Trái phiếu	-	40.799.000.000
TỔNG CỘNG	**97.275.710.000**	**161.868.940.000**

30.11 *Tiền gửi Nhà đầu tư*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.065.881.233.987	2.666.193.777.876
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*1.864.381.591.249*	*2.448.286.368.784*
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*201.499.642.738*	*217.907.409.092*
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	415.120.594.227	610.905.763.675
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	3.790.098.239	4.553.932.668
TỔNG CỘNG	**2.484.791.926.453**	**3.281.653.474.219**

30.12 *Tiền gửi của Tổ chức phát hành*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	46.112.406.060	101.060
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	889.298.184	1.802.844.784
TỔNG CỘNG	**47.001.704.244**	**1.802.945.844**

30.13 *Phải trả nhà đầu tư của CTCK*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.481.001.828.214	3.277.099.541.551
- Của Nhà đầu tư trong nước	*1.986.051.905.846*	*2.769.817.505.805*
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	*494.949.922.368*	*507.282.035.746*
TỔNG CỘNG	**2.481.001.828.214**	**3.277.099.541.551**

30.14 *Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	46.112.406.060	101.060

30.15 *Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	889.298.184	1.802.844.784

31. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

31.1. *Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL*

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
I	**LÃI BÁN**						
1	**Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết**	**60.976.777**		**1.614.730.253.616**	**1.455.768.303.879**	**158.961.949.737**	**230.503.281.958**
	TMS	6.568.053	33.074	217.185.066.560	164.888.437.812	52.296.628.748	-
	FPT	4.988.150	55.021	274.452.451.000	236.290.310.346	38.162.140.654	263.765.042
	MBB	9.375.900	22.515	211.097.180.500	196.259.557.864	14.837.622.636	439.479.292
	MWG	1.124.850	117.753	132.454.177.000	122.660.001.301	9.794.175.699	234.966
	PLX	1.868.300	58.394	109.096.928.000	104.190.357.391	4.906.570.609	141.348.397.163
	FUESSV50	2.354.700	13.047	30.720.830.700	25.950.958.378	4.769.872.322	2.392.377.042
	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết khác	34.696.824		639.723.619.856	605.528.680.787	34.194.939.069	86.059.028.453
2	**Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết**	**17.018.592**		**180.397.250.784**	**140.552.423.682**	**39.844.827.102**	**4.020.000.000**
	SSISCA	1.945.992	18.255	35.523.564.384	26.500.000.000	9.023.564.384	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	15.072.600		144.873.686.400	114.052.423.682	30.821.262.718	4.020.000.000
3	**Trái phiếu niêm yết**	**56.306.886**		**6.271.271.962.364**	**6.249.862.532.983**	**21.409.429.381**	**30.336.827.273**
	TP_TD1828120	1.500.000	108.319	162.478.500.000	159.034.500.000	3.444.000.000	-
	TP_TD1424093	1.500.000	123.371	185.056.500.000	182.752.500.000	2.304.000.000	-
	TP_TD1929178	1.500.000	101.559	152.338.500.000	150.034.500.000	2.304.000.000	-
	TP_TD1636502	2.000.000	134.577	269.153.000.000	267.329.000.000	1.824.000.000	1.960.000.000
	Trái phiếu niêm yết khác	49.806.886		5.502.245.462.364	5.490.712.032.983	11.533.429.381	28.376.827.273
4	**Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết**	**24.833.650**		**40.785.930.766.904**	**40.680.836.926.315**	**105.093.840.589**	**40.653.184.272**
	TP_MB.2018.7Y.02	13.000	103.596.651	1.346.756.465.000	1.329.961.559.364	16.794.905.636	700.686.000
	TP_MB.BOND.2017.7Y.14	33.020	103.065.205	3.403.213.059.260	3.392.106.853.370	11.106.205.890	21.096.000.000
	TP_VNCMBOND14_19	500	1.000.000.000	500.000.000.000	488.284.947.175	11.715.052.825	709.493.113
	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết khác	24.787.130		35.535.961.242.644	35.470.483.566.406	65.477.676.238	18.147.005.159
5	**Lãi vị thế của hợp đồng CKPS**					**17.574.919.000**	**3.747.190.000**
	TỔNG CỘNG	**159.135.905**		**48.852.330.233.668**	**48.527.020.186.859**	**342.884.965.809**	**309.260.483.503**
II	**LỖ BÁN**						
1	**Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết**	**41.784.183**		**1.221.225.211.092**	**1.318.375.673.722**	**(97.150.462.630)**	**(49.088.899.315)**
	GEX	5.472.850	22.769	124.612.735.500	143.934.156.561	(19.321.421.061)	-
	CTD	440.790	104.757	46.175.644.000	60.268.953.640	(14.093.309.640)	(11.395.509)
	HPG	7.777.810	24.437	190.067.966.500	201.667.328.317	(11.599.361.817)	(5.533.536)
	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	28.092.733		860.368.865.092	912.505.235.204	(52.136.370.112)	(49.071.970.270)
2	**Cổ phiếu chưa niêm yết và khác**	**-**		**-**	**-**	**-**	**(4.250.700.000)**
3	**Trái phiếu niêm yết**	**146.880.000**		**15.662.931.900.000**	**15.665.195.220.000**	**(2.263.320.000)**	**(5.521.927.273)**
4	**Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết**	**8.133**		**1.675.372.205.168**	**1.702.259.099.863**	**(26.886.894.695)**	**(46.859.874.349)**
	TP_BIDVBOND14.24	100	948.212.921	94.821.292.100	100.335.900.000	(5.514.607.900)	(1.916.000.000)
	TP_MB.2018.7Y.02	5.000	99.242.317	496.211.584.000	501.352.208.074	(5.140.624.074)	-
	TP_MB.BOND.2017.7Y.14	2.500	98.563.604	246.409.010.430	251.350.725.000	(4.941.714.570)	(25.389.162.000)
	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết khác	533		837.930.318.638	849.220.266.789	(11.289.948.151)	(19.554.712.349)
5	**Lỗ vị thế của hợp đồng CKPS**					**(6.939.770.000)**	**(4.918.531.000)**
	TỔNG CỘNG	**188.672.316**		**18.559.529.316.260**	**18.685.829.993.585**	**(133.240.447.325)**	**(110.639.931.937)**

31. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm VND
I	**Loại FVTPL**	**4.553.053.867.450**	**4.315.244.773.067**	**(237.809.094.383)**	**(253.290.278.039)**	**15.481.183.656**
1	***Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết***	***1.672.963.319.467***	***1.447.285.043.649***	***(225.678.275.818)***	***(240.549.653.397)***	***14.871.377.579***
	ELC	191.238.144.589	52.962.725.140	(138.275.419.449)	(123.574.304.278)	(14.701.115.171)
	GEX	132.827.558.855	104.727.985.650	(28.099.573.205)	(59.553.921.116)	31.454.347.911
	DBC	253.101.130.155	233.814.891.600	(19.286.238.555)	(25.703.806.078)	6.417.567.523
	FPT	159.446.563.013	178.218.144.500	18.771.581.487	(21.135.197.553)	39.906.779.040
	HPG	179.508.676.258	183.250.791.000	3.742.114.742	(15.130.860.523)	18.872.975.265
	MBB	72.715.536.508	69.127.156.800	(3.588.379.708)	(3.734.373.915)	145.994.207
	OPC	163.914.646.949	157.071.600.000	(6.843.046.949)	5.451.108.996	(12.294.155.945)
	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	520.211.063.140	468.111.748.959	(52.099.314.181)	2.831.701.070	(54.931.015.250)
2	***Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền***	***147.825.259.973***	***148.166.359.500***	***341.099.527***	***-***	***341.099.527***
	MBB	24.218.098.386	23.022.979.200	(1.195.119.186)	-	(1.195.119.186)
	FPT	25.783.439.996	28.818.914.300	3.035.474.304	-	3.035.474.304
	HPG	18.404.132.189	18.814.335.000	410.202.811	-	410.202.811
	REE	15.912.611.872	15.723.708.000	(188.903.872)	-	(188.903.872)
	VNM	33.601.112.644	32.003.715.000	(1.597.397.644)	-	(1.597.397.644)
	VIC	3.829.766.027	3.798.450.000	(31.316.027)	-	(31.316.027)
	VJC	10.515.409.420	10.788.098.000	272.688.580	-	272.688.580
	VHM	15.560.689.439	15.196.160.000	(364.529.439)	-	(364.529.439)
3	***Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết***	***399.114.275.313***	***386.642.357.221***	***(12.471.918.092)***	***(7.692.624.642)***	***(4.779.293.450)***
4	***Trái phiếu và chứng khoán khác chưa niêm yết***	***2.333.151.012.697***	***2.333.151.012.697***	***-***	***(5.048.000.000)***	***5.048.000.000***
II	**Loại AFS**	**429.604.461.632**	**760.042.115.504**	**330.437.653.872**	**350.552.418.765**	**(20.114.764.893)**
1	**Cổ phiếu niêm yết**	**251.088.814.728**	**591.104.213.600**	**340.015.398.872**	**350.552.418.765**	**(10.537.019.893)**
	SGN	172.712.731.397	447.423.470.000	274.710.738.603	328.239.512.209	(53.528.773.606)
	DHC	52.055.700.788	131.244.668.000	79.188.967.212	34.517.304.262	44.671.662.950
	Cổ phiếu niêm yết khác	26.320.382.543	12.436.075.600	(13.884.306.943)	(12.204.397.706)	(1.679.909.237)
2	***Cổ phiếu chưa niêm yết***	***178.515.646.904***	***168.937.901.904***	***(9.577.745.000)***	***-***	***(9.577.745.000)***
	TỔNG CỘNG	**4.982.658.329.082**	**5.075.286.888.571**	**92.628.559.489**	**97.262.140.726**	**(4.633.581.237)**

31.3. Chênh lệch về đánh giá lại phải trả chứng quyền

STT	Danh mục các loại chứng quyền Công ty phát hành	Giá trị phát hành theo sổ kế toán VND	Giá trị thị trường VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm VND
1	VNM/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	12.325.069.601	7.716.567.900	4.608.501.701	-	4.608.501.701
2	FPT/6.5M/SSI/C/EU/Cash-02	4.477.770.138	4.508.933.800	(31.163.662)	-	(31.163.662)
3	HPG/6.5M/SSI/C/EU/Cash-02	4.144.079.307	4.112.526.400	31.552.907	-	31.552.907
4	MBB/3.5M/SSI/C/EU/Cash-02	2.462.895.631	778.579.200	1.684.316.431	-	1.684.316.431
5	MBB/6.5M/SSI/C/EU/Cash-02	6.350.549.539	3.709.466.600	2.641.082.939	-	2.641.082.939
6	REE/3.5M/SSI/C/EU/Cash-01	1.953.893.394	942.388.200	1.011.505.194	-	1.011.505.194
7	REE/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	2.052.589.477	1.733.562.000	319.027.477	-	319.027.477
8	VHM/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	4.439.430.132	3.689.610.300	749.819.832	-	749.819.832
9	VIC/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	982.199.402	919.417.500	62.781.902	-	62.781.902
10	VJC/6.5M/SSI/C/EU/Cash-01	2.120.148.231	2.143.712.500	(23.564.269)	-	(23.564.269)
	TỔNG CỘNG	**41.308.624.852**	**30.254.764.400**	**11.053.860.452**	**-**	**11.053.860.452**

31. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.4 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	82.344.443.777	88.429.902.062
Từ tài sản tài chính HTM	991.168.158.800	716.061.639.277
Từ các khoản cho vay và phải thu	677.893.533.729	710.869.164.035
Từ tài sản tài chính AFS	83.305.018.553	209.534.611.481
Cổ tức, trái tức phát sinh từ tài sản tài chính AFS	*18.369.364.500*	*29.921.747.500*
Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS phân loại lại khi bán và khác	*64.935.654.053*	*179.612.863.981*
- OPC	*-*	*79.762.779.371*
- TMS	*-*	*54.767.077.941*
- TDM	*12.905.000.000*	*-*
- SGN	*51.809.222.037*	*6.780.080.390*
- Khác	*221.432.016*	*38.302.926.279*
TỔNG CỘNG	**1.834.711.154.859**	**1.724.895.316.855**

32. CHI PHÍ DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	487.522.858	6.594.554.707
Chi phí dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán khó đòi	-	33.077.825.063
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.013.850.000	-
TỔNG CỘNG	**11.501.372.858**	**39.672.379.770**

33. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê tài sản	8.383.712.004	4.628.613.317
Doanh thu các dịch vụ tài chính khác	4.606.607.925	1.017.308.438
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	23.061.556.213	28.648.065.374
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục ủy thác	10.584.008.522	35.861.122.917
Doanh thu khác (bao gồm phí các dịch vụ hỗ trợ Nhà đầu tư giao dịch chứng khoán)	21.393.976.292	17.632.272.217
TỔNG CỘNG	**68.029.860.956**	**87.787.382.263**

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	555.493.733.108	772.657.137.549
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	15.040.853.528	644.244.526
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	17.444.386.941	52.479.927.302
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	21.502.445.834	20.611.871.141
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	27.540.046.739	22.252.011.562
Chi phí hoạt động khác *(Thuyết minh số 35)*	128.703.913.660	111.558.768.564
TỔNG CỘNG	**765.725.379.810**	**980.203.960.644**

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí môi giới chứng khoán	142.308.930.113	308.664.023.273
Chi phí hoạt động lưu ký	27.540.046.739	22.252.011.562
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	253.733.279.209	354.350.264.575
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	19.400.612.506	17.405.674.150
Chi phí vật tư văn phòng	1.413.938.351	1.293.981.717
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.084.138.780	8.302.585.973
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	32.030.259.414	22.419.812.539
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	5.000.000	(160.568.499)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.354.319.704	133.243.256.210
Chi phí về vốn	86.949.168.790	83.203.018.717
Chi phí chia sẻ lợi tức của hoạt động quản lý quỹ	7.450.772.590	9.944.940.287
Chi phí khác	29.454.913.614	19.284.960.140
TỔNG CỘNG	**765.725.379.810**	**980.203.960.644**

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ	18.414.593.655	19.321.897.459
Chi phí hoạt động quản lý danh mục	1.073.519.394	1.069.414.297
Chi phí hoạt động khác của công ty Quản lý quỹ	4.104.373.596	3.734.348.894
Chi phí lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	69.948.815.774	52.084.533.013
Chi phí lãi hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	2.971.506.848	14.076.185.961
Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.000.000	(160.568.499)
- Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	*5.000.000*	*(160.568.499)*
Chi phí hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư	18.576.262.108	15.508.354.597
Chi phí khác	13.609.842.285	5.924.602.842
TỔNG CỘNG	**128.703.913.660**	**111.558.768.564**

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái	435.548.098	3.303.149.879
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.355.221.628	23.823.241.348
Lãi chia sẻ từ công ty liên kết *(Thuyết minh số 11)*	42.258.531.653	69.602.389.875
Lãi thanh lý công ty liên kết	-	164.457.327.326
Doanh thu khác về đầu tư	3.456.980.508	4.638.165.478
TỔNG CỘNG	**66.506.281.887**	**265.824.273.906**

37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	19.611.726.414	4.697.732.904
Chi phí lãi vay	804.176.964.572	536.540.563.261
- Chi phí lãi trái phiếu	*84.890.283.968*	*107.876.630.503*
- Chi phí lãi vay ngắn hạn	*719.286.680.604*	*428.663.932.758*
Chi phí tài chính khác	14.832.880.334	5.680.695.698
TỔNG CỘNG	**838.621.571.320**	**546.918.991.863**

38. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi	76.729.652.344	78.886.505.333
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	5.311.515.200	5.397.225.250
Chi phí văn phòng phẩm	1.283.880.742	1.771.998.713
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.189.011.065	2.314.721.959
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.650.426.378	7.510.923.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.253.347.664	66.725.632.630
Chi phí khác	12.820.420.379	11.076.637.442
TỔNG CỘNG	**193.238.253.772**	**173.683.645.242**

39. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	7.067.722.985	58.417.373.996
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản	*292.051.076*	*54.144.381.818*
Thu nhập khác	*6.775.671.909*	*4.272.992.178*
Chi phí khác	(160.809.383)	(2.233.836.059)
TỔNG CỘNG	**6.906.913.602**	**56.183.537.937**

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

40.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	**1.105.523.561.457**	**1.623.213.463.955**
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	***(272.210.616.028)***	***(68.767.656.448)***
Các khoản điều chỉnh tăng	339.363.886.958	844.358.383.189
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết cuối năm	*-*	*5.048.000.000*
- Dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ cuối năm	*89.069.224.845*	*148.448.708.075*
- Chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	*232.329.833.598*	*510.162.874.917*
- Chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	*14.923.408.826*	*-*
- Dự phòng các khoản cho vay cuối năm	*1.596.109.265*	*30.675.918.324*
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế chuyển sang năm sau	*-*	*23.945.868.756*
- Khoản điều chỉnh tăng do điều chỉnh phương thức phân bổ chi phí các năm 2016, 2017 vào năm 2018	*-*	*5.785.972.347*
- Chênh lệch từ thanh lý cổ phiếu công ty liên kết trên BCTC hợp nhất so với BCTC riêng	*-*	*98.657.309.322*
- Doanh thu chưa thực hiện phát sinh do hợp nhất BCTC	*-*	*17.676.050.390*
- Chi phí không được khấu trừ	*1.445.310.424*	*3.957.681.058*
Các khoản điều chỉnh giảm	(611.574.502.986)	(913.126.039.637)
- Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	*(49.332.814.426)*	*(49.504.822.356)*
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết đầu năm	*(5.048.000.000)*	*(19.850.000.000)*
- Hoàn nhập dự phòng giá trị đầu tư nhận hoàn vốn đầu năm	*-*	*(153.208.011.211)*
- Chi phí dự phòng chứng khoán trong năm	*(3.591.426.522)*	*(150.951.518.874)*
- Hoàn nhập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ đầu năm	*(148.448.708.075)*	*-*
- Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay đầu năm	*(30.675.918.324)*	*(32.070.269.995)*
- Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	*(247.811.017.254)*	*(249.068.059.560)*
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	*(25.977.269.278)*	*-*
- Doanh thu hoàn vốn theo tiến độ đã tính thuế năm 2015	*-*	*(128.873.845.237)*
- Các khoản điều chỉnh giảm do đã bổ sung tại quyết toán thuế 2018	*(7.078.359.289)*	*-*
- Lợi nhuận trước thuế từ công ty con	*(45.297.869.229)*	*(36.746.737.600)*
- Lợi nhuận chia sẻ từ công ty liên kết	*(42.258.531.653)*	*(69.602.389.877)*
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế năm trước chuyển sang	*(6.054.588.936)*	*(23.250.384.927)*

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

40.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty như sau (tiếp theo):

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**833.312.945.429**	**1.554.445.807.508**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**166.662.589.086**	**310.889.161.501**
Thuế TNDN phải trả ước tính tại công ty con	**10.962.040.405**	**8.516.740.990**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	40.748.215.998	84.299.155.217
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế	1.053.225.465	1.596.872.630
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2016 và năm 2017 theo quyết toán điều chỉnh	-	(1.157.194.468)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(188.842.598.770)	(363.396.519.872)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**30.583.472.184**	**40.748.215.998**

40.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số đầu năm	51.848.120.587	76.547.370.505
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do giảm chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	(1.009.600.000)	(2.960.400.000)
Thuế TNDN hoãn lại do (hoàn nhập)/ trích lập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ	(11.875.896.646)	29.689.741.615
Thuế TNDN hoãn lại do hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản đảm bảo của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ	-	(30.641.602.242)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản doanh thu tạm thời chịu thuế năm 2015	-	(25.774.769.047)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị khoản cho vay	(5.815.961.812)	(278.870.334)
Thuế TNDN hoãn lại do doanh thu chưa thực hiện phát sinh khi hợp nhất báo cáo tài chính	-	3.535.210.077
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản chi phí tạm thời chịu thuế	(1.222.492.958)	1.731.440.013
Số cuối năm	**31.924.169.171**	**51.848.120.587**
Phải trả thuế TNDN hoãn lại		
Số đầu năm	78.373.614.743	191.039.934.153
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	(1.717.646.385)	(1.605.103.358)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	(679.292.238)	(22.663.505.816)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính AFS	(1.808.914.900)	(88.397.710.236)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành tạm thời không chịu thuế	2.221.717.677	-
Số cuối năm	**76.389.478.897**	**78.373.614.743**

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế TNDN hoãn lại do hoàn nhập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	1.009.600.000	2.960.400.000
Thuế TNDN hoãn lại do hoàn nhập dự phòng giảm giá trị tài sản đảm bảo của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ	-	30.641.602.242
Thuế TNDN hoãn lại do doanh thu hoàn vốn theo tiến độ năm 2015 đã nộp thuế	-	25.774.769.047
Thuế TNDN hoãn lại do hoàn nhập/ (trích lập) dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ	11.875.896.646	(29.689.741.615)
Thuế TNDN hoãn lại do hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	5.815.961.812	278.870.334
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản chi phí phát sinh tạm thời chịu thuế	1.222.492.958	(1.731.440.013)
Thuế TNDN hoãn lại do doanh thu chưa thực hiện phát sinh khi hợp nhất báo cáo tài chính	-	(3.535.210.077)
Thuế TNDN hoãn lại từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	(1.717.646.385)	(1.605.103.358)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL và đánh giá giảm phải trả chứng quyền	1.542.425.439	(22.663.505.816)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**19.748.730.470**	**430.640.744**

41. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phát sinh VND	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh VND	Số cuối năm VND
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	277.801.019.026	46.535.871.627	(64.841.721.620)	259.495.169.033

42. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	329.650.000	124.000.000
- Lãi khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	*329.650.000*	*124.000.000*
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(51.582.946.547)	(390.917.905.359)
- Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại khi bán	*(18.305.849.993)*	*(360.095.225.041)*
- Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	*(7.343.844.372)*	*(6.321.512.555)*
- Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	*(22.288.820.220)*	*(24.489.167.763)*
- Lỗ khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	*(3.644.431.962)*	*(12.000.000)*
TỔNG CỘNG	**(51.253.296.547)**	**(390.793.905.359)**

43. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2018. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	845.989.204.120	1.213.585.067.924
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	508.772.958	499.834.406
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	1.663	2.428

44. THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu, hay lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế đã điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng cho mục đích tính lãi suy giảm.

Theo đó, lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2018, điều chỉnh cho các khoản sau:

- Các khoản cổ tức hoặc các khoản khác liên quan tới cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giảm trừ vào số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu của công ty mẹ;
- Bất kỳ khoản lãi nào được ghi nhận trong năm liên quan đến cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm; và
- Các thay đổi khác của thu nhập hoặc chi phí do chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của số bình quân gia quyền của số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm với số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giả định chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm báo cáo hoặc tại ngày phát hành cổ phiếu phổ thông tiềm năng nếu ngày phát hành cổ phiếu này sau thời điểm đầu năm báo cáo; hoặc tại thời điểm phát sinh đối với các cổ phiếu phổ thông tiềm năng là quyền chọn mua, chứng quyền và các công cụ tương đương.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông – VND	845.989.204.120	1.213.585.067.924
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu – VND	83.617.554.636	74.266.153.984
- Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phát sinh trong năm	*83.617.554.636*	*74.266.153.984*
Lợi nhuận sau điều chỉnh – VND	929.606.758.756	1.287.851.221.908
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	560.667.283	532.865.780
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu – VND	1.658	2.417

(*) Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của:

- số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành;
- số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng sẽ được phát hành với giả định toàn bộ trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm SSI phát hành trái phiếu trong năm 2018;
- số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng sẽ được phát hành theo chương trình ESOP cho người lao động của Công ty với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành vào thời điểm Đại Hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") chấp thuận phát hành ESOP theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019, số lượng phát hành là 10.000.000 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu; và
- số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng sẽ được phát hành trả cổ tức với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành vào thời điểm ĐHĐCĐ chấp thuận phương án phát hành theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 11 năm 2019, tỷ lệ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 16%.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

45.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc SSI Thành viên Hội đồng Quản trị SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng giám đốc NDH
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ trên 10% vốn có quyền biểu quyết của SSI
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của PAN, công ty liên kết
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.111.782.801	(1.111.782.801)	-	1.102.868.911
	Doanh thu hợp đồng tư vấn	-	4.551.424.000	(4.551.424.000)	-	4.146.749.091
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(4.653.975.421.313)	4.653.975.421.313	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán	-	5.517.482.613.875	(5.517.482.613.875)	-	7.590.584.635
	Nhận cọc môi giới chứng khoán và hợp đồng quản lý tiền gửi	(1.222.675.189.617)	(7.486.192.722.905)	8.627.482.114.797	(81.385.797.725)	-
	Lãi nhận cọc MGCK và lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	(3.519.496.889)	(65.284.441.742)	68.481.707.823	(322.230.808)	(65.284.441.742)
	Chi phí mua hàng hóa	-	(5.136.704.970)	5.124.230.970	(12.474.000)	(5.136.704.970)
	Lãi trái phiếu	-	4.536.986.300	(4.536.986.300)	-	4.536.986.300
	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	734.668.285.301	63.255.829.402	(38.080.891.928)	759.843.222.775	42.258.531.653
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	225.016.834	(225.016.834)	-	225.014.434
	Phí quản lý danh mục	116.808.959	199.840.074	(299.995.697)	16.653.336	199.840.074
	Doanh thu tư vấn, dịch vụ	1.787.635.000	5.327.513.975	(4.978.850.500)	2.136.298.475	4.843.194.523
	Giao dịch bán chứng khoán	-	3.386.471.167.766	(3.386.471.167.766)	-	6.513.173.369
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(3.168.935.526.766)	3.168.935.526.766	-	-
	Phí tư vấn dịch vụ	-	(154.600.000)	154.600.000	-	(263.100.000)
	Cổ tức SSI	-	(48.194.727.000)	48.194.727.000	-	-
Daiwa Securities Group INC và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	853.510.132	(853.510.132)	-	776.004.348
	Phí hoa hồng phải trả	(1.160.510.884)	(5.341.350.972)	6.060.276.582	(441.585.274)	(5.341.350.972)
	Doanh thu hợp đồng tư vấn	1.312.393.222	17.739.535.107	(16.558.135.056)	2.493.793.273	17.270.635.107
	Doanh thu tư vấn đầu tư	5.090.718.677	3.591.522.060	(5.098.608.164)	3.583.632.573	3.588.456.545
	Cổ tức SSI	-	(101.978.121.000)	101.978.121.000	-	-
Cty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	156.772.985	(156.772.985)	-	156.763.385
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(10.234.900.000)	10.234.900.000	-	-
	Cổ tức SSI	-	(180.002.000)	180.002.000	-	-
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	191.053.584	(191.053.584)	-	191.047.984
	Cổ tức SSI	-	(30.454.063.000)	30.454.063.000	-	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân liên quan	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	2.668.460.400	(2.668.460.400)	-	624.102.309
	Giao dịch bán trái phiếu	-	20.228.399.300	(20.228.399.300)	-	228.399.300
	Doanh thu dịch vụ khác	-	2.207.534.770	(2.207.534.770)	-	2.207.534.770
	Cổ tức SSI	-	(14.073.400.000)	14.073.400.000	-	-
Đối tượng liên quan khác	Mua trái phiếu SSI	(60.000.000.000)	-	60.000.000.000	-	-
	Lãi trái phiếu phải trả	(4.934.054.428)	(270.945.572)	5.205.000.000	-	(270.945.572)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thưởng	15.747.711.049	13.126.800.000

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (1) VND	Tự doanh VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý danh mục VND	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Năm 2019						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán (1)	1.317.173.493.995	826.923.548.800	1.030.775.564.521	33.835.686.808	99.843.829.945	3.308.552.124.069
2. Các chi phí trực tiếp	790.452.757.653	445.549.377.105	702.516.927.748	20.094.454.051	51.176.792.284	2.009.790.308.841
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	119.807.717.339	25.577.113.132	15.459.060.301	7.729.530.151	24.664.832.848	193.238.253.771
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**406.913.019.003**	**355.797.058.563**	**312.799.576.472**	**6.011.702.606**	**24.002.204.813**	**1.105.523.561.457**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019						
1. Tài sản bộ phận	5.365.175.232.762	6.122.949.379.716	14.906.970.252.591	68.636.216.870	26.391.132.359	26.490.122.214.298
2. Tài sản phân bổ	168.988.848.584	38.158.772.261	21.805.012.721	10.902.506.360	32.707.519.081	272.562.659.007
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	281.430.151.608
Tổng tài sản	**5.534.164.081.346**	**6.161.108.151.977**	**14.928.775.265.312**	**79.538.723.230**	**59.098.651.440**	**27.044.115.024.913**
4. Nợ phải trả bộ phận	1.997.469.537.515	691.799.021.437	14.484.195.452.339	6.790.837.095	11.318.800.163	17.191.573.648.549
5. Nợ phân bổ	180.128.955.830	40.674.280.349	23.242.445.914	11.621.222.957	34.863.668.870	290.530.573.920
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	160.951.022.239
Tổng công nợ	**2.177.598.493.345**	**732.473.301.786**	**14.507.437.898.253**	**18.412.060.052**	**46.182.469.033**	**17.643.055.244.708**
Năm 2018						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán (1)	1.893.605.019.876	1.092.899.742.557	759.144.046.466	65.515.558.197	185.915.339.550	3.997.079.706.646
2. Các chi phí trực tiếp	1.022.741.177.595	708.573.024.444	378.074.479.321	20.506.811.552	70.287.104.536	2.200.182.597.448
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	109.420.696.503	22.578.873.881	13.894.691.620	6.947.345.809	20.842.037.430	173.683.645.243
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**761.443.145.778**	**361.747.844.232**	**367.174.875.525**	**38.061.400.836**	**94.786.197.584**	**1.623.213.463.955**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018						
1. Tài sản bộ phận	5.972.332.012.656	4.291.466.758.057	12.914.276.614.602	39.891.225.087	10.749.982.228	23.228.716.592.630
2. Tài sản phân bổ	135.271.921.447	27.913.253.632	17.177.386.850	8.588.693.425	25.766.080.276	214.717.335.630
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	382.192.797.101
Tổng tài sản	**6.107.603.934.103**	**4.319.380.011.689**	**12.931.454.001.452**	**48.479.918.512**	**36.516.062.504**	**23.825.626.725.361**
4. Nợ phải trả bộ phận	2.255.715.036.430	683.544.626.967	11.291.790.838.923	3.295.227.159	10.079.545.261	14.244.425.274.740
5. Nợ phân bổ	163.148.933.676	33.665.652.981	20.717.324.911	10.358.662.456	31.075.987.367	258.966.561.391
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	**166.570.361.597**
Tổng công nợ	**2.418.863.970.106**	**717.210.279.948**	**11.312.508.163.834**	**13.653.889.615**	**41.155.532.628**	**14.669.962.197.728**

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay và doanh thu lưu ký

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSIIC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2% đến 4%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	85.837.981.908	62.862.490.807
Trên 1 - 5 năm	211.181.283.215	86.001.002.221
Trên 5 năm	237.301.561.200	69.222.045.000
TỔNG CỘNG	**534.320.826.323**	**218.085.538.028**

45.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết cung cấp cho nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ ký quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 như sau

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trụ sở chính (tại Thành phố Hồ Chí Minh)	1.471.953.895.995	1.037.497.641.064
Hà Nội	693.070.387.246	655.963.469.645
Hải Phòng	34.099.825.325	27.915.623.565
Nguyễn Công Trứ	164.726.833.452	97.025.923.901
Nha Trang	19.612.142.664	19.030.554.032
Vũng Tàu	27.434.217.823	23.287.102.244
Mỹ Đình	92.306.572.669	40.513.753.430
TỔNG CỘNG	**2.503.203.875.174**	**1.901.234.067.881**

45.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL và AFS) là 2.186.555.616.750 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5, Thuyết minh số 7.3 và Thuyết minh số 11*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 9*, Ban Tổng giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tổng cộng VND	Số dư đã dự phòng VND	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 80 ngày VND	81–180 ngày VND	>180 ngày VND	>210 ngày VND
Số đầu năm	5.966.651.185.939	33.732.119.327	5.931.945.546.892	961.795.139	5.001.214	1.371.439	5.351.928
Số cuối năm	5.359.342.228.084	30.286.750.665	5.329.024.126.928	6.574.982	6.316.274	1.973.476	16.485.759

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 – 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2019						
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	**-**	***260.631.829.536***	***780.150.780.818***	**-**	**-**	***1.040.782.610.354***
Tài sản tài chính	***31.350.491***	***5.124.315.951.246***	***16.032.213.272.783***	***3.444.540.512.534***	***794.315.339.944***	***25.395.416.426.998***
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	4.315.244.773.067	-	-	-	4.315.244.773.067
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	10.721.931.457.865	3.444.540.512.534	-	14.166.471.970.399
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	31.350.491	49.029.062.675	5.310.281.814.918	-	-	5.359.342.228.084
Sẵn sàng để bán	-	760.042.115.504	-	-	-	760.042.115.504
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	794.315.339.944	794.315.339.944
Tài sản khác	***308.278.893.044***	***164.752.511.401***	***2.236.298.475***	***176.462.783.756***	***205.776.532.750***	***857.507.019.426***
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	29.107.655.416	-	-	-	29.107.655.416
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	308.278.893.044	87.185.722.731	2.236.298.475	-	-	397.700.914.250
Tài sản khác	-	48.459.133.254	-	-	-	48.459.133.254
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	176.462.783.756	205.776.532.750	382.239.316.506
TỔNG CỘNG	**308.310.243.535**	**5.549.700.292.183**	**16.814.600.352.076**	**3.621.003.296.290**	**1.000.091.872.694**	**27.293.706.056.778**
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	5.679.096.155.457	9.871.130.000.000	-	-	15.550.226.155.457
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	1.105.937.946.170	-	1.105.937.946.170
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	30.254.764.400	-	-	30.254.764.400
Chi phí phải trả	-	26.636.113.756	72.355.027.987	-	-	98.991.141.743
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	59.461.134.912	-	-	-	59.461.134.912
Phải trả, phải nộp khác	-	354.754.122.779	309.165.194.916	-	-	663.919.317.695
Tổng cộng	**-**	**6.119.947.526.904**	**10.282.904.987.303**	**1.105.937.946.170**	**-**	**17.508.790.460.377**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**308.310.243.535**	**(570.247.234.721)**	**6.531.695.364.773**	**2.515.065.350.120**	**1.000.091.872.694**	**9.784.915.596.401**

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty cũng sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại và chứng quyền do Công ty phát hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng là 10.040 tỷ VND, và tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn dùng để đảm bảo thanh toán cho chứng quyền của Công ty phát hành là 85,9 tỷ VND.

Trong số cổ phiếu niêm yết thuộc tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, có 27.097.938 cổ phiếu với mệnh giá 270.979.380.000 VND là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Trong số trái phiếu chưa niêm yết và chứng khoán khác thuộc tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 13 chứng chỉ tiền gửi với giá trị mệnh giá là 1.300 tỷ VND được sử dụng là tài sản đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Trong số trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn thuộc các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 102.400 trái phiếu với giá trị mệnh giá là 3.400 tỷ VND được sử dụng là tài sản đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

45.6 Các khoản mục ngoại bảng của công ty con

SSIAM, một công ty con của Công ty thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản mục ngoại bảng của SSIAM liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm: tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	36.663.687.306	130.461.339.967
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	318.688.461.592	424.220.130.537
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	1.673.104.377	23.469.414.816
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	507.291.281	581.058.983

Trong đó, danh sách chứng khoán thuộc danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác có giá trị suy giảm như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị giảm giá VND	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị giảm giá VND
HPG	-	-	-	613.760	24.673.914.626	(5.678.042.626)
TCB	-	-	-	408.200	14.715.008.704	(4.163.038.704)
GEX	-	-	-	549.480	15.436.140.698	(3.265.158.698)
VIT	-	-	-	349.770	6.259.812.146	(2.272.434.146)
MBB	527.986	11.494.144.356	(512.035.556)	360.848	8.047.930.035	(1.029.436.435)
VHM	65.550	5.895.328.425	(336.688.425)	200.728	18.446.441.744	(3.713.006.544)
ACB	50.000	1.171.573.600	(31.573.600)	233.445	9.025.054.205	(2.115.082.205)
HLM	55.625	11.013.850.000	(11.013.850.000)	-	-	-
RICONS	188.716	19.799.162.000	(8.476.202.000)	188.716	20.193.012.000	(849.622.000)
TDM	901.100	25.437.435.642	(2.279.165.642)	-	-	-
Khác	1.652.473	65.797.427.014	(5.980.310.314)	3.217.973	181.428.015.648	(9.578.934.055)
TỔNG	**3.441.450**	**140.608.921.037**	**(28.629.825.537)**	**6.122.920**	**298.225.329.806**	**(32.664.755.413)**

45.7 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

	Chỉ số năm 2019	Chỉ số năm 2018
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	82,42%	93,47%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	17,58%	6,53%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	65,24%	61,57%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	34,76%	38,43%
Tỷ suất lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	3,35%	5,47%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	9,72%	14,34%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	17,78%	25,54%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	27,48%	33,08%
Khả năng thanh toán		
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,36	1,65
Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn] / Nợ ngắn hạn)	1,35	1,64

46. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Bộ phận Kiểm toán Nội bộ được xây dựng và hoạt động trực thuộc Ban Tổng giám đốc Công ty. Theo đó phạm vi công việc của bộ phận Kiểm toán Nội bộ là đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các quy định hiện hành về các chỉ tiêu tài chính, thông tin tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ của công ty về các chỉ tiêu đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính trên báo cáo vốn khả dụng. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ hoạt động trên nguyên tắc: độc lập, khách quan, trung thực, phối hợp và bảo mật.

Kết quả kiểm toán nội bộ trong năm 2019 bao gồm như sau:

Giám sát báo cáo tài chính

KTNB đã thực hiện giám sát báo cáo tài chính các quí và báo cáo năm 2019 trước khi được công bố ra bên ngoài theo quy định. Kết quả giám sát cho thấy Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật. Các kiến nghị, trao đổi của Kiểm toán Nội bộ được các bộ phận liên quan xem xét, phản hồi, điều chỉnh và khắc phục kịp thời.

Giám sát báo cáo vốn khả dụng

KTNB đã thực hiện giám sát báo cáo vốn khả dụng thông qua việc Kiểm toán nội bộ báo cáo an toàn vốn khả dụng hàng tháng. Các báo cáo đều được công bố đúng hạn. Các yêu cầu về xác định các chỉ tiêu trong báo cáo vốn khả dụng quy định tại thông tư 87/2017/TT – BTC của Bộ Tài chính đều được đảm bảo tuân thủ.

Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến quy định phòng chống rửa tiền.

Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã vận hành hiệu quả, đảm bảo các quy trình, quy định liên quan đến phòng chống rửa tiền được thực hiện và giám sát đầy đủ.

Kế hoạch hoạt động năm 2020 của KTNB:

- Cập nhật và thay đổi quy trình nội bộ để đáp ứng các yêu cầu pháp lý liên quan hoạt động kiểm toán nội bộ;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ thông qua việc thực hiện kiểm toán theo chủ đề và mở rộng phạm vi kiểm toán;
- Tiếp tục thực hiện kiểm toán nội bộ các hoạt động tài chính kế toán, kiểm toán các báo cáo trong phạm vi công việc trước khi công bố thông tin để đảm bảo tính phù hợp, minh bạch của thông tin tài chính, đảm bảo tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn.

THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG
& QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của HĐQT, BKS: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, BKS được trình bày chi tiết tại mục Cơ cấu Tổ chức.

Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thông tin cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010
5	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	50 QTCT 248/QĐ-TTNC	19/9/2013
6	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
7	Nguyễn Kim Long	Giám đốc Luật & KSNB kiêm Thư ký Công ty	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
8	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của Công ty CP Chứng khoán SSI được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SSI và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Ngày 15/01/2020, Công ty CP Chứng khoán SSI đã hoàn thành đợt phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2019, do đó, số lượng cổ phiếu phát hành này sẽ được ghi nhận vào vốn điều lệ của Công ty vào năm 2020. Tại ngày 31/12/2019, vốn điều lệ của SSI là 5.100.636.840.000 VNĐ tương ứng 510.063.684 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2019 là 2.009.008 cổ phiếu, tăng so với thời điểm tại ngày 31/12/2018 (893.377 cổ phiếu), do trong năm 2019 Công ty mua lại cổ phiếu lô lẻ từ các nhà đầu tư và mua lại cổ phiếu của nhân viên mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) đã nghỉ việc.

Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản báo cáo này. Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/10/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

THÔNG TIN KHÁC/ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019

Phụ lục 1: Giao dịch của người nội bộ và người liên quan

Giao dịch cổ phiếu SSI của người nội bộ và người liên quan tính đến ngày 31/12/2019

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	6.783.400	1,330%	6.783.400	1,330%	Không thay đổi
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ/ Người được ủy quyền CBTT	1.400.000	0,274%	1.400.000	0,274%	Không thay đổi
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	200.000	0,039%	150.000	0,029%	Bán 50.000 cổ phiếu ngày 01/04/2019
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	263.174	0,052%	N/A	N/A	Hết nhiệm kỳ thành viên HĐQT kể từ ngày 25/4/2019 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
5	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	40.000	0,008%	40.000	0,008%	Bầu mới làm thành viên HĐQT kể từ ngày 25/4/2019 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
6	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	700.000	0,137%	700.000	0,137%	Không thay đổi
7	Hironori Oka	Thành viên HĐQT	0	0,000%	0	0,000%	Không thay đổi
8	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	130.455	0,026%	130.455	0,026%	Không thay đổi
9	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	60.068	0,012%	60.068	0,012%	Không thay đổi
10	Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	142.500	0,028%	142.500	0,028%	Không thay đổi
11	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	1.362.200	0,267%	1.362.200	0,267%	Không thay đổi
12	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	175.000	0,034%	145.000	0,028%	Giảm 30.000 cổ phiếu do bán cổ phiếu từ ngày 21/2/2019 – 27/2/2019
13	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Người có liên quan của thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Nguyễn Hồng Nam	30.454.063	5,971%	30.454.063	5,971%	Không thay đổi
14	Daiwa Securities Group Inc.	Người có liên quan của thành viên HĐQT Hironori Oka	101.978.121	19,993%	101.978.121	19,993%	Không thay đổi

THÔNG TIN KHÁC/ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
15	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ SSI	48.194.727	9,449%	48.194.727	9,449%	Không thay đổi
16	Nguyễn Văn Hiển	Em ruột của Trưởng BKS	56.000	0,011%	56.000	0,011%	Không thay đổi
17	Hoàng Thị Khánh Duyên	Em ruột của Kế toán trưởng	14.000	0,003%	14.000	0,003%	Không thay đổi
18	Trần Quang Việt	Anh ruột của Thành viên Ban kiểm soát	4.006	0,001%	4.006	0,001%	Không thay đổi
19	Nguyễn Mạnh Hùng	Em ruột của Chủ tịch HĐQT	5.000.000	0,980%	5.000.000	0,980%	Không thay đổi
20	QUỸ ETF SSIAM VNX50	Ông Nguyễn Duy Hưng, Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT SSIAM, công ty quản lý Quỹ ETF SSIAM VNX50	44.620	0,009%	60.720	0,012%	01/02/2019 – 18/02/2019: Mua 970 cổ phần 26/04/2019: Bán 1.940 cổ phần 28/5/2019 – 26/6/2019: Mua 17.550 cổ phần 27/6/2019 – 30/6/2019: tăng 900 cổ phiếu do thực hiện hoán đổi danh mục với thành viên lập quỹ 04/11/2019: bán 1.380 cổ phiếu

Các giao dịch khác: (các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con SSI nắm giữ 100% vốn điều lệ
Quỹ Đầu tư thành viên SSI	Công ty con SSI nắm giữ 80% vốn điều lệ
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc SSI cũng là chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH
Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ trên 10% vốn có quyền biểu quyết của SSI
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc SSI cũng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của PAN, công ty liên kết
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh
Công ty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI

THÔNG TIN KHÁC/ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31/12/2019 (theo số liệu báo cáo tài chính riêng năm đã được kiểm toán):

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu (chi phí)
		Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND	VND
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	274.400.000.000	-	-	274.400.000.000	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-
	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	85.267.793	2.521.742.576	(2.499.041.447)	107.968.922	2.427.616.843
	Số dư danh mục ủy thác đầu tư	196.151.511.180	10.313.644.943	(5.546.201.497)	200.918.954.626	-
	Các khoản phải trả quỹ phúc lợi và khác	(115.000.000)	(1.815.890.000)	-	(1.930.890.000)	-
	Chi phí quản lý danh mục	(496.609.963)	(5.494.541.501)	5.524.781.751	(466.369.713)	(5.494.541.501)
	Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	(47.750.000)	47.750.000	-	(47.750.000)
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	225.016.834	(225.016.834)	-	225.014.434
	Giao dịch bán chứng khoán	-	3.386.471.167.766	(3.386.471.167.766)	-	6.513.173.369
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(3.168.935.526.766)	3.168.935.526.766	-	-
	Phí tư vấn dịch vụ	-	(154.600.000)	154.600.000	-	(263.100.000)
	Doanh thu tư vấn, dịch vụ	1.787.635.000	5.327.513.975	(4.978.850.500)	2.136.298.475	4.843.194.523
	Cổ tức SSI	-	(48.194.727.000)	48.194.727.000	-	-
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	853.510.132	(853.510.132)	-	776.004.348
	Phí hoa hồng phải trả	(1.160.510.884)	(5.341.350.972)	6.060.276.582	(441.585.274)	(5.341.350.972)
	Doanh thu hợp đồng tư vấn đầu tư	1.312.393.222	17.739.535.107	(16.558.135.056)	2.493.793.273	17.270.635.107
	Cổ tức SSI	-	(101.978.121.000)	101.978.121.000	-	-

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.111.782.801	(1.111.782.801)	-	1.102.868.911
	Doanh thu hợp đồng tư vấn	-	4.551.424.000	(4.551.424.000)	-	4.146.749.091
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(4.653.975.421.313)	4.653.975.421.313	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán	-	5.517.482.613.875	(5.517.482.613.875)	-	7.590.584.635
	Nhận cọc môi giới chứng khoán và hợp đồng quản lý tiền gửi	(1.222.675.189.617)	(7.486.192.722.905)	8.627.482.114.797	(81.385.797.725)	-
	Lãi nhận cọc MGCK và lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	(3.519.496.889)	(65.284.441.742)	68.481.707.823	(322.230.808)	(65.284.441.742)
	Chi phí mua hàng hóa	-	(5.136.704.970)	5.124.230.970	(12.474.000)	(5.136.704.970)
	Lãi trái phiếu	-	4.536.986.300	(4.536.986.300)	-	4.536.986.300
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	156.772.985	(156.772.985)	-	156.763.385
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(10.234.900.000)	10.234.900.000	-	-
	Cổ tức SSI	-	(180.002.000)	180.002.000	-	-
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	191.053.584	(191.053.584)	-	191.047.984
	Cổ tức SSI	-	(30.454.063.000)	30.454.063.000	-	-
Đối tượng liên quan khác	Mua trái phiếu SSI	(60.000.000.000)	-	60.000.000.000	-	-
	Lãi trái phiếu phải trả	(4.934.054.428)	(270.945.572)	5.205.000.000	-	(270.945.572)

Phân bổ ESOP đối với các thành viên HĐQT và BKS

Căn cứ theo Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông, SSI thực hiện chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy đội ngũ lãnh đạo và những CBNV có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Đợt phát hành ESOP 2019 hoàn thành vào ngày 15/01/2020. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT và BKS đã thực hiện mua số lượng cổ phiếu ESOP như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đã mua
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	2.017.500
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	700.000
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	40.000
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	40.000
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000
6	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	30.000
7	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	15.000
8	Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	70.000

THÔNG TIN KHÁC/ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019

Phụ lục 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ (số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/10/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	**180.626.911**	**35,41%**	**3**	**3**	
	- Trong nước	*78.648.790*	*15,42%*	*2*	*2*	
	- Nước ngoài	*101.978.121*	*19,99%*	*1*	*1*	
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	**2.008.984**	**0,39%**	**0**	**0**	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-		-	-	-
7	Cổ đông khác	**327.427.789**	**64,20%**	**22.738**	**238**	**22.500**
	- Trong nước	*139.525.728*	*27,36%*	*20.607*	*94*	*20.513*
	- Nước ngoài	*187.902.061*	*36,84%*	*2.131*	*144*	*1.987*
	TỔNG CỘNG	**510.063.684**	**100,00%**	**22.742**	**242**	**22.500**
	Trong đó: *- Trong nước*	*218.174.518*	*42,77%*	*20.610*	*97*	*20.513*
	- Nước ngoài	*289.880.182*	*56,83%*	*2.132*	*145*	*1.987*
	- Cổ phiếu quỹ	*2.008.984*	*0,39%*			*-*

(*)Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 510.063.684 cổ phiếu

THÔNG TIN KHÁC/ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019

Cơ cấu sở hữu theo cổ đông lớn và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%) (***)
I. Người nội bộ	**6.776.000**	**4.137.623**	**10.913.623**	**2,14%**
1. Hội đồng Quản trị (*)	590.000	300.000	890.000	0,17%
2. Ban Giám đốc (**)	5.171.000	3.012.400	8.183.400	1.60%
3. Ban Kiểm soát	220.000	113.023	333.023	0,07%
4. Giám đốc Tài chính	650.000	712.200	1.362.200	0,27%
5. Kế toán trưởng	145.000	0	145.000	0,03%
II. Cổ phiếu quỹ	**1.142.000**	**866.984**	**2.008.984**	**0,39%**
III. Công đoàn Công ty	**-**	**-**	**-**	**-**
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	**-**	**-**	**-**	**-**
V. Cổ đông khác	**12.082.000**	**485.079.077**	**497.141.077**	**97,47%**
1. Trong nước	***11.514.000***	***195.766.895***	***207.260.895***	***40,64%***
1.1 Cá nhân	11.514.000	105.683.131	117.177.131	22,98%
1.2 Tổ chức				
- Trong đó Nhà nước	0	90.083.764	90.083.764	17,66%
2. Nước ngoài	***568.000***	***289.312.182***	***289.880.182***	***56,83%***
2.1 Cá nhân	568.000	14.154.654	14.722.654	2,89%
2.2 Tổ chức	0	275.157.528	275.157.528	53,95%
TỔNG CỘNG	**20.000.000**	**490.063.684**	**510.063.684**	**100,00%**

(*) Không bao gồm số cổ phần của Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty và Ông Nguyễn Hồng Nam - Thành viên Hội đồng Quản trị đồng thời là Phó Tổng giám đốc Công ty

(**) Bao gồm số cổ phần của Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty và Ông Nguyễn Hồng Nam - Thành viên Hội đồng Quản trị đồng thời là Phó Tổng giám đốc Công ty

(***) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 510.063.684 cổ phiếu

THÔNG TIN KHÁC/ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019

Danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
	A. Cổ đông nhà nước						
					-	-	-
	Tổng Cộng A				-	-	-
	B. Cổ đông lớn						
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	0104285751	30/10/2014	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	48.194.727	9,45%	-
	Đại diện: Nguyễn Duy Hưng	220895567	20/06/2009	Số 54 ngõ 61/17 Đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	48.194.727	9,45%	-
2	Daiwa Securities Group Incorporation	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyo-da-ku, Tokyo, Japan	101.978.121	19,99%	-
	Đại diện: Hironori Oka	TH1551742	08/09/2006	Căn hộ số 3405, Khu căn hộ Pacific Place, Pacific Place 88 Queensway, Hồng Kông	101.978.121	19,99%	
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	0312490624	04/10/2013	236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	30.454.063	5,97%	
	Đại diện: Hà Thị Thanh Vân	024100737	02/03/2004	Nhà D8, Số 60 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	30.454.063	5,97%	
	Tổng Cộng B				**180.626.911**	**35,41%**	
	C. Cổ đông chiến lược						
1	Daiwa Securities Group Incorporation Đại diện: Hironori Oka	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyo-da-ku, Tokyo, Japan	101.978.121	19,99%	-
	Tổng Cộng C				**101.978.121**	**19,99%**	
	D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)						
					-	-	-
					-	-	-
	Tổng Cộng D				-	-	-
	Tổng Cộng (A+B+C+D)				**180.626.911**	**34,73%**	

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 510.063.684 cổ phiếu

THÔNG TIN KHÁC/ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019

Danh sách chi tiết về người nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	3.771.000	3.012.400	6.783.400	1,33%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc/ Người được ủy quyền CBTT	1.400.000	0	1.400.000	0,27%
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	150.000	0	150.000	0,03%
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	40.000	0	40.000	0,01%
5	Hironori Oka Đại diện phần vốn: Daiwa Securities Group Incorporation	Thành viên HĐQT	-	101.978.121	101.978.121	19,99%
6	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	400.000	300.000	700.000	0,14%
7	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	60.000	70.455	130.455	0,03%
8	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	30.000	30.068	60.068	0,01%
9	Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	130.000	12.500	142.500	0,03%
10	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	650.000	712.200	1.362.200	0,27%
11	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	145.000	0	145.000	0,03%
	TỔNG CỘNG		**6.776.000**	**4.137.623**	**10.913.623**	**2,14%**

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



Miền Bắc

Chi nhánh Hà Nội: Số 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 3936 6321, (+84) 24 6288 8885, Fax: (+84 24) 3936 6311

Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo: Tầng 10, Toà nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 394 13383, Fax: (+84) 24 3941 3385

Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh: Tầng 08, Tòa Nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 3773 4999, Fax: (+84) 24 3771 4999

Phòng giao dịch Lê Văn Lương: Tầng 1, Tòa nhà Star City, số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 3209 1256, Fax: (+84) 24 3568 0738

Chi nhánh Mỹ Đình: Tầng G, tòa nhà The Manor, Mỹ Đình, Phường Mễ Trì, Quận Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 3794 6699, Fax: (+84) 24 3794 6677

Chi nhánh Hải Phòng: 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại: (+84) 225 3569123, Fax: (+84) 225 3569130

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI: Số 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 3936 6321, Fax: (+84) 24 3936 6337

Miền Nam

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 3824 2897 - Fax: (+84) 28 38242997

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ: Tầng 7 Tòa nhà TNR, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 3821 8567; Fax: (+84) 28 3821 3867

Phòng Giao dịch Phạm Ngọc Thạch (PGD ngừng hoạt động từ 8/4/2020): Tầng 2, Tòa nhà ITower, 49 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3823 5079 - Fax: (028) 3824 5077

Phòng giao dịch Nguyễn Văn Cừ: Tầng 8, Tòa nhà Royal Centre Tower, 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 3622 0123; Fax: (+84) 28 3622 6667

Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai: Tầng 1, Tòa nhà Golden Tower, số 6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 3622 2666 ; Fax: (+84) 28 3622 2333

Phòng giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh: Tầng 5-6, 11 Đường D2, Shophouse Saigon Pearl số 92 Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 3622 2233 ; Fax: (+84) 28 3622 2277

Phòng giao dịch Cách Mạng Tháng Tám: Tầng 6, Tòa nhà Lim II, Số 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 36227788; Fax: (+84) 28 36225666

Phòng Giao dịch Lê Lợi: Phòng số 03, Tầng 18, Tòa nhà Saigon Centre, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 3636 3688; Fax: (+84) 28 3636 3668

Chi nhánh Vũng Tàu: Phòng số 116, Tầng trệt, PetroVietnam Towers, số 8 Đường Hoàng Diệu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Điện thoại: (+84) 254 3521906; Fax: (+84) 254 3521907

Chi nhánh Nha Trang: Tầng 3, cao ốc Queen, 50 Lê Thành Phương, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: (0258) 381 6969 - Fax: (0258) 381 6968



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 3824 2897 - Fax: (+84) 28 38242997